

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TÔN THIỆN PHƯƠNG

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG
TỔ TỤNG HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN TỈNH NGHỆ AN**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 62. 38. 01. 04

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS.TS. Phùng Thế Vác

2. TS. Lê Thị Tuyết Hoa

Hà Nội, năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi. Các số liệu và tư liệu trong luận án đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về công trình nghiên cứu của mình.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Tôn Thiện Phương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU.....	8
1.1. Tình hình nghiên cứu về thực hành quyền công tố ở ngoài nước.....	8
1.2. Tình hình nghiên cứu về thực hành quyền công tố ở Việt Nam	13
1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án	20
Chương 2: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ LẬP PHÁP VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ	24
2.1. Lý luận chung về quyền công tố, thực hành quyền công tố	24
2.2. Thực hành quyền công tố trong lịch sử tố tụng hình sự	40
Chương 3: QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HAI CẤP Ở NGHỆ AN	58
3.1. Quy định pháp luật về thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự	58
3.2. Thực trạng thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp ở Nghệ An	75
Chương 4: YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN TỈNH NGHỆ AN	115
4.1. Yêu cầu nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An	115
4.2. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An	120
KẾT LUẬN	143
DANH MỤC CÁC BÀI VIẾT ĐÃ CÔNG BỐ	146
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	147

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

BLHS	- Bộ luật hình sự
BLTTHS	- Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	- Cơ quan điều tra
KSV	- Kiểm sát viên
HĐTP	- Hoạt động tư pháp
THQCT	- Thực hành quyền công tố
VKS	- Viện kiểm sát
VKSND	- Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU TRONG LUẬN ÁN

	Trang
Bảng 3.1: Các trường hợp Viện kiểm sát không phê chuẩn bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ và hủy bỏ quyết định tạm giữ ở Nghệ An	76
Bảng 3.2: Số vụ Viện kiểm sát hủy quyết định khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra ở Nghệ An	78
Bảng 3.3: Số vụ Viện kiểm sát yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.....	81
Bảng 3.4: Số người Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra.....	84
Bảng 3.5: Số bị can Viện kiểm sát yêu cầu khởi tố.....	85
Bảng 3.6: Số bị can bị tạm giam và các trường hợp Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh tạm giam, bắt tạm giam ở Nghệ An.....	86
Bảng 3.7: Số bị can Viện kiểm sát yêu cầu bắt tạm giam ở Nghệ An.....	87
Bảng 3.8: Số vụ, số bị can Viện kiểm sát truy tố.....	89
Bảng 3.9: Số vụ, số bị can Viện kiểm sát hai cấp ở Nghệ An đình chỉ.....	91
Bảng 3.10: Số vụ, bị cáo Viện kiểm sát hai cấp ở Nghệ An kháng nghị và Tòa án chấp nhận.....	98
Bảng 3.11: Số bị can Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đình chỉ điều tra vì không phạm tội.....	101
Bảng 3.12: Số vụ Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung.....	102
Biểu đồ 3.1: So sánh số bị can khởi tố hàng năm.....	83
Biểu đồ 3.2: So sánh số vụ án Viện kiểm sát hai cấp ở Nghệ An truy tố so với mức trung bình của cả nước và một số tỉnh điển hình.....	90

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, các cơ quan tư pháp nói chung và Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) nói riêng luôn giữ vị trí quan trọng, là lực lượng nòng cốt thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ các quyền cơ bản của công dân, là nền tảng cơ bản của nhà nước pháp quyền.

Thực hành quyền công tố (THQCT) trong tố tụng hình sự là hoạt động quan trọng, cơ bản và mang tính xuyên suốt, liên tục của VKSND, nhằm thực hiện một trong ba chức năng của tố tụng hình sự: Chức năng buộc tội, chức năng gỡ tội và chức năng xét xử. THQCT có ý nghĩa to lớn trong việc giảm thiểu oan sai và chống bỏ lọt tội phạm. Chính vì vậy, hệ thống pháp luật tố tụng hình sự hiện hành quy định VKSND các cấp nhiều quyền năng và nhiệm vụ quan trọng. Không thể phủ nhận vai trò, ý nghĩa của mọi khâu công tác cũng như nhiệm vụ khác, nhưng THQCT trong tố tụng hình sự thể hiện rõ nét nhất vị trí, vai trò của VKSND và cũng là giai đoạn mà ngành Kiểm sát phải gánh vác nhiều nhiệm vụ, với trách nhiệm nặng nề nhất, đây là hoạt động mà VKS đại diện cho nhà nước thực hiện tất cả các hoạt động luật định nhằm buộc tội đối với người bị coi là tội phạm.

Một trong những nội dung, định hướng cải cách tư pháp hiện nay của Đảng, Nhà nước ta là tăng cường, hoàn thiện chức năng công tố. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới đã nhận định về công tác tư pháp: “...nói chung chưa ngang tầm với yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân; còn nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, vi phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và cơ quan tư pháp”. Đồng thời, Nghị quyết cũng đã xác định một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp liên quan đến

trách nhiệm của VKS trong thời gian tới: “*Viện kiểm sát các cấp thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm đảm bảo không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội...*”. Ngày 24/5/2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 48-NQ/TW “*Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật*” Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, trong đó có nội dung: “*Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát theo hướng bảo đảm thực hiện tốt chức năng công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp*”. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Khóa 10 tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI nêu rõ: “*...bảo đảm tốt hơn các điều kiện để Viện kiểm sát nhân dân thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra*”.

Để hoàn thành nhiệm vụ đó, ngành Kiểm sát nói chung, VKSND hai cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An nói riêng đã có nhiều nỗ lực, cố gắng, hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, góp phần quan trọng vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác THQCT trong tố tụng hình sự trên địa bàn tỉnh Nghệ An còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế. Vẫn còn tình trạng bỏ lọt tội phạm hoặc để xảy ra các trường hợp khởi tố bị can sau đó phải đình chỉ điều tra vì không phạm tội; số lượng án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung vẫn còn nhiều, trong đó có những vụ phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều lần; vẫn còn một số trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn, đặc biệt là tạm giữ, tạm giam không có căn cứ... Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó là do công tác THQCT của Viện kiểm sát (VKS)

chưa được thực hiện chặt chẽ và có hiệu quả. Những hạn chế đó không chỉ ảnh hưởng trực tiếp kết quả giải quyết vụ án mà còn ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm và các quyền cơ bản của công dân cũng như uy tín của ngành kiểm sát và các cơ quan tư pháp.

Trong những năm qua, Đảng đã ban hành nhiều Nghị quyết, Chỉ thị liên quan đến lĩnh vực tư pháp; Quốc hội đã sửa đổi, ban hành nhiều văn bản pháp luật, trong đó có nhiều quy định mới liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của VKSND như: Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015... Tuy nhiên, vẫn còn những bất cập cả về lý luận lẫn thực tiễn áp dụng những quy định trên, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu thấu đáo, có hệ thống, tạo cơ sở pháp lý để VKSND thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong tố tụng hình sự.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, tác giả chọn đề tài "***Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An***" làm luận án tiến sĩ luật học tại Học viện Khoa học xã hội.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

- Mục đích:

Làm rõ luận cứ khoa học về quyền công tố (QCT) và THQCT; thực tiễn THQCT trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Trên cơ sở đó, luận án đưa ra yêu cầu, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện chức năng của VKS hai cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong các giai đoạn của tố tụng hình sự, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

- Nhiệm vụ:

+ Phân tích cơ sở lý luận về chức năng thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự của VKSND.

+ Nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự của VKSND hai cấp ở Nghệ An, có so sánh, đối chiếu với số liệu của cả nước và một số tỉnh điển hình.

+ Đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động THQCT trong tổ tụng hình sự của VKS.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

- Đối tượng nghiên cứu

Trong khuôn khổ chuyên ngành luật hình sự và tổ tụng hình sự, luận án tập trung nghiên cứu, phân tích, làm rõ quan điểm khoa học về QCT, THQCT; bản chất pháp lý của QCT, THQCT và thực tiễn áp dụng pháp luật liên quan đến hoạt động THQCT tại Nghệ An, có so sánh với số liệu toàn quốc và một số tỉnh điển hình; nghiên cứu định hướng của Đảng, Nhà nước đối với công cuộc cải cách tư pháp nói chung, đối với ngành Kiểm sát nói riêng; nghiên cứu các quy định pháp luật về hoạt động THQCT của VKSND.

- Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận về QCT và THQCT; thực tiễn hoạt động THQCT trong tổ tụng hình sự của VKSND hai cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Hoạt động kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND, hoạt động của VKS quân sự không thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài. Luận án giới hạn việc khảo sát thực tiễn trên địa bàn tỉnh Nghệ An từ năm 2006 đến năm 2015, số liệu so sánh với các địa phương khác lấy từ năm 2010 đến 2015.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

- Phương pháp luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật; Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta hiện nay; Quan điểm đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung, VKSND nói riêng trong thời kỳ mới.

- Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện luận án, tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khoa học chủ yếu như: phân tích, tổng hợp, hệ thống, liên ngành, luật học so sánh, thống kê, khảo sát thực tiễn...

Phương pháp nghiên cứu gián tiếp thông qua tổng hợp và phân tích tài liệu, so sánh các vấn đề nghiên cứu giữa các đối tượng được lựa chọn.

Phương pháp nghiên cứu trực tiếp qua khảo sát thực tiễn, tiếp xúc và trao đổi trực tiếp với các nhà nghiên cứu, những người phụ trách và nghiên cứu lĩnh vực chính trị, luật pháp, những người làm công tác thực tiễn.

Sử dụng phương pháp tiếp cận hệ thống, đa ngành và liên ngành luật học, phương pháp tiếp cận chuyên ngành luật hình sự và tố tụng hình sự, phương pháp liên ngành lịch sử, chính trị, kinh tế.

Phương pháp thống kê, tổng hợp hệ thống: nhằm thống kê, tổng hợp, so sánh nội hàm chức năng THQCT trong lịch sử tố tụng hình sự Việt Nam.

Phương pháp phân tích, tổng hợp, tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học: nhằm xây dựng hệ thống khái niệm liên quan đến THQCT trong tố tụng hình sự, làm rõ chủ thể thực hiện QCT và vai trò của chức năng THQCT trong tố tụng hình sự.

Phương pháp nghiên cứu luật học so sánh: nhằm so sánh chức năng THQCT của VKSND trong mô hình tố tụng hình sự Việt Nam với cơ quan công tố/Viện kiểm sát của một số mô hình tố tụng điển hình trên thế giới.

Phương pháp phân tích, dự báo khoa học, nhằm dự báo về xu hướng phát triển, hoàn thiện về nội hàm chức năng THQCT trong tố tụng hình sự Việt Nam.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Đây là công trình chuyên khảo trong khoa học pháp lý Việt Nam ở cấp độ luận án tiến sĩ nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống về

THQCT trong tố tụng hình sự trên cơ sở tổng kết thực tiễn hoạt động của VKSND hai cấp ở tỉnh Nghệ An. Những đóng góp mới của luận án thể hiện qua các nội dung sau :

- Hệ thống hóa và góp phần làm rõ thêm những vấn đề lý luận về QCT, THQCT, mối liên hệ giữa THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp (HĐTP) trong tố tụng hình sự.

- Phân tích các quy định pháp luật tố tụng hình sự quy định chức năng THQCT của VKS và những hạn chế, bất cập, vướng mắc xuất phát từ hạn chế của các quy phạm pháp luật.

- Đưa ra những nghiên cứu, so sánh các quan điểm, quy định về chức năng THQCT trong tố tụng hình sự qua các giai đoạn lịch sử khác nhau và trong sự giao thoa, ảnh hưởng lẫn nhau của các mô hình tố tụng hình sự, mô hình tổ chức cơ quan công tố (Viện kiểm sát) giữa Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới.

- Đánh giá thực trạng chất lượng công tác THQCT trên địa bàn tỉnh Nghệ An, có sự khảo sát, so sánh với số liệu chung trên toàn quốc và một số tỉnh tương đồng.

- Lý giải các yếu tố tác động đến hiệu quả công tác THQCT trong tố tụng hình sự, đưa ra những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác của VKS trong lĩnh vực này, đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp.

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của luận án

Luận án đóng góp nhất định về mặt khoa học nhằm giải quyết một trong những vấn đề quan trọng của tố tụng hình sự: nâng cao hiệu quả hoạt động THQCT của VKS, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và giảm thiểu oan, sai.

Những kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần vào quá trình đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, kiện toàn hệ thống cơ quan VKS các cấp và phân định rõ chức năng, thẩm quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng trong tố tụng hình sự.

Các trường có đào tạo chuyên ngành luật có thể sử dụng kết quả nghiên cứu của luận án trong quá trình đào tạo cán bộ, đặt biệt phù hợp với hoạt động đào tạo Kiểm sát viên (KSV) của ngành Kiểm sát.

Kết quả nghiên cứu của luận án, những kết luận, quan điểm, kiến nghị được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn, vì vậy VKS các cấp có thể vận dụng, khai thác để nâng cao chất lượng công tác THQCT trong tổ tụng hình sự.

7. Cơ cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận án xây dựng thành 04 chương, gồm:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu.

Chương 2: Lý luận và lịch sử lập pháp về thực hành quyền công tố trong tổ tụng hình sự.

Chương 3: Quy định pháp luật và thực trạng thực hành quyền công tố trong tổ tụng hình sự của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp ở Nghệ An.

Chương 4: Yêu cầu và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thực hành quyền công tố trong tổ tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu về thực hành quyền công tố ở ngoài nước

Việc nghiên cứu về mô hình tổ tụng hình sự, nguyên tắc tổ tụng hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng và những nội dung liên quan đến chức năng THQCT của Viện kiểm sát (Cơ quan công tố) luôn dành được sự quan tâm của các học giả của nhiều quốc gia trên thế giới, trên nhiều diễn đàn khoa học khác nhau. TS. Kalman Gyorgy nghiên cứu, so sánh về mô hình tổ chức hoạt động và chức năng chính của cơ quan Công tố của một số nước phát triển như Pháp, Đức, Hoa Kỳ với các nước Đông Âu như Hunggari, Bungari, Liên xô (cũ), Ba Lan... từ đó đưa ra nhận định: không có mô hình nào là tối ưu, việc sao chép rập khuôn các mô hình tổ tụng mà không tính đến điều kiện riêng về kinh tế, xã hội và đặc điểm pháp lý của từng nước sẽ không đem lại thành công [76]. Một số học giả khác lại tập trung nghiên cứu địa vị pháp lý của các chủ thể trong quá trình giải quyết vụ án hình sự [80] hoặc đề ra trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết vụ án (người tiến hành tố tụng) phải thực hiện nhiệm vụ với thái độ nghiêm túc và hợp pháp, coi đó như một nguyên tắc tổ tụng [81].

Cuốn “*Chỉ dẫn về công tác công tố*” [52] của Minoru Shikita, Phó chủ tịch hiệp hội Công tố viên quốc tế, chủ tịch quỹ phòng chống tội phạm Châu Á thực hiện đã giới thiệu tóm tắt về vị trí, chức năng, thẩm quyền của cơ quan Công tố/ Kiểm sát của gần 50 nước khác nhau trên thế giới. Đây được đánh giá là công trình khoa học có ý nghĩa to lớn trong nỗ lực xóa bỏ những sự ngăn cách về khoảng cách địa lý và văn hóa pháp lý của những người làm công tác công tố trong phòng chống tội phạm quốc tế, là kim chỉ nam của những người làm công tác công tố.

Julia Fionda trong cuốn sách chuyên khảo dày 286 trang về hình sự và tư pháp hình sự: “*Public Prosecutors and Discretion: A Comparative Study*”

[78] đã dành nhiều tâm huyết nghiên cứu, so sánh về vai trò của Công tố viên trong hệ thống tư pháp của một số nước Châu Âu như Scotland, Hà Lan, Đức, Anh và xứ Wales, giới thiệu những mô hình điển hình trong quá trình tìm kiếm công lý. Đây là tài liệu quý đối với những học giả quan tâm nghiên cứu hệ thống tư pháp hình sự, hình phạt, trong so sánh chính sách tư pháp cũng như thực tiễn tổ chức, hoạt động của các Công tố viên một số nước Châu Âu điển hình.

Cuốn sách chuyên khảo của Giáo sư Peter J. Henning và Lee Radek: *“The Prosecution and Defense of Public Corruption: The Law and Legal Strategies authored”* [77] là ấn phẩm độc đáo, chuyên sâu phân tích, luận giải và cung cấp kiến thức, căn cứ pháp lý cần thiết trong truy tố nhóm tội tham nhũng. Trong tác phẩm dày 502 trang này, hai tác giả đã phân tích những cơ sở, căn cứ pháp lý khác nhau có thể được dùng để truy tố các quan chức ở tất cả các cấp chính quyền. Hai tác giả cũng đã thảo luận về cách tư vấn để có thể phát triển chiến lược pháp lý, đấu tranh thích hợp cho việc truy tố và bảo vệ những quan điểm truy tố trong lĩnh vực phòng chống tội phạm tham nhũng. Nhiều chủ đề quan trọng được đề cập như: Cách thức thu thập bằng chứng, các vấn đề đặc quyền, vấn đề thử nghiệm, các vấn đề kết án... Đây là cuốn sách tham khảo cần thiết cho đội ngũ Công tố viên trong lĩnh vực đấu tranh với tội phạm tham nhũng và tất nhiên là cho cả các Luật sư. Cuốn sách bao gồm chỉ dẫn các căn cứ, nghiên cứu sâu sắc và bóc tách tất cả các đạo luật có thể được sử dụng trong truy tố đối với nhóm tội phạm này. Có thể nói, đây là tài liệu kinh điển trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng, Plato Cacheris đã nhận xét: *“Ta không nên truy tố hoặc bảo vệ một trường hợp tham nhũng của công mà không tham chiếu đến văn bản tuyệt vời này”*.

Angela J. Davis trong cuốn: *“Arbitrary Justice: The Power of the American Prosecutor”* [73] lại đi sâu khai thác những hạn chế, bất cập trong hệ thống tư pháp hình sự mà trực tiếp là hệ thống Công tố của Hoa Kỳ. Phân tích của Angela J. Davis mang tính khách quan, thẳng thắn, tôn trọng sự thật.

Tác giả cho rằng nhiệm vụ của Công tố viên cần phải đảm đương nhiều hơn là vai trò một bên của quá trình tranh tụng, nhiệm vụ của Công tố viên là công lý. Tuy nhiên, như được phản ánh trong công trình này, Davis cho thấy nhiều quyết định truy tố đã dẫn đến bất công. Nhận định trên được đưa ra dựa trên phân tích từ thực tiễn các vụ lạm dụng quyền lực của cả Công tố viên liên bang và tiểu bang, những sai lầm trong án tử hình và thỏa thuận bào chữa... Trên cơ sở đó, Davis cho thấy vấn đề cấp thiết phải cải cách cơ bản tổ chức và hoạt động để làm cho các Công tố viên có trách nhiệm như bất kỳ những người thực thi công vụ khác và để người dân có thể gửi niềm tin vào những người thực thi công lý. Cuốn sách đã cung cấp cho tác giả tri thức sâu sắc về hệ thống công tố của Hoa Kỳ, đặc biệt là những hạn chế, tồn tại. Đây là tài liệu quý trong quá trình nghiên cứu, so sánh với hệ thống cơ quan VKSND ở Việt Nam.

Tài liệu Hội nghị đa phương tổ chức bởi Hội đồng châu Âu: *“The Role of the Public Prosecution Office in a Democratic Society”* [75]. Đây là bộ tài liệu tập hợp những bài viết, tham luận, công trình nghiên cứu về vị trí, vai trò của hệ thống cơ quan Công tố ở các nước Châu Âu, những hạn chế và khuyến nghị để cải tổ, nâng cao chất lượng hoạt động của các văn phòng Công tố, đáp ứng nhu cầu của xã hội dân chủ. Tài liệu Hội nghị này được tập hợp, in thành sách và là một trong những cảm nang quan trọng đối với các nhà lập pháp, các văn phòng Công tố và các Công tố viên ở Châu Âu.

Sách chuyên khảo của Shawn Boyne: *“The German prosecution service: guardians of the law?”* [72] được xem như là công trình khoa học độc đáo, nghiên cứu sâu sắc về hệ thống công tố của Đức. Trong công trình này, Shawn Boyne tìm hiểu nguyên nhân sâu xa nào để các Công tố viên của Đức được hoan nghênh như là *“các Công tố viên khách quan nhất trên thế giới”*. Trong công trình này, tác giả kết hợp khéo léo với nghiên cứu so sánh luật học để chỉ ra sự khác nhau trong hoạt động giữa Công tố viên Đức và

Hoa Kỳ, qua đó khẳng định vị trí thể chế và nhiệm vụ theo luật định của Công tố viên Đức không chỉ là danh tiếng mà là rất xứng đáng. Shawn Boyne cũng không quên chỉ ra những khó khăn, nguyên nhân làm suy yếu khả năng của các Công tố viên Đức trong quá trình tìm kiếm sự thật khách quan. Cuốn sách cũng cung cấp cho độc giả thực tiễn hoạt động truy tố ở Đức và văn hóa của các hoạt động truy tố.

Sách chuyên khảo *"A Prosecutor's Battles Against Mafia Killers, Drug Kingpins, and Enron Thieves"* [79] của Giáo sư luật, Công tố viên liên bang John Kroger lại tập trung nghiên cứu quy trình thu thập chứng cứ, đấu tranh đối với những vụ án phức tạp, các tổ chức tội phạm mafia, ma túy... cũng như vai trò to lớn của Công tố viên trong hoạt động tố tụng. Trong công trình nghiên cứu này, tác giả trang bị cho các Công tố viên những hiểu biết sâu sắc về phương pháp thu thập chứng cứ và chiến thuật đấu tranh với những loại tội phạm đặc biệt, được tổ chức, hoạt động tinh vi, manh động và liêu lĩnh, những loại hình tội phạm mà nếu sử dụng phương pháp thông thường hoặc non yếu về nghiệp vụ sẽ không bao giờ đem lại thành công. Đây là tài liệu tham khảo có giá trị đối với các Công tố viên trong quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm có tổ chức cũng như những vụ án khó khăn trong thu thập chứng cứ. Đánh giá về công trình này, Steve Weinberg trên tạp chí *The Oregonian* đã khẳng định: *"Đây là công trình tốt nhất trong những công trình viết về vai trò của các Công tố viên"*.

Martijn Zwiers trong cuốn sách chuyên khảo *"The European Public Prosecutor's Office Analysis of a Multilevel Criminal Justice System"* [82] lại tiếp cận dưới góc độ mới mẻ về cơ sở pháp lý trong quá trình thành lập Văn phòng Công tố viên Châu Âu, những thách thức cả trên góc độ lý luận và thực tiễn pháp luật thực định của các nước Châu Âu đối với tổ chức và hoạt động của Văn phòng này. Trong công trình nghiên cứu dày hơn 500 trang, tác giả không tập trung đi sâu vào những vấn đề lý luận kinh điển về

QCT mà chủ yếu tiếp cận dưới góc độ pháp lý chuẩn bị cho sự ra đời của Văn phòng Công tố viên Châu Âu, dự báo những khó khăn về thực tiễn hoạt động cũng như những vướng mắc pháp lý, chính trị trong quá trình triển khai thực hiện. Đây được coi là tài liệu không thể thiếu trong quá trình nghiên cứu, thành lập cũng như thiết kế mô hình tổ chức, hoạt động của Văn phòng công tố viên Châu Âu.

Sách chuyên khảo *The Changing Role of the American Prosecutor* [84] của John L. Worrall - Phó giáo sư Tội phạm tại Đại học Texas ở Dallas và M.Elaine Nugent-Borakove - Giám đốc Văn phòng nghiên cứu và đánh giá tại Viện Nghiên cứu Công tố viên Hoa Kỳ. Trong công trình này, các tác giả đã đề cập đến những khó khăn trong quá trình củng cố, thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm của Công tố viên, tương lai của hệ thống Công tố, tìm hiểu quá trình các Công tố viên Hoa Kỳ thay đổi từ phương pháp truyền thống, bằng chiến lược linh hoạt để đối phó với tội phạm. Trong công trình này, các tác giả không tập trung đi sâu tiếp cận những vấn đề lý luận về hệ thống công tố mà chủ yếu là xuất phát từ nền tảng thực tiễn hoạt động của hệ thống công tố Hoa Kỳ, đặt trong bối cảnh vận động và phát triển chung của toàn bộ thể chế chính trị, pháp lý để dự báo xu hướng thay đổi về cách thức tổ chức và hoạt động của hệ thống các cơ quan công tố nói chung, các Công tố viên nói riêng trong tương lai. Đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu về tổ chức và hoạt động cũng như dự báo chiều hướng phát triển của hệ thống công tố Hoa Kỳ, được coi là công trình có giá trị và ảnh hưởng to lớn trong quá trình tham khảo để hoạch định chiến lược, xây dựng đổi mới cơ cấu tổ chức đối với hệ thống công tố của nhiều nước khác nhau.

Năm 2012, Marianne Wade và Erik Luna đã công bố công trình nghiên cứu "*The Prosecutor in Transnational Perspective*" [83]. Marianne Wade - giảng viên cao cấp trường Luật Birmingham tại Đại học Birmingham và Erik Luna - Giáo sư Luật đại học Washington, trước đây là một Công tố viên và là

chuyên gia nghiên cứu về lựa chọn thay thế hình phạt. Trong công trình này, hai tác giả đi sâu làm rõ cách thức tổ chức hoạt động của hệ thống công tố Hoa Kỳ, thủ tục truy tố và mối quan hệ giữa Công tố viên với nhân viên cảnh sát Hoa Kỳ, cách thức thu thập, sử dụng chứng cứ và loại trừ chứng cứ không liên quan, quyền hạn của cơ quan công tố trong quá trình chứng minh tội phạm. Bên cạnh đó, hai tác giả còn nghiên cứu so sánh về vai trò của hệ thống công tố cũng như của Công tố viên Hoa Kỳ và một số nước Châu Âu điển hình như Ý, Ba Lan, Thụy Điển và một số nước Bắc Âu khác. Trên cơ sở đó, các tác giả khẳng định sự cần thiết phải cải cách tổ chức và hoạt động của hệ thống công tố, từng bước loại bỏ ranh giới về mặt pháp lý để phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của hệ thống công tố Hoa Kỳ và các nước Châu Âu. Công trình nghiên cứu này không đi sâu nghiên cứu về mặt lý luận mà trực tiếp đề cập đến những vấn đề pháp lý cũng như thực tiễn hoạt động của hệ thống công tố. Đây là tài liệu tham khảo có giá trị trong quá trình tìm hiểu tổ chức hoạt động của hệ thống công tố Hoa Kỳ và Châu Âu hiện nay và là một trong những công trình khoa học tiêu biểu về sử dụng phương pháp nghiên cứu so sánh.

1.2. Tình hình nghiên cứu về thực hành quyền công tố ở Việt Nam

Vị trí, vai trò của VKS nói chung, chức năng THQCT nói riêng đã và đang nhận được sự quan tâm, nghiên cứu của nhiều học giả ở trong nước, với nhiều cách tiếp cận khác nhau. Dưới góc độ nghiên cứu khoa học, tác giả sắp xếp các công trình nghiên cứu này theo các nhóm sau:

Nhóm các công trình nghiên cứu về cải cách tư pháp trong đó có cải cách hoạt động tố tụng hình sự. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước năm 1992 “*Cải cách hệ thống tư pháp Việt Nam*”, chủ nhiệm: Nguyễn Văn Yêu và Nguyễn Đình Lộc; Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ năm 1995 “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của tố tụng hình sự Việt Nam*” chủ nhiệm: PGS.TS. Vũ Đức Khiển; Đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước năm 2006 “*Cải cách các cơ quan tư pháp, hoàn thiện thủ tục tư pháp,*

nâng cao hiệu quả và hiệu lực xét xử của Tòa án trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân”, chủ nhiệm: TS. Ưông Chu Lưu; Đề tài khoa học cấp Bộ năm 2007 “*Những cơ sở lý luận và thực tiễn của việc sửa đổi Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*” chủ nhiệm: TS. Đỗ Văn Đương... Các đề tài khoa học này đã đề cập đến những vấn đề lý luận và thực tiễn của hệ thống tư pháp Việt Nam, các yêu cầu đổi mới, hoàn thiện tổ chức, hoạt động của hệ thống các cơ quan tư pháp, trong đó có Viện kiểm sát; bước đầu đề cập đến một số vướng mắc, bất cập trong nhận thức lý luận và thực tiễn thi hành các pháp luật tố tụng hình sự ở nước ta qua từng thời kỳ.

Ngoài những đề tài khoa học nêu trên, các công trình nghiên cứu về lĩnh vực cải cách tư pháp, trong đó có cải cách tố tụng hình sự còn có: Sách chuyên khảo “*Hệ thống tư pháp và cải cách tư pháp ở Việt Nam*”, nhà xuất bản Khoa học xã hội, năm 2001; Bài viết “*Cải cách tư pháp - ý nghĩa mục đích và trọng tâm*”, đăng trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 2/2003 cùng của GS.TSKH. Đào Trí Úc; Sách chuyên khảo “*Mô hình lý luận Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam*”, Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2003 của PGS.TS. Phạm Hồng Hải; Bài viết “*Những chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp và tổ chức hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong thời kỳ đổi mới*” của Khuất Văn Nga, đăng trên Tạp chí kiểm sát năm 2005; Sách chuyên khảo “*Một số vấn đề về hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”, do Lê Minh Thông (Chủ biên), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001; Bài viết “*Cải cách tư pháp và vấn đề tranh tụng*”, của Nguyễn Mạnh Kháng đăng trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 10/2003; Bài viết “*Phân định thẩm quyền trong tố tụng hình sự Việt Nam*” của PGS.TS. Trần Văn Độ, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 1/2010; Bài viết “*Một số đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về Viện kiểm sát trong Hiến pháp năm 1992*” của Lê Hữu Thế, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số Xuân/2012.

Nhiều công trình nghiên cứu khác cũng đã bàn về những vấn đề khác nhau của tố tụng hình sự, trong đó có liên quan đến chức năng THQCT của Viện kiểm sát như: Bài viết “*Các nguyên tắc của tố tụng hình sự trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền*” của TS. Nguyễn Cảnh Hợp, đăng trên Tạp chí Khoa học pháp lý số 1/2001; Bài viết “*Dự thảo Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi và nguyên tắc tranh tụng*” của PGS.TS. Nguyễn Thái Phúc, đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 9/2003 và “*Vấn đề tranh tụng và tăng cường tranh tụng trong tố tụng hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp*”, đăng trên Tạp chí kiểm sát số 7/2009; Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam của Trường Đại học luật Hà Nội năm 2008; Sách “*Bình luận khoa học bộ luật tố tụng hình sự*” của Học viện Khoa học xã hội, Nxb Tư pháp, năm 2012; Luận án tiến sỹ luật học của Nguyễn Mạnh Hùng “*Các chức năng trong tố tụng hình sự Việt Nam: những vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Hà Nội, 2012; Luận án tiến sỹ luật học của Nguyễn Tiến Sơn “*Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự Việt Nam*”, Hà Nội, năm 2012 ... Trong các công trình trên đều có những phân nghiên cứu về chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự nói chung.

Nhóm các công trình nghiên cứu các chức năng của Viện kiểm sát, trong đó có chức năng thực hành quyền công tố: Viện kiểm sát nhân dân tối cao: “*Những giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp*”, (Kỷ yếu Đề tài khoa học cấp bộ), Hà Nội, 2003; Viện kiểm sát nhân dân tối cao: “*Nâng cao chất lượng kiểm sát hoạt động tư pháp và thực hành quyền công tố với vấn đề thông khâu và chuyên khâu trong các công tác kiểm sát hình sự*”, (Đề tài khoa học cấp bộ), Hà Nội, 2004; Lê Hữu Thể (Chủ biên): “*Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*” (Sách tham khảo), Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2005; Viện kiểm sát Quân sự Trung ương “*Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự*”

của Viện kiểm sát quân sự theo yêu cầu cải cách tư pháp", (Đề tài khoa học cấp bộ), Hà Nội, 2014); Giáo trình "Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự" của Học viện tư pháp năm 2006; Văn Thị Bích Huệ (2009), "Cơ sở lý luận và thực tiễn về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện ở tỉnh Lạng Sơn", Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện Chính trị - hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội; Tài liệu Hội thảo khoa học: "Tổng hợp kinh nghiệm trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án ma túy" của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Hà Nội, 2007; Bài viết "Về Viện kiểm sát ở Việt Nam" của GS.TSKH. Đào Trí Úc đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 7/2011; Bài viết "Tổ chức và hoạt động của viện công tố Việt Nam trong giai đoạn cải cách tư pháp" của Nguyễn Đức Mai, đăng trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 10/2007; Bài viết "Một số suy nghĩ về cơ quan công tố ở Việt Nam trong thời kỳ cải cách tư pháp" của Nguyễn Tất Viễn, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 14/2007; Bài viết "Bảo vệ quyền con người qua hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự" của Phạm Mạnh Hùng, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 21/2011; Bài viết "Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố" của Nguyễn Đình Trung, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 7/2012; Bài viết "Viện kiểm sát nhân dân tiếp tục thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp" của tập thể Ban chỉ đạo cải cách tư pháp trung ương, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 9/2012; Bài viết "Viện kiểm sát với hai chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp và sự lựa chọn thích hợp trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam" của Nguyễn Văn Quảng, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 13/2012; Bài viết "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án tham nhũng" của Dương Văn Phùng, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số

Xuân/2013; Bài viết "*Về kiểm sát điều tra vụ án hình sự và mối quan hệ giữa kiểm sát điều tra và thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự*" của Tổng Kim Hương, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 5/2013...

Trong đó, đáng chú ý là cuốn sách chuyên khảo "*Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*" [53] do TS. Lê Hữu Thế chủ biên. Trong công trình này, các tác giả đã nghiên cứu và bước đầu đưa ra quan điểm riêng về khái niệm QCT, THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp, đề cập đến một số vấn đề thực tiễn trong quá trình thực hiện 02 chức năng cơ bản của ngành Kiểm sát: THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp, đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra. Tuy nhiên, cuốn sách về cơ bản chỉ giới hạn phạm vi nghiên cứu trong giai đoạn điều tra, những vấn đề được nghiên cứu, thực hiện trên cơ sở rút ra từ thực tiễn hoạt động của ngành, đối chiếu với hệ thống pháp luật thực định, chưa tiến hành điều tra, khảo sát, lấy số liệu từ thực tiễn hoạt động của VKSND các cấp để chứng minh cho những luận điểm và nhận định đã nêu.

Đề tài khoa học cấp bộ "*Những giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp*" do VKSND tối cao thực hiện [63]. Trong công trình nghiên cứu này, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, các tác giả đã đưa ra nhiều giải pháp khác nhau nhằm nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Đây là tài liệu quý cho ngành Kiểm sát nói chung, VKSND các cấp nói riêng trong quá trình xây dựng bộ máy cũng như quản lý, điều hành để nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Tuy nhiên, đề tài khoa học này chủ yếu tập trung vào những giải pháp thực tiễn, không đi sâu nghiên cứu lý luận cũng như không khảo sát chuyên sâu tại một địa phương cụ thể mà trên cơ sở tổng kết số liệu chung của toàn ngành. Mặt khác, Đề tài khoa học này được thực hiện từ năm 2003, đến nay hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định về chức năng, nhiệm vụ của ngành đã có nhiều bổ sung, thay đổi.

Đề tài khoa học cấp bộ "*Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Viện kiểm sát quân sự theo yêu cầu cải cách tư pháp*", do Viện kiểm sát Quân sự Trung ương thực hiện năm 2014 [71]. Công trình nghiên cứu này đã tiến hành khảo sát thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự của Viện kiểm sát quân sự các cấp, từ đó xây dựng nhiều giải pháp khác nhau nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Viện kiểm sát quân sự các cấp. Phương pháp, cách thức tiến hành khảo sát thực tiễn cũng như xây dựng hệ thống giải pháp là tài liệu tham khảo quý cho tác giả trong quá trình thực hiện Luận án. Tuy nhiên, công trình nghiên cứu này chỉ nghiên cứu chuyên sâu việc thực hiện chức năng của Viện kiểm sát quân sự, với nhiều điểm khác biệt so với Viện kiểm sát nhân dân. Mặt khác, công trình này cũng không nghiên cứu sâu vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố mà chủ yếu tập trung vào khảo sát thực tiễn và xây dựng hệ thống giải pháp.

Những công trình khoa học khác chủ yếu đề cập đến việc đổi mới tổ chức, hoạt động của VKSND, trong đó có đề cập đến chức năng THQCT của VKS, nhưng chưa nghiên cứu sâu về việc thực hiện chức năng THQCT trong các giai đoạn tố tụng.

Nhóm các công trình trực tiếp nghiên cứu chức năng thực hành quyền công tố trong từng giai đoạn nhất định của tố tụng hình sự hoặc đối với một nhóm tội nhất định: Luận án tiến sĩ luật học "*Quyền công tố ở Việt Nam*" của Lê Thị Tuyết Hoa, Hà Nội, 2002; Tổng thuật đề tài khoa học cấp Bộ: "*Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*" của Viện khoa học kiểm sát - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Hà Nội, 1999; Luận văn thạc sĩ luật học: "*Thực hành quyền công tố theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*" của Phan Vũ Trang, Hà Nội, 2005; Luận văn thạc sĩ luật học: "*Quyền công tố của Viện Kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*" của Phạm Thị Thuý Linh, Hà Nội, 2012; Luận văn thạc sĩ luật học: "*Viện kiểm sát trong khởi tố vụ án hình sự*"

của Giang Thanh Hưng, Hà Nội, 2011; Bài viết: *“Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thực hành quyền công tố của kiểm sát viên”* của Trần Văn Quý, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 15/2010; Bài viết *“Quyền công tố và tổ chức thực hiện quyền công tố trong nhà nước pháp quyền”* của Nguyễn Minh Đức, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 1 + 2/2012; Bài viết *“Vai trò, trách nhiệm của Kiểm sát viên trong quá trình thực hành quyền công tố nhìn dưới góc độ Luật sư”* của Phạm Hồng Hải, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 3/2008; Bài viết *“Về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử”* của Lý Văn Chính, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, số 12/2006; Bài viết *“Tăng cường trách nhiệm thực hành quyền công tố trong việc quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn”* của Dương Văn Phùng, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 16/2012.

Trong những công trình nêu trên, đáng chú ý có luận án Tiến sỹ *“Quyền công tố ở Việt Nam”* [22] của Lê Thị Tuyết Hoa. Trong luận án này, tác giả đã đưa ra khái niệm về công tố, QCT, THQCT, khảo sát thực tiễn hoạt động THQCT giai đoạn 1998 đến 2002. Tuy nhiên, Luận án nghiên cứu về QCT trong giai đoạn đầu những năm 2000, hệ thống pháp luật thực định về chức năng, nhiệm vụ của VKS quy định tại các văn bản pháp luật khác nhau đến nay đã có nhiều thay đổi, tri thức pháp lý liên quan đến lĩnh vực này đã có nhiều bổ sung cũng như những thành tựu mới. Hoạt động khảo sát thực tiễn từ đó đến nay đã hơn 10 năm, do đó cần thiết phải tiếp tục tiến hành nghiên cứu, đánh giá lại để có cơ sở xác thực tổng kết thực tiễn. Bên cạnh đó, Luận án nêu trên tập trung nghiên cứu sâu về QCT dưới góc độ là một quyền năng của VKS, còn đề tài luận án mà tác giả lựa chọn lại tập trung nghiên cứu sâu về việc triển khai thực hiện các quyền năng đó trong thực tiễn. Những vấn đề lý luận và thực tiễn đó đặt ra nhu cầu tiếp tục nghiên cứu những nội dung liên quan đến hoạt động THQCT trong giai đoạn mới.

Đề tài khoa học cấp Bộ: *“Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”* [61] của Viện

khoa học kiểm sát - Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện năm 1999 cũng đã tiếp cận, nghiên cứu về vấn đề quyền công tố ở cả góc độ lý luận lẫn thực tiễn. Đây là một trong những công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu khá toàn diện về QCT. Tuy nhiên, do giới hạn về hoàn cảnh lịch sử cũng như sự thâm tài liệu nên các vấn đề lý luận trong Đề tài còn đề cập ở mức độ khái quát, những kết quả nghiên cứu trong Đề tài là cơ sở lý luận ban đầu và cần được nghiên cứu, phát triển ở góc độ sâu hơn, toàn diện hơn. Việc khảo sát thực tiễn cũng như số liệu minh họa chưa thật quy mô và toàn diện. Bối cảnh thực tiễn nghiên cứu đến nay đã lâu, cần có sự kế thừa để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện.

Sách chuyên khảo "*Tổng kết 50 năm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự của Viện kiểm sát nhân dân (1960- 2010)*" [64] của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thực hiện năm 2010. Đây là công trình nghiên cứu của VKSND tối cao về kết quả thực hiện hai chức năng cơ bản của VKSND xuyên suốt chiều dài lịch sử, từ khi thành lập đến năm 2015. Đây là công trình khoa học có ý nghĩa lớn trong hoạt động tổng kết thực tiễn. Tuy nhiên, công trình này không đi sâu vào nghiên cứu lý luận. Những vấn đề thực tiễn trong công trình này được rút ra từ những vụ án cụ thể, không đi sâu vào đánh giá số liệu thực tiễn. Tuy nhiên, đây là công trình tham khảo có giá trị trong việc đánh giá thành tựu chung của ngành cũng như tìm hiểu những vụ án thực tiễn để lại dấu ấn đậm nét trong lịch sử tổ tụng hình sự của ngành Kiểm sát nhân dân.

Ngoài ra, còn có một số công trình khác trực tiếp nghiên cứu về QCT và chức năng THQCT, tuy nhiên lại nghiên cứu tổng thể về chức năng này, hoặc chỉ nghiên cứu một giai đoạn nhất định trong tổ tụng hình sự và không gắn với một địa phương cụ thể.

1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến Luận án

Trên cơ sở tập hợp các công trình nghiên cứu liên quan đến Luận án ở trong và ngoài nước như trên, tác giả có một số nhận xét, đánh giá như sau:

1.3.1. Về những ưu điểm và kết quả nghiên cứu mà Luận án sẽ kế thừa, phát triển

Trên cơ sở tìm hiểu, phân tích và đánh giá những nội dung của các công trình nghiên cứu, bài viết có liên quan đến QCT và THQCT, tác giả có một số nhận định sau:

- Quyền công tố và hoạt động THQCT là chức năng cơ bản của VKS (cơ quan công tố). Tùy thuộc vào thể chế chính trị và mô hình tổ tụng khác nhau, cách thức tổ chức hoạt động cũng như mô hình công tố ở mỗi nước đều có những điểm đặc thù nhất định, nhưng là hoạt động không thể thiếu đối với nhà nước pháp quyền.

- Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước đã cung cấp cho tác giả tri thức tổng quan về chức năng, vị trí của cơ quan công tố/ Kiểm sát của một số nước điển hình trên thế giới. Qua những tài liệu nêu trên, tác giả được tiếp cận, tìm hiểu về cách thức tổ chức và hoạt động của cơ quan công tố/ Kiểm sát của nhiều nước khác nhau, những ưu điểm và hạn chế của những mô hình công tố cụ thể, từ đó giúp tác giả có cơ sở nghiên cứu, so sánh với chức năng THQCT ở Việt Nam cũng như tiếp cận khá toàn diện, với nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm QCT, THQCT. Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước cũng cho thấy những khó khăn chủ quan và khách quan của các Công tố viên/Kiểm sát viên trong quá trình tìm kiếm công lý và sự thật, đặt trong bối cảnh chính trị, xã hội, văn hóa pháp luật. Dựa trên kết quả đó, tác giả có thể so sánh trong quá trình nghiên cứu thực trạng hoạt động THQCT ở Việt Nam.

- Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam nêu trên có nhiều nội dung liên quan đến luận án, đã tiếp cận và phân tích khái niệm QCT, THQCT ở nhiều góc độ khác nhau, nghiên cứu thực tiễn THQCT ở nhiều giai đoạn, phạm vi khác nhau với mục đích khác nhau, nhưng nhìn chung đều thống nhất cho rằng: chủ thể của QCT là VKS, đó là hoạt động buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội.

- Hệ thống pháp luật quy định về chức năng QCT, THQCT ngày càng cụ thể, toàn diện hơn. Hoạt động nghiên cứu khoa học liên quan đến QCT, THQCT luôn thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học. Đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về chức năng và đánh giá thực trạng của công tác THQCT của VKS ở Việt Nam trong từng giai đoạn tổ tụng nhất định, với phương thức và tiếp cận khác nhau. Những phân tích này đã được tác giả đánh giá, bình luận và đưa ra nhận định, quan điểm riêng của mình về khái niệm THQCT trong tổ tụng hình sự cũng như làm rõ thực trạng và định hướng đưa ra giải pháp, kiến nghị.

1.3.2. Những vấn đề chưa được giải quyết thấu đáo, cần tiếp tục nghiên cứu

Do những hạn chế nhất định về mặt thời gian, bối cảnh nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu nên những công trình trên vẫn chưa trình bày có hệ thống và toàn diện vấn đề lý luận về THQCT trong tổ tụng hình sự cũng như thực trạng, thực tiễn áp dụng ở tỉnh Nghệ An. Những kết quả đạt được nói trên đặt ra cho nghiên cứu sinh những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, phát triển, đó là:

Về lý luận: Chưa có nghiên cứu thấu đáo về THQCT xuyên suốt tất cả các giai đoạn của tổ tụng hình sự, chưa làm rõ được nội hàm của THQCT trong tổ tụng hình sự.

Việc phân tích, so sánh sự khác nhau giữa nội hàm và thực tiễn thực hiện chức năng THQCT ở Việt Nam và một số nước trên thế giới chưa sâu và chưa làm rõ vì sao có sự khác nhau. Trong điều kiện riêng về chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam thì áp dụng mô hình nào là phù hợp nhất để phát huy hiệu quả hoạt động THQCT trong tổ tụng hình sự. Đó là vấn đề lớn về mặt lý luận, mang tính cấp thiết trong giai đoạn hiện nay cần được luận giải và làm rõ.

Về thực trạng nghiên cứu: Các công trình khoa học đã được thực hiện chủ yếu tập trung làm rõ thực trạng THQCT đối với một nhóm tội cụ thể, hoặc nghiên cứu chức năng THQCT trên địa bàn cả nước. Chưa có công trình nào khảo sát và nghiên cứu toàn diện, tổng kết thực tiễn dưới góc độ khoa học hoạt động THQCT trong tổ tụng hình sự trên một địa giới hành chính cụ thể (tỉnh Nghệ An).

Kết luận Chương 1

Nghiên cứu về nguyên tắc tổ tụng hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng và những nội dung liên quan đến chức năng THQCT của Viện kiểm sát (Cơ quan công tố) luôn dành được sự quan tâm của các học giả trong nước và ngoài nước. Trên bình diện thế giới, Chương 1 của Luận án đã tiếp cận và nghiên cứu nội dung cơ bản trong một số công trình khoa học của các học giả hoặc những người làm công tác pháp luật tiêu biểu của một số nước điển hình như Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa liên bang Đức, Vương quốc Anh, các nước Châu Âu... Trong đó, đi sâu vào những luận điểm chính của các công trình này về hệ thống công tố, quyền năng, nhiệm vụ của các cơ quan công tố, Công tố viên. Đồng thời, tác giả cũng đi sâu tìm hiểu, đánh giá, so sánh giữa hệ thống công tố của các nước với nhau; giữa hệ thống công tố của một số nước Châu Âu điển hình với hệ thống công tố Hoa Kỳ; những điểm tương đồng, khác biệt trong tổ chức, hoạt động cũng như quyền năng của các hệ thống công tố đó.

Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam đã tiếp cận và phân tích QCT, THQCT ở nhiều góc độ khác nhau, việc thực hiện QCT trong từng giai đoạn lịch sử nhất định và đánh giá thực trạng thực hiện QCT ở Việt Nam. Những công trình khoa học này là tiền đề lý luận, thực tiễn quan trọng để tác giả có thể kế thừa, phát triển có chọn lọc những yếu tố hợp lý, khoa học. Tuy nhiên, những nội dung chưa được đề cập hoặc còn hạn chế trong các công trình khoa học đó đặt ra yêu cầu cụ thể mà luận án phải giải quyết như: nghiên cứu thấu đáo về THQCT xuyên suốt các giai đoạn của tố tụng hình sự, làm rõ được nội hàm của THQCT trong tố tụng hình sự; trình bày có hệ thống và toàn diện vấn đề lý luận về THQCT trong tố tụng hình sự cũng như thực trạng, thực tiễn áp dụng ở tỉnh Nghệ An. Đó là cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng THQCT trong tố tụng hình sự trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Chương 2

LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ LẬP PHÁP VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

2.1. Lý luận chung về quyền công tố, thực hành quyền công tố

2.1.1. Khái niệm quyền công tố, thực hành quyền công tố

2.1.1.1. Khái niệm quyền công tố

Quyền công tố là khái niệm pháp lý gắn liền với chức năng của VKS, hiểu, nhận thức đúng, đầy đủ về QCT là vấn đề không đơn giản. Khái niệm QCT đã được đề cập tại các bài báo, tạp chí chuyên ngành và các công trình nghiên cứu, với nhiều cách tiếp cận khác nhau.

Công tố, theo từ điển tiếng Việt có nghĩa là: “*điều tra, truy tố, buộc tội kẻ phạm pháp trước Tòa án*” [59, tr.204].

Từ điển Luật học định nghĩa QCT: “*Quyền công tố là quyền buộc tội nhân danh nhà nước đối với người phạm tội*” [5, tr.188].

Một số nhà nghiên cứu tiếp cận khái niệm QCT dưới góc độ rất rộng, có tác giả cho rằng, mọi hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật đều là THQCT, coi công tố không phải là chức năng độc lập của VKSND, mà chỉ là một quyền năng, một hình thức thực hiện chức năng kiểm sát tuân theo pháp luật [57, tr.85-87]. Đây là quan điểm khá phổ biến trước khi Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002 được ban hành. Cơ sở lập luận của những quan điểm này là các điều luật quy định trong Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1981, 1992 và một số điều luật trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988. Trong giai đoạn này, các văn bản pháp luật nói trên quy định chưa rõ ràng, chưa phân định được chức năng công tố và chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Chúng tôi cho rằng, nhận thức về QCT như trên là chưa thật sự chính xác, bởi đã đồng nhất QCT với chức năng kiểm sát tuân theo pháp luật (nay là kiểm sát hoạt động tư pháp). Dù có mối liên hệ mật thiết với

nhau, đan xen nhau, nhưng đây là hai chức năng riêng biệt của VKS, có nội hàm khác nhau, “*Trong quá trình thực hiện, dù giữa hai chức năng này có một số nội dung đan xen, liên hệ chặt chẽ và tác động qua lại với nhau, nhưng không thể vì thế mà phủ nhận được tính độc lập của chúng cả về nội dung lẫn phạm vi áp dụng*” [61, tr.10].

Một số tác giả khác lại cho rằng, QCT là quyền của VKS khi xuất hiện các hành vi vi phạm pháp luật và nhu cầu bảo vệ lợi ích của nhà nước, xã hội và công dân. QCT không chỉ xuất hiện trong lĩnh vực tố tụng hình sự mà là sự cáo buộc của Nhà nước đối với các cá nhân, tổ chức đã vi phạm pháp luật, bao gồm vi phạm pháp luật hành chính, vi phạm pháp luật dân sự, kinh tế và luật hình sự [62, tr. 82 - 88].

Chúng tôi cho rằng, việc tiếp cận QCT dưới góc độ như trên là quá rộng, xóa nhòa ranh giới và tính đặc thù giữa tố tụng hình sự và các lĩnh vực tố tụng khác, đồng nhất QCT với các quyền năng, nhiệm vụ khác của VKS. Hoạt động của VKS trong các lĩnh vực tố tụng dân sự, hành chính... là chức năng, nhiệm vụ của VKS nhưng không thuộc nội dung QCT, không phải mọi chức năng, nhiệm vụ của VKS đều là QCT.

Ngược lại, một số tác giả lại có xu hướng thu hẹp khái niệm QCT. Có quan điểm cho rằng, QCT là việc truy tố kẻ phạm tội ra trước Toà án, thực hiện sự buộc tội tại phiên tòa [61, tr.11]. Quan điểm này nhấn mạnh vai trò duy nhất của VKS trong việc thực hiện QCT trong tố tụng hình sự và chỉ được thực thi ở giai đoạn xét xử.

Tuy nhiên, lý luận và thực tiễn cho thấy, hoạt động truy tố, buộc tội tại phiên tòa chỉ là một trong số các quyền hạn của VKS khi thực hành QCT. Bên cạnh việc truy tố và buộc tội tại phiên tòa, QCT còn được thực hiện trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự, ngay từ khi Cơ quan điều tra (CQĐT) tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm. Việc nhận thức QCT

như trên đã thu hẹp khái niệm, nội dung, phạm vi và không phản ánh được đầy đủ bản chất của QCT.

Ở Việt Nam, QCT luôn thể hiện là quyền lực công, quyền lực nhà nước. QCT gắn liền với bản chất giai cấp sâu sắc và là một bộ phận không thể tách rời với quyền lực nhà nước, được nhà nước sử dụng nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. QCT chính là sự buộc tội của nhà nước, phát sinh khi có tội phạm - tức hành vi nguy hiểm xâm phạm tới các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ xảy ra. Đó là quan hệ giữa một bên là nhà nước (bên có quyền lực và đứng ra buộc tội) và người phạm tội (là người bị truy cứu trách nhiệm hình sự). QCT chỉ xuất hiện trong tố tụng hình sự, bởi nó gắn liền với chức năng buộc tội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vấn đề truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. QCT xuất hiện từ khi có hành vi phạm tội xảy ra, được thể hiện dưới hình thức cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các hoạt động tố tụng nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự, chứng minh hành vi phạm tội và tiến hành buộc tội trước Tòa án. Do đó, QCT chỉ chấm dứt khi vụ án được xét xử và bản án có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp QCT đều kéo dài cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật. Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS), QCT có thể chấm dứt ở các giai đoạn tố tụng sớm hơn, ví dụ như các trường hợp cơ quan có thẩm quyền đình chỉ vụ án.

Như vậy, quyền công tố là một loại quyền lực nhà nước, do cơ quan có thẩm quyền (ở Việt Nam là Viện kiểm sát) thực hiện, nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội ra trước Tòa án để xét xử và bảo vệ sự buộc tội đó tại phiên tòa.

Đối tượng của quyền công tố:

Đối tượng của QCT không phải mọi hành vi vi phạm pháp luật mà chỉ là những hành vi xâm phạm những quan hệ xã hội quan trọng, được nhà nước bảo vệ và được quy định trong Bộ luật hình sự (BLHS). Những hành vi xâm

phạm quan hệ pháp luật dân sự, kinh tế, hành chính... không phải là đối tượng của QCT, bởi QCT là phạm trù gắn liền với trách nhiệm hình sự và vấn đề truy cứu trách nhiệm hình sự. QCT chỉ tác động vào những hành vi xâm phạm quan hệ pháp luật hình sự và người thực hiện hành vi đó. QCT được thực hiện thông qua cơ quan có thẩm quyền, nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều được phát hiện, xử lý, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, qua đó duy trì ổn định và trật tự xã hội. Vì vậy, chúng tôi cho rằng, đối tượng của QCT là tội phạm và người phạm tội.

** Nội dung của quyền công tố:* xuất phát từ quan điểm về QCT và đối tượng của QCT như trên, theo chúng tôi, nội dung của QCT là sự buộc tội của nhà nước đối với người thực hiện hành vi phạm tội.

** Phạm vi quyền công tố:*

Hiện nay, vẫn có nhiều quan điểm khác nhau về phạm vi QCT, kể cả phạm vi thời gian và phạm vi không gian.

Phạm vi không gian: hầu hết, các quan điểm hiện nay cho rằng, phạm vi QCT chỉ có trong lĩnh vực tố tụng hình sự. Nhưng cũng có quan điểm cho rằng QCT không chỉ có trong lĩnh vực tố tụng hình sự mà còn có cả trong lĩnh vực dân sự, hành chính, kinh tế. Chúng tôi không nhất trí với quan điểm này, vì bản chất của QCT là sự buộc tội, luôn gắn liền với vấn đề tội phạm và người phạm tội. Trong phạm vi chức năng của mình, chủ thể thực hiện QCT (ở Việt Nam là VKS) sử dụng các quyền năng, biện pháp tố tụng hình sự cần thiết nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người bị coi là thực hiện hành vi phạm tội. Nếu như trong các lĩnh vực dân sự, kinh tế, lao động, sự thỏa thuận giữa các đương sự luôn là tối thượng thì trong tố tụng hình sự, QCT lại gắn liền với quyền lực nhà nước và mang tính cưỡng chế, dù đối tượng bị tác động có muốn hay không. Vì vậy, chúng tôi thống nhất với quan điểm cho rằng QCT chỉ có trong tố tụng hình sự.

Phạm vi thời gian: là thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc QCT. Có quan điểm cho rằng, QCT bắt đầu từ khi có quyết định truy tố và kết thúc ở phiên tòa sơ thẩm, có nghĩa là QCT không có ở giai đoạn điều tra. Quan điểm này đã thu hẹp phạm vi QCT, bởi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội là cả một quá trình, bắt đầu từ khi tội phạm xảy ra, mặt khác, VKS còn phải thực hiện nhiệm vụ này trong các phiên tòa phúc thẩm.

Cũng có quan điểm khác cho rằng, QCT bắt đầu từ khi khởi tố vụ án và kết thúc khi người phạm tội chấp hành xong bản án. Xác định phạm vi QCT như trên vừa quá rộng, vừa không đầy đủ, vì QCT không chỉ xuất hiện từ khi khởi tố vụ án. Ngay khi tội phạm xảy ra thì QCT - tức quyền thực hiện các hoạt động cần thiết của nhà nước nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội đã xuất hiện, còn việc có phát hiện tội phạm hay không và thực hiện QCT như thế nào là vấn đề thuộc nội hàm của THQCT. Quyết định khởi tố vụ án chỉ là sự bắt đầu, là cơ sở cho các hoạt động điều tra tiếp theo chứ không phải là xuất phát điểm của QCT. Bởi ngay cả khi chưa có quyết định khởi tố vụ án thì VKS vẫn thực hiện các quyền năng thuộc nội dung QCT như: phê chuẩn hoặc không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ; hủy bỏ quyết định tạm giữ không có căn cứ, trái pháp luật; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; hủy quyết định không khởi tố vụ án hình sự và ra quyết định khởi tố vụ án... Mặt khác, QCT là quyền nhân danh nhà nước buộc tội đối với người thực hiện hành vi phạm tội, khi bản án có hiệu lực pháp luật thì việc buộc tội đã chấm dứt. Vì vậy, QCT không có trong giai đoạn thi hành án.

Trên cơ sở phân tích như trên, chúng tôi thống nhất với quan điểm cho rằng: phạm vi QCT bắt đầu khi tội phạm xảy ra và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật [53, tr.50- 51]. Đây cũng là quan điểm của đa số các nhà nghiên cứu hiện nay.

2.1.1.2. *Khái niệm, phạm vi thực hành quyền công tố*

** Khái niệm thực hành quyền công tố*

Ở nước ta, từ Hiến pháp 1959 cho đến Hiến pháp 2013, VKS là thiết chế duy nhất trong bộ máy nhà nước thực hiện chức năng THQCT. Để thực hiện chức năng này có hiệu quả, VKS có quyền áp dụng các biện pháp luật định với mục đích cao nhất là “*không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội*” [48].

Quyền công tố chỉ là một dạng quyền năng, được cụ thể hóa trong các quy phạm pháp luật và chỉ phát huy hiệu quả trong thực tiễn khi được triển khai thực hiện một cách đúng đắn bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Để đảm bảo thực thi QCT trong thực tiễn, nhà nước ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật quy định về nhiệm vụ, quyền hạn mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền được phép áp dụng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội và bảo vệ sự buộc tội đó trước Tòa án. Việc thực hiện quyền năng đó trong thực tiễn chính là THQCT. Nội dung THQCT bao gồm những hoạt động sau:

Thứ nhất, những hoạt động trước khi khởi tố vụ án.

Ngay từ khi cơ quan chức năng tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm, VKS đã có những quyền năng cụ thể thuộc chức năng THQCT nhằm bảo đảm việc xử lý vụ án được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, cụ thể: Phê chuẩn việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; Hủy bỏ các quyết định tố tụng trái pháp luật khác trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan cung cấp tài liệu để làm rõ tội phạm, người phạm tội; Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; Tiến hành một số hoạt động điều tra để làm rõ căn cứ quyết định việc buộc tội đối với

người phạm tội; Hủy quyết định không khởi tố vụ án hình sự và ra quyết định khởi tố vụ án...

Thứ hai, hoạt động khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Theo quy định tại Điều 153, Điều 164 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) thì CQĐT, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm ngư, Hải quan, Kiểm lâm, các cơ quan khác thuộc lực lượng Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có quyền khởi tố vụ án trong phạm vi thẩm quyền của mình. VKS khởi tố vụ án trong trường hợp: VKS hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án của CQĐT; Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; Trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc trong trường hợp Hội đồng xét xử yêu cầu khởi tố vụ án. Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố vụ án hoặc yêu cầu VKS khởi tố vụ án hình sự nếu qua xét xử tại phiên Tòa phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm cần phải điều tra.

Quy định như vậy không có nghĩa là các cơ quan như Tòa án, CQĐT, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm... cũng có chức năng THQCT, bởi quyền khởi tố vụ án của các cơ quan nói trên không hoàn toàn độc lập. Theo quy định của BLTTHS thì VKS là cơ quan có vai trò quyết định trong việc xác định hiệu lực của quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố của các cơ quan nói trên chỉ thực sự có hiệu lực sau khi đã được VKS xem xét. Như vậy, việc khởi tố hay không khởi tố vụ án xét đến cùng là do VKS quyết định, nếu quyết định khởi tố vụ án là không có căn cứ và trái pháp luật thì VKS có quyền và trách nhiệm phải hủy bỏ, nếu quyết định đó là của Hội đồng xét xử thì VKS kháng nghị lên Tòa án cấp trên. Đối với trường hợp có dấu hiệu tội phạm mà cơ quan có thẩm quyền ra quyết định không khởi tố vụ án thì VKS hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định khởi tố vụ án.

Đối với quyết định khởi tố bị can, BLTTHS hiện hành quy định phải được VKS phê chuẩn. Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ, tài liệu liên quan,

nếu nhận thấy quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật thì VKS tiến hành hủy bỏ.

Như vậy, khởi tố vụ án, khởi tố bị can mặc dù là những hoạt động chủ yếu do CQĐT, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện, nhưng VKS là cơ quan chịu trách nhiệm cao nhất và có vai trò quyết định tính có hiệu lực của các quyết định này.

Thứ ba, hoạt động THQCT tiếp tục được thực hiện trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, thể hiện qua các biện pháp như: Yêu cầu CQĐT khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; Quyết định, phê chuẩn việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra, truy tố; Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan cung cấp tài liệu để làm rõ tội phạm, người phạm tội; Tiến hành một số hoạt động điều tra để làm rõ căn cứ quyết định việc buộc tội đối với người phạm tội; Quyết định việc áp dụng thủ tục rút gọn trong giai đoạn điều tra, truy tố; Quyết định việc truy tố bị can; Quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án, bị can.

Thứ tư, trong giai đoạn truy tố, VKSND THQCT qua các hoạt động: Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của luật; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can; Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án trong trường hợp cần thiết; Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố; Quyết định khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung; Quyết định việc tách, nhập vụ án, chuyển vụ án để truy tố theo thẩm quyền, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; Quyết định gia hạn, không gia hạn thời hạn truy tố, thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn; Quyết định truy tố, không truy tố bị can; Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án, bị can; quyết định phục hồi vụ án, bị can.

Thứ năm, trong giai đoạn xét xử, hoạt động THQCT của VKS tiếp tục được thực hiện, thể hiện qua việc đọc cáo trạng, thực hiện việc luận tội đối với bị cáo tại phiên Tòa sơ thẩm, hỏi những người tham gia tố tụng, tranh tụng với bị cáo, người bào chữa, nguyên đơn, bị đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác, quyết định rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố hoặc thay đổi sang tội danh nhẹ hơn..., phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, tranh luận với những người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa phúc thẩm. VKS thực hiện các hoạt động tố tụng hình sự được quy định từ Điều 306 đến Điều 325 BLTTHS năm 2003 để góp phần bảo đảm quá trình xét xử của Tòa án được tiến hành theo đúng trình tự luật định, đảm bảo sự bình đẳng của các bên tranh tụng, góp phần làm cho bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật của Tòa án thực sự công minh, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục đối với công luận.

Từ quá trình phân tích như trên, có thể hiểu khái niệm THQCT như sau:

Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận nguồn tin về tội phạm và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.

** Phạm vi thực hành quyền công tố:*

- Phạm vi thời gian:

Về nguyên tắc chung, khi có tội phạm xảy ra và cơ quan chức năng tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố thì xuất hiện QCT. Các hoạt động phê chuẩn hoặc không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ, huỷ bỏ quyết định tạm giữ, huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án và yêu cầu khởi tố vụ án... là hoạt động THQCT của VKS và có thể thực hiện trước khi khởi tố vụ án hình sự. Như

vậy, thời điểm bắt đầu của hoạt động THQCT xuất hiện từ trước khi khởi tố vụ án. Tiếp đó, THQCT tiếp tục được thực hiện trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố cho đến khi vụ án được xét xử và có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp, phạm vi THQCT đều kéo dài đến giai đoạn xét xử, hay nói cách khác, không phải mọi trường hợp khởi tố đều dẫn tới hệ quả đưa vụ án ra xét xử, vụ án có thể chấm dứt sớm hơn trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ vụ án.

Trên cơ sở phân tích như trên, chúng tôi cho rằng, phạm vi thực hành quyền công tố bắt đầu từ khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận nguồn tin về tội phạm và chấm dứt khi bản án có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị, hoặc khi vụ án bị đình chỉ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

- Phạm vi không gian:

Hoạt động tố tụng hình sự bao gồm ba chức năng chính: chức năng buộc tội, chức năng gỡ tội và chức năng xét xử. Trong đó, chủ thể của chức năng buộc tội là VKS, thể hiện qua hoạt động THQCT. Nếu như trong tố tụng dân sự, hành chính, yếu tố thỏa thuận, tự nguyện được đặt lên hàng đầu thì trong tố tụng hình sự, yếu tố cưỡng chế, bắt buộc mang tính đặc trưng. Sự tồn tại của chức năng buộc tội quyết định sự tồn tại của chức năng bào chữa và chức năng xét xử. Không có sự buộc tội thì không thể có hoạt động bào chữa, xét xử và như vậy không có hoạt động tố tụng hình sự. Khẳng định trên không có nghĩa là chức năng bào chữa và chức năng xét xử đóng vai trò thứ yếu. Cả ba chức năng buộc tội, chức năng bào chữa, chức năng xét xử đều là những chức năng cơ bản, chức năng nào cũng quan trọng và không được phép đặt chức năng này lên trên chức năng khác. Tuy nhiên, trong ba chức năng đó thì chức năng buộc tội là yếu tố khởi nguồn làm xuất hiện các chức năng tố tụng khác.

Nội dung chức năng buộc tội bao gồm những hoạt động tố tụng nhằm phát hiện và chứng minh tội phạm và người đã thực hiện hành vi

phạm tội, những tình tiết thể hiện tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, chứng minh lỗi của những người đã thực hiện tội phạm, động cơ mục đích cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Chức năng buộc tội tồn tại từ giai đoạn giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố, xuyên suốt trong quá trình khởi tố và kéo dài cho đến khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tức là trải qua các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử. Tất nhiên việc buộc tội trong giai đoạn điều tra, truy tố và giai đoạn xét xử có những nội dung khác nhau.

Vì vậy, chúng tôi cho rằng, *thực hành quyền công tố chỉ tồn tại trong tố tụng hình sự, gắn liền với chức năng buộc tội. Do đó, tiếp cận khái niệm thực hành quyền công tố theo nghĩa rộng cũng chính là thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự.*

2.1.2. Thực hành quyền công tố trong mối quan hệ với kiểm sát hoạt động tư pháp

2.1.2.1. Phân biệt thực hành quyền công tố với kiểm sát hoạt động tư pháp

Trong bất kỳ nhà nước nào, yêu cầu tuân thủ và chấp hành pháp luật luôn là tối thượng, có ý nghĩa quan trọng, nhằm duy trì và ổn định trật tự xã hội. Các thiết chế để bảo đảm cho việc tuân thủ, chấp hành pháp luật trong các kiểu nhà nước khác nhau có những đặc thù riêng và được phát triển, hoàn thiện dần qua các giai đoạn lịch sử. V.I.Lênin là người đầu tiên có quan điểm về tổ chức cơ quan có chức năng kiểm tra và giám sát việc tuân thủ pháp luật của các cơ quan nhà nước và những người thực thi công quyền, nhằm bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Quan điểm đó đã được thể hiện trong tác phẩm “*Bàn về chế độ song trùng, trực thuộc và pháp chế*”. Người trần trở về việc tìm ra một giải pháp để “*làm thế nào cho trong toàn bộ nước cộng hòa có một sự nhận thức thật sự nhất trí về pháp chế, dù là ở các địa phương có những đặc điểm và những ảnh hưởng như thế nào chăng nữa*”

[31, tr.233]. Người cũng nêu rõ, “*nếu chúng ta không áp dụng cho bằng được điều kiện cơ bản ấy để thiết lập pháp chế thống nhất trong toàn liên bang thì không thể nào nói đến vấn đề bảo vệ và xây dựng bất cứ một nền văn hoá nào được*” [31, tr.233]. Từ đó, người khẳng định sự cần thiết và tính tất yếu của sự thành lập hệ thống cơ quan độc lập có nhiệm vụ thiết lập và bảo đảm pháp chế trong toàn nước Nga, “*không bao giờ lùi bước bất cứ ảnh hưởng nào của địa phương*” [31, tr.236] và trực thuộc vào một cơ quan trung ương duy nhất, đó chính là VKS.

Việt Nam đã vận dụng tư tưởng của V.I.Lênin vào thực tiễn xây dựng, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, với sự thành lập hệ thống cơ quan VKSND từ năm 1960. Một trong những nhiệm vụ của hệ thống cơ quan này là giám sát, kiểm tra và loại trừ vi phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, chính trị xã hội và mọi công dân, đó là hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Bắt đầu từ năm 2001, với việc sửa đổi một số điều của Hiến pháp 1992 và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2001, VKSND không thực hiện kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, kinh tế, xã hội nữa mà chỉ giới hạn trong phạm vi “*kiểm sát hoạt động tư pháp*”. Từ đó đến nay, thuật ngữ “*kiểm sát các hoạt động tư pháp*” đã được sử dụng rộng rãi trong các văn bản pháp lý, các diễn đàn khoa học, với nhiều quan điểm khác nhau. Mỗi quan điểm đều có những hạt nhân hợp lý nhất định về kiểm sát HĐTP.

Theo chúng tôi, kiểm sát các HĐTP trước hết là chức năng hiến định của VKS, chủ thể thực hiện chức năng này chỉ có thể là VKS. Trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân phải nghiêm chỉnh chấp hành và tuân thủ triệt để quy định pháp luật, đó là yêu cầu tối thượng, không một cơ quan hay cá nhân nào có thể đứng trên pháp luật. Để thực hiện tốt yêu cầu đó, đòi hỏi phải có cơ quan giám sát việc tuân thủ và chấp hành pháp luật trên phạm vi toàn quốc, nhiệm vụ đó thuộc về VKS. Như phần trên chúng tôi đã phân tích,

đối tượng của hoạt động kiểm sát chủ yếu là các cơ quan tư pháp nhưng không có nghĩa là chỉ có cơ quan tư pháp, nó còn bao gồm cả các cơ quan khác được giao thẩm quyền thực hiện một số HĐTP. VKS không tiến hành kiểm sát đối với mọi hoạt động của các cơ quan này mà chỉ là những HĐTP. Đó là quá trình giám sát mang tính nhà nước của cơ quan có thẩm quyền (Viện kiểm sát) đối với các cơ quan tư pháp và các cơ quan được giao thực hiện một số HĐTP trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, hành chính, kinh tế, thương mại và hoạt động thi hành án, nhằm bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh, thống nhất. Kiểm sát HĐTP còn là quá trình kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp đối với hành vi, quyết định của các chủ thể thực hiện HĐTP thông qua việc sử dụng những quyền năng, biện pháp do pháp luật quy định để phát hiện, loại trừ vi phạm pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh, thống nhất. Do đó, có thể đưa ra khái niệm về kiểm sát các HĐTP như sau:

Kiểm sát hoạt động tư pháp là chức năng hiến định của Viện kiểm sát, có nội dung là giám sát tính hợp pháp đối với hành vi, quyết định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, trong việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp, nhằm bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Như vậy, THQCT và Kiểm sát HĐTP là hai chức năng độc lập của VKSND các cấp, có sự khác nhau nhất định.

Về nội hàm, THQCT là hoạt động buộc tội của nhà nước đối với người phạm tội, còn kiểm sát HĐTP là quá trình giám sát, kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp của quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

Về phạm vi, THQCT chỉ có trong tố tụng hình sự, còn kiểm sát hoạt động tư pháp có trong cả quá trình giải quyết các vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ

việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp.

Về mục đích, hoạt động THQCT là nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội và người phạm tội đều phải được phát hiện và xử lý. Trong khi đó, mục đích của kiểm sát hoạt động tư pháp là kịp thời phát hiện mọi vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp, có biện pháp xử lý kịp thời, nghiêm minh.

Nội dung cụ thể của hoạt động THQCT là các hoạt động phê chuẩn, không phê chuẩn, hủy bỏ các quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền trong tố tụng hình sự; Yêu cầu hoặc trực tiếp tiến hành một số hoạt động tố tụng; Quyết định việc truy tố, buộc tội bị cáo tại phiên tòa; Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp Viện kiểm sát nhân dân phát hiện oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội... Trong khi đó, nội dung của kiểm sát HĐTP là yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị nhằm loại trừ vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp.

2.1.2.2. Mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự

Như trên đã phân tích, theo quy định tại Hiến pháp năm 2013, BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, VKSND có hai chức năng là THQCT và kiểm sát HĐTP. Đây là hai chức năng độc lập của VKSND nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. THQCT là tiền đề cho hoạt động kiểm sát các HĐTP và ngược lại, kết quả của hoạt động kiểm sát các HĐTP là cơ sở cho hoạt động THQCT có hiệu quả. “Hai chức năng này của Viện kiểm sát có mối quan hệ hỗn hợp, tác động lẫn nhau nhằm đảm bảo cho quá trình tố tụng được tiến hành một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ; bảo đảm việc giải quyết vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật” [58, tr.54]. Do gắn kết với nhau trong suốt quá trình tố tụng, nên VKS không có hai bộ phận riêng biệt mà đồng thời thực hiện cả hai chức năng, nhằm ngăn ngừa, đấu tranh, phòng chống tội phạm có hiệu quả. Việc thực

hiện hai chức năng này có sự gắn bó chặt chẽ với nhau, đan xen nhau, chỉ có một số biện pháp thể hiện tính độc lập tương đối. Hoạt động THQCT có tính độc lập tương đối với kiểm sát các HĐTP nhưng phải luôn đặt chúng trong mối liên hệ biện chứng với nhau, tác động lẫn nhau, không được tách rời việc thực hiện hai chức năng này.

Ngay từ lúc mới hình thành, chức năng của VKSND không chỉ giới hạn ở THQCT mà còn giám sát hoạt động điều tra, giám sát đối với các HĐTP trong lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính, thi hành án... Hiến pháp năm 1959 lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến của nước ta ghi nhận sự ra đời của một loại hình cơ quan nhà nước mới trong bộ máy nhà nước, đó là cơ quan Viện kiểm sát. Tại Điều 105 Hiến pháp năm 1959 quy định *"Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Việt Nam dân chủ cộng hoà kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ, cơ quan Nhà nước địa phương, các nhân viên cơ quan Nhà nước và công dân. Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương và Viện kiểm sát quân sự có quyền kiểm sát trong phạm vi do luật định"*. Sự ra đời của mô hình VKSND gắn liền với yêu cầu của nhiệm vụ bảo đảm pháp chế, đó là điều kiện nền tảng cho việc xây dựng nhà nước kiểu mới.

Xét về khía cạnh thực tiễn, hai chức năng hiện nay của VKS có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, chức năng kiểm sát các HĐTP luôn là tiền đề cho chức năng THQCT, đó là mối liên hệ hữu cơ giữa hai chức năng. Những sai sót, vi phạm trong HĐTP luôn có khả năng dẫn đến những thiệt hại không thể bù đắp được. Do vậy, HĐTP phải chịu sự kiểm tra, giám sát của nhiều cơ chế khác nhau bao gồm cả cơ chế tự kiểm tra bên trong hệ thống và cơ chế giám sát bên ngoài hệ thống, cơ chế giám sát trực tiếp và gián tiếp. Những cơ chế này phải thường xuyên, có tính chuyên nghiệp cao. Thực tiễn kiểm sát HĐTP của VKSND thời gian qua đạt được những kết quả rất quan trọng, hàng năm, VKSND các cấp đã phát hiện, ban hành hàng nghìn kiến nghị, kháng nghị, yêu

cầu các cơ quan tư pháp khắc phục vi phạm. Thực tiễn cho thấy, VKS các cấp luôn quán triệt quan điểm đấu tranh phòng chống tội phạm gắn liền với đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự, nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội và người phạm tội đều phải được phát hiện kịp thời, việc điều tra, xử lý phải tuân thủ đúng quy định pháp luật. Mối quan hệ trên thể hiện qua những nội dung sau:

- Ngay từ khi cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, QCT được phát động, cũng là lúc VKS thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân thủ pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền nhằm phát hiện, loại trừ kịp thời vi phạm, bảo đảm tính hợp pháp của chứng cứ thu thập được.

- Trong quá trình nghiên cứu, xác định tính có căn cứ, hợp pháp các quyết định tố tụng của CQĐT, các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, VKS có thể đồng ý với các quyết định bắt người, tạm giữ, tạm giam, khởi tố vụ án, khởi tố bị can... hoặc ra quyết định hủy bỏ, không phê chuẩn các quyết định của CQĐT, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Đó chính là những hoạt động thuộc nội dung THQCT của VKS. Mặt khác, VKS còn phải kiểm tra tính hợp pháp của các quyết định đó như: thẩm quyền người ra quyết định, thời gian ra quyết định, căn cứ để ra quyết định... có phù hợp với các quy định pháp luật hay không, kịp thời phát hiện vi phạm để yêu cầu khắc phục, đó chính là nhiệm vụ kiểm sát tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự.

- Trong thực tiễn, hoạt động THQCT dựa trên kết quả của hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự. Các quyết định như khởi tố vụ án, khởi tố bị can; hủy quyết định khởi tố vụ án; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn; hủy bỏ các quyết định trái pháp luật của CQĐT... được củng cố thêm về sự chính xác và bảo đảm tính khách quan khi dựa trên kết quả của hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật, tức là quá trình kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp trong các tình tiết của vụ

án để từ đó thực hiện các quyền năng thuộc phạm vi QCT. Ngược lại, hoạt động THQCT chính là sự thể hiện quyền năng của VKS trong tố tụng hình sự, là một trong những biện pháp để bảo đảm tính khả thi trong hoạt động phát hiện và loại trừ vi phạm pháp luật. Mục đích của hoạt động THQCT là nhằm chứng minh tội phạm và người phạm tội. Mục đích của hoạt động kiểm sát các HĐTP là nhằm đảm bảo cho hoạt động giải quyết tin báo, tố giác tội phạm; hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử được khách quan, đầy đủ, tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục, nội dung do pháp luật quy định. Cả hai chức năng này đều có chung mục đích đảm bảo mọi hành vi phạm tội và người thực hiện tội phạm đều được phát hiện, xử lý kịp thời, việc khởi tố, điều tra, xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật.

2.2. Thực hành quyền công tố trong lịch sử tố tụng hình sự

2.2.1. Thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân trong lịch sử tố tụng hình sự Việt Nam

2.2.1.1. Thực hành quyền công tố ở Việt Nam trước 1960

Tổ chức và hoạt động của VKSND ở nước ta trải qua nhiều giai đoạn phát triển với những mô hình, phương thức tổ chức khác nhau phù hợp với điều kiện lịch sử và hoàn cảnh nhất định. Ngay từ những ngày đầu xây dựng đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương xây dựng các cơ quan chuyên trách có nhiệm vụ trấn áp thế lực phản cách mạng, trừng trị và phòng ngừa tội phạm hình sự nhằm mục tiêu bảo vệ Nhà nước, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân.

Tiền thân của VKS là cơ quan Công tố thuộc Tòa án, được xây dựng và từng bước hoàn thiện theo quá trình cải cách bộ máy nhà nước trong từng thời kỳ lịch sử khác nhau. Ngày 13/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh số 33c/SL thành lập các Tòa án quân sự ở ba miền Bắc, Trung, Nam. Tại Điều 5 Sắc lệnh quy định: “*Đứng buộc tội là một ủy viên quân sự hay một*

ủy viên của Ban trình sát” [07]. Đây là văn bản đầu tiên chính thức ghi nhận chức năng công tố của chính quyền dân chủ nhân dân.

Ngày 21/4/1946, Chủ tịch nước ban hành Sắc lệnh số 13 về tổ chức Tòa án thường và các ngạch thẩm phán, trong đó có thẩm phán buộc tội. Điều 49 của Sắc lệnh quy định Công tố viện là một bộ phận độc lập thuộc các tòa đệ nhị cấp và các Tòa thượng thẩm: *“các thẩm phán của công tố viện (thẩm phán buộc tội) do ông Chương lý đứng đầu”* [08].

Mô hình tổ chức cơ quan Công tố trong giai đoạn này có những nét đặc thù: Về tính chất, đó là cơ quan tư pháp; về chức năng, chủ yếu là công tố, buộc tội và chức năng thứ hai là chỉ đạo hoạt động điều tra và thực hiện điều tra đối với một số loại vụ án nhất định; về tổ chức, vào giai đoạn đó Công tố viện là một bộ phận trong hệ thống cơ quan Tòa án. Tiếp đó, Nhà nước ta đã ban hành các Sắc lệnh số 13 ngày 24/1/1946; Sắc lệnh số 51 ngày 17/4/1946; Sắc lệnh số 19 ngày 16/2/1947... quy định thành lập hệ thống Tòa án nhân dân (Tòa án thường), trong đó Công tố viện là một tổ chức thuộc Tòa án và do Bộ tư pháp quản lý. Hệ thống Công tố ở Tòa thượng thẩm và Tòa án đệ nhị cấp do một Viên chương lý đứng đầu, lúc này Công tố viện chỉ có chức năng truy tố người phạm tội ra Tòa án để xét xử.

Trong giai đoạn 1958 đến 1959, chúng ta bắt đầu thực hiện mô hình công tố trực thuộc Chính phủ. Năm 1958, thực hiện việc cải cách tổ chức bộ máy cơ quan nhà nước, Quốc hội đã quyết định thành lập cơ quan Viện Công tố trung ương và hệ thống Viện Công tố. Từ thời điểm này Viện Công tố tách khỏi hệ thống Tòa án và trực thuộc Hội đồng Chính phủ. Sau đó, Thủ tướng đã ban hành Nghị định 256/TTg ngày 1/7/1959 quy định về nhiệm vụ và tổ chức của Viện Công tố, Điều 1 của Nghị định quy định: *“Nhiệm vụ của Viện công tố là điều tra và truy tố trước Tòa án những kẻ phạm pháp về hình sự; giám sát việc chấp hành pháp luật trong công tác điều tra của Cơ quan điều tra...”* [55]. Như vậy, ngoài chức năng truy tố

theo luật hình sự những kẻ phạm pháp, Viện công tố còn có chức năng giám sát chấp hành pháp luật trong điều tra vụ án hình sự.

Như vậy, mô hình tổ chức công tố trực thuộc Chính phủ ở nước ta tồn tại rất ngắn (1958 - 1959) và có thể nói chỉ tồn tại trên pháp lý như một bước quá độ về tổ chức theo hướng tạo thành một hệ thống riêng, độc lập trong bộ máy nhà nước.

2.2.1.2. Thực hành quyền công tố từ 1960 đến trước năm 1988

Bắt đầu từ Hiến pháp 1959, với quy định tổ chức cơ quan VKSND thành một hệ thống độc lập với Chính phủ và chỉ chịu trách nhiệm trước Quốc hội là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc xúc tiến thành lập hệ thống cơ quan VKSND các cấp độc lập. Trên cơ sở quy định của Hiến pháp, Quốc hội đã ban hành Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1960 cụ thể hóa chức năng của VKSND, đánh dấu sự hình thành hệ thống cơ quan VKSND từ trung ương đến địa phương. Điều 13 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1960 quy định:

“Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra của cơ quan Công an và của cơ quan điều tra khác nhằm:

A) Không để một hành vi phạm tội và người phạm tội nào tránh khỏi việc xử lý của pháp luật...” [44].

Cũng trong thời gian này, VKSND Tối cao và Bộ công an đã ban hành nhiều thông tư liên bộ quy định trách nhiệm của hai ngành trong công tác phối hợp đấu tranh phòng, chống tội phạm. Trong đó, Thông tư số 427-TTLB ngày 28/6/1963 đã quy định trách nhiệm của từng ngành đối với việc điều tra xử lý tội phạm, cụ thể: Cơ quan Công an đảm nhiệm việc điều tra tất cả các vụ án phản cách mạng và những tội phạm phức tạp. Còn VKS chủ yếu là làm nhiệm vụ kiểm sát điều tra, đồng thời trong phạm vi điều kiện và khả năng của mình sẽ trực tiếp điều tra một số loại phạm pháp kinh tế và hành vi phạm pháp đã tương đối rõ. Tại mục 2, Chương II Thông tư cũng quy định rõ, trừ việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, cơ quan

Công an "chỉ được tiến hành bắt, khám người, khám nhà, giữ lại thư tín, tạm giữ hoặc kê biên tài sản, tạm giam, gia hạn giam, miễn tố, tạm tha bị can khi đã được sự phê chuẩn của Viện Kiểm sát" [2].

Đến giai đoạn những năm 80, Nhà nước ta đã ban hành Hiến pháp năm 1980, trong đó Điều 138 quy định chức năng của VKS: "*Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các bộ, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức xã hội và các đơn vị vũ trang nhân dân, các nhân viên nhà nước và công dân, thực hành quyền công tố, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất, các Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố trong phạm vi trách nhiệm của mình*" [37].

Trên cơ sở đó, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1981 đã quy định cụ thể chức năng THQCT, kiểm sát khởi tố tại chương II. Tuy nhiên trong giai đoạn này chưa có một văn bản quy phạm pháp luật nào quy định một cách chặt chẽ, cụ thể về trình tự thủ tục hoạt động THQCT, từ đó dẫn đến việc gặp nhiều khó khăn trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm.

2.2.1.3. Thực hành quyền công tố từ 1988 đến nay

Ngày 28/6/1988, tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa VIII đã thông qua BLTTHS đầu tiên của nước ta, đánh dấu bước phát triển mới trong hoạt động lập pháp. BLTTHS 1988 đã quy định trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, bên cạnh đó có quy định về hoạt động kiểm sát khởi tố của VKS với mục đích là nhằm xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội. Điều 23 BLTTHS năm 1988 quy định: "*Viện kiểm sát có nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng hình sự, thực hành quyền công tố bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và*

thống nhất. Trong các giai đoạn của tố tụng hình sự, Viện kiểm sát có trách nhiệm áp dụng những biện pháp do Bộ luật này quy định để loại trừ việc vi phạm pháp luật của bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào" [50].

Với quy định đó, VKS thực hiện kiểm sát việc tuân theo pháp luật và THQCT đối với toàn bộ hoạt động tố tụng của CQĐT trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Như vậy, từ giai đoạn này trở đi, hoạt động THQCT được thực hiện theo quy định của một văn bản quy phạm pháp luật thống nhất. Trong suốt thời gian hơn 15 năm thực hiện BLTTHS năm 1988, chức năng THQCT đã góp phần quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm hình sự, ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Năm 2003, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XI đã tiến hành thảo luận và thông qua BLTTHS năm 2003, thể hiện những tư tưởng mới về cải cách tư pháp hình sự, trong đó có nhiều điểm mới về hoạt động THQCT và kiểm sát các HĐTP của VKSND, Điều 23 BLTTHS năm 2003 quy định:

"Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, có trách nhiệm phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, áp dụng những biện pháp do Bộ luật này quy định để loại trừ việc vi phạm pháp luật của những cơ quan hoặc cá nhân này.

Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý kịp thời; việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội" [49].

Bên cạnh đó, BLTTHS năm 2003 còn có nhiều quy định mới liên quan đến hoạt động THQCT, kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can của VKS như: VKS không trực tiếp giải quyết tin báo, tố giác tội phạm mà tập trung vào CQĐT và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ thực hiện một số hoạt động điều tra, việc khởi tố bị can phải có sự phê chuẩn của VKS...

Kế thừa những thành tựu lập hiến của các bản Hiến pháp trước đây, đồng thời, tiếp thu những tư tưởng mới về Nhà nước pháp quyền, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội Khoá XIII thông qua ngày 28/11/2013 là cơ sở cho công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước ta. Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 đã có những quy định đổi mới căn bản về quyền con người (chương II Hiến pháp năm 2013), tiếp tục ghi nhận chức năng THQCT và kiểm sát HĐTP của VKSND các cấp, ghi nhận nguyên tắc tranh tụng..., tạo cơ sở cho công cuộc cải cách toàn diện hoạt động tố tụng ở nước ta. Hiến pháp năm 2013 là dấu mốc chính trị, pháp lý quan trọng, là cơ sở pháp lý của quá trình cải cách hành chính cũng như cải cách tư pháp. Bên cạnh việc tiếp tục khẳng định chức năng của VKSND là THQCT và kiểm sát HĐTP, Hiến pháp năm 2013 đã có những sửa đổi, bổ sung làm rõ hơn nhiệm vụ và nguyên tắc hoạt động của VKS khi THQCT và kiểm sát HĐTP; sửa đổi quy định về hệ thống tổ chức của VKS cho phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp.

Trước yêu cầu phát triển và bảo vệ đất nước trong tình hình mới, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa; trên cơ sở tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 “Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”, thể hiện rõ những quan điểm, nhiệm vụ cải cách tư pháp ở tầm chiến lược, bảo đảm thực hiện mục tiêu “*Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*” [15]. Đồng thời, đáp ứng nhu cầu cụ thể hóa tinh thần Hiến pháp 2013, tại kỳ họp thứ 7 ngày 24-11-2014, Quốc hội đã thông qua Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014. Tại Điều 3 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 đã đưa ra khái niệm THQCT. Đây là lần đầu tiên khái niệm THQCT được ghi nhận trong một văn bản pháp lý chính thức. Ngoài ra, tại các điều 12, 14, 16, 18

của Luật cũng quy định cụ thể nội dung, nhiệm vụ hoạt động THQCT trong các giai đoạn tố tụng khác nhau.

Tiếp đó, ngày 27 tháng 11 năm 2015, Quốc hội thông qua BLTTHS mới với nhiều thay đổi quan trọng gắn liền với chức năng THQCT của VKS như: Chức năng thực hành quyền công tố được quy định sớm hơn, từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm mà không phải từ khi khởi tố vụ án; Trong giai đoạn điều tra, VKS có quyền ra quyết định khởi tố bị can nếu phát hiện có người đã thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm nhưng chưa bị khởi tố và đã yêu cầu nhưng CQĐT không thực hiện; Điều chỉnh hợp lý thời hạn VKS sát phê chuẩn các quyết định tố tụng; Bổ sung nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa hình sự; Phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính tư pháp; mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của KSV... Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng, kiện toàn tổ chức và hoạt động của VKS các cấp trong quá trình cải cách tư pháp, xây dựng hệ thống văn bản pháp luật liên quan. Đồng thời, khái niệm THQCT nêu trên là cơ sở định hướng để các nhà khoa học tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về vấn đề QCT và tổ chức thực hiện QCT dưới góc độ khoa học pháp lý.

Như vậy, sự hình thành hệ thống cơ quan VKSND là một quá trình mang tính lịch sử, từ cơ quan công tố thuộc Tòa án, đến cơ quan công tố thuộc Chính phủ, cho đến năm 1960, với dấu mốc quan trọng khi Viện kiểm sát nhân dân chính thức được thành lập. Trải qua thời gian, nhận thức và cách thức tổ chức, việc thực hiện hoạt động THQCT trong từng thời kỳ lịch sử có khác nhau nhưng điều dễ nhận thấy là hoạt động THQCT đã và đang trở thành chức năng cơ bản của ngành Kiểm sát, có vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu oan sai, chống bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

2.2.2. Khái quát thực hành quyền công tố một số nước trên thế giới

Các nước trên thế giới tùy theo đặc điểm chính trị, lịch sử, truyền thống văn hóa pháp lý, mô hình tổ chức bộ máy nhà nước của mỗi quốc gia, tổ chức

và hoạt động của các cơ quan tư pháp khác nhau, do đó tổ chức, hoạt động của các cơ quan công tố cũng rất phong phú, đa dạng. Dưới đây là mô hình hoạt động của cơ quan thực hiện chức năng THQCT của một số quốc gia tiêu biểu trên thế giới.

2.2.2.1. Tổ chức thực hành quyền công tố ở một số nước theo truyền thống Luật án lệ

** Vương quốc Anh:*

Vương quốc Anh đến nay vẫn tồn tại song song hai hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật theo án lệ là Anh - xứ Wales và hệ thống pháp luật gần giống pháp luật của Pháp và Đức là xứ Scotland. Trong khuôn khổ luận án, tác giả chỉ đề cập đến hệ thống công tố theo truyền thống luật án lệ, đó là hệ thống công tố Hoàng gia Anh. Viện công tố Hoàng gia Anh được thành lập vào năm 1995, do Viện trưởng Viện công tố đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Nghị viện và hoạt động dưới sự giám sát của Bộ trưởng tư pháp. Tuy nhiên, đây chỉ là sự giám sát chung có tính chất chính trị, không phải là sự giám sát thường xuyên mang tính pháp lý.

Hệ thống công tố Hoàng gia Anh được phân chia theo các khu vực địa lý. Mỗi khu vực do một Công tố viên trưởng Hoàng gia đứng đầu, có quyền bổ nhiệm các Công tố viên qua thi cử. Các Công tố viên thực thi nhiệm vụ công tố dưới sự chỉ đạo của Công tố viên trưởng.

Việc khởi tố và điều tra tội phạm ở Anh và xứ Wales thuộc thẩm quyền của cơ quan cảnh sát. Công tố Hoàng gia không thực thi chức năng giám sát việc điều tra hoặc chỉ đạo việc điều tra của cảnh sát hay chỉ thị cho cảnh sát trong việc thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, công tố Hoàng gia có nhiệm vụ theo luật định là chỉ dẫn cho cảnh sát về mối liên quan, khối lượng cần và đủ cũng như khả năng có thể chấp nhận được của các bằng chứng đã thu thập được, nhưng đây không phải là mệnh lệnh buộc cảnh sát phải tuân theo. Việc quyết định làm như thế nào để đáp ứng được các chỉ dẫn đó hoàn toàn là việc của cảnh sát.

Nhiệm vụ chủ yếu của công tố Hoàng gia là truy tố tội phạm, ngoài ra cơ quan này còn có quyền khởi tố đối với những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp.

Trong quá trình điều tra, Công tố viên chỉ đóng vai trò như Luật sư tư vấn cho cơ quan cảnh sát nhưng lại có quyền quyết định một số vấn đề như: có cần thiết phải khởi tố bị can hay không, hoặc nếu vụ việc đã được khởi tố thì tiếp tục tiến hành tố tụng hay đình chỉ.

Tất cả các Công tố viên phải chịu trách nhiệm cá nhân và phải cân nhắc đầy đủ các vấn đề chứng cứ trên tinh thần Bộ luật truy tố tội phạm. Trong giai đoạn xét xử, Công tố viên Hoàng gia không có quyền đề nghị mức án mà trình bày nội dung vụ án, còn quyết định tội danh và mức án là do Bồi thẩm đoàn. Trong trường hợp cần thiết Công tố viên có quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án.

Như vậy, tổ chức và hoạt động của công tố Hoàng gia Anh chỉ thực hiện trong lĩnh vực tư pháp hình sự với nhiệm vụ chủ yếu là đưa vụ án ra Tòa và thực hiện sự buộc tội đối với bị cáo.

** Hợp chủng quốc Hoa Kỳ:*

Hệ thống cơ quan công tố Hoa Kỳ thuộc nhánh quyền hành pháp, được chia làm hai cấp, cấp bang và liên bang. Đứng đầu Viện công tố liên bang là Tổng công tố do Tổng thống Hoa Kỳ bổ nhiệm và có nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ Tổng thống. Trực thuộc Viện công tố liên bang là các Viện công tố bang. Tùy thuộc vào pháp luật của từng bang quy định mà Tổng công tố bang có thể do Thống đốc bang bổ nhiệm hoặc do cử tri của bang bầu ra theo nhiệm kỳ vài năm một. Trong hoạt động tố tụng hình sự, Công tố viên của Hoa Kỳ có vị trí và vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ công lý. Công tố viên phải chịu trách nhiệm về toàn bộ quá trình điều tra và quyết định truy tố hoặc không truy tố người phạm tội ra Tòa. Về nhiệm vụ buộc tội, Công tố viên Hoa Kỳ có nhiều quyền tự quyết định hơn các nước châu Âu lục địa và quyết định của Công tố viên không thể xem xét lại bởi Thẩm phán hoặc các viên chức tư

pháp hình sự nào khác. Trong khi xét xử, Công tố viên có trách nhiệm đại diện cho Nhà nước tranh luận vụ việc và chứng minh tội trạng của bị cáo. Nghĩa vụ phải trình toàn bộ chứng cứ để bảo đảm xu hướng sự thật, đó là xác lập việc có tội hay vô tội phải được đề cao trong hoạt động nghiệp vụ của Công tố viên.

Các quy định của luật pháp và thực tiễn áp dụng cho thấy, tội phạm do cơ quan liên bang truy tố thường là các tội phạm buôn bán, vận chuyển ma túy, tội phạm có tổ chức, tội phạm về tài chính và gian lận mức độ lớn, những tội phạm xâm hại đến các quyền lợi liên bang như chống lại công chức liên bang, lừa đảo, gian lận... nhằm vào liên bang. Thêm nữa, có một số loại tội phạm chỉ chính quyền liên bang mới có quyền truy tố, bao gồm các tội phạm trong lĩnh vực hải quan, thuế liên bang, tội gián điệp, phản quốc.

Chính quyền các bang truy tố hầu hết các loại tội phạm nhằm vào cá nhân, như giết người, cố ý gây thương tích, các tội xâm phạm sở hữu như cướp, trộm cắp... Nhìn chung, số vụ án các bang xử lý lớn hơn rất nhiều so với con số của liên bang.

Mặc dù các bang có thẩm quyền lớn trong việc truy tố hầu hết các loại tội phạm nêu trên, nhưng họ chỉ có thể điều tra và truy tố các tội phạm xảy ra trên địa bàn lãnh thổ của bang. Thẩm quyền của liên bang thì mở rộng trên phạm vi toàn liên bang. Do vậy, liên bang có khả năng tốt hơn khi điều tra và truy tố các tội phạm phức tạp, xảy ra trên bình diện rộng.

Quyền không truy tố:

Một trong những đặc trưng lớn nhất của nền tư pháp Hoa Kỳ là thẩm quyền tùy nghi rộng lớn của Công tố viên trong các vấn đề hình sự. Chẳng hạn, một Công tố viên liên bang có thể quyết định không truy tố một tội phạm, nếu thấy vụ việc quá nhỏ để truy tố theo thẩm quyền liên bang. Chẳng hạn, số lượng ma túy hay thiệt hại cho nạn nhân không đáng kể. Khi đó, Cơ quan điều tra (liên bang) có thể chuyển vụ việc cho một Công tố viên của

bang (nếu vụ việc đó có thể bị truy tố ở toà án bang) và Công tố viên của bang cũng có toàn quyền truy tố hay không truy tố. Tương tự, Công tố viên liên bang có thể không truy tố một tội phạm ít nghiêm trọng nếu cho rằng, có giải pháp khác thay thế, chẳng hạn bị cáo đồng ý bồi thường cho nạn nhân.

Bị cáo bị khởi tố về các tội ít nghiêm trọng, không bạo lực, có thể được xử lý theo các cách thức khác, thông thường là bồi thường, khắc phục hậu quả cho nạn nhân. Nếu bị cáo thực hiện xong các biện pháp đó, họ sẽ không bị truy tố nữa và tránh bị lập lý lịch hình sự.

Một cách thức nữa mà Công tố viên có thể không truy tố hoặc đề nghị Đại bồi thẩm đoàn rút lại quyết định (phê chuẩn) truy tố là mặc dù có đủ chứng cứ để khởi tố và phê chuẩn việc truy tố, nhưng các chứng cứ dù có bổ sung sau này cũng không thể chứng minh được bị cáo phạm tội tại phiên toà xét xử chính thức. Trong những trường hợp như vậy, Công tố viên không bị bắt buộc phải đề nghị ra lệnh bắt. Còn nếu Công tố viên đã khởi tố, buộc tội, có phê chuẩn từ Đại bồi thẩm đoàn, đã có lệnh bắt bị can từ Toà án, (mà sau đó quyết định không truy tố), thì việc đó được coi như lạm dụng quyền tùy nghi của Công tố viên.

Thoả thuận nhận tội:

Hầu hết các vụ án hình sự ở Hoa Kỳ, trước khi xét xử, thậm chí ngay tại phiên xử, được xử lý /giải quyết theo thủ tục bị cáo nhận tội. Thông thường, việc nhận tội của bị cáo có được sau khi có thương lượng giữa Luật sư đại diện cho bị cáo và Công tố viên. Thủ tục này được gọi là thoả thuận nhận tội (hay thú tội). Theo thủ tục này, bị cáo, thường thông qua Luật sư, đồng ý nhận tội theo một hay tất cả các tội mà Công tố viên khởi tố /buộc tội để đổi lại một số hoạt động nhất định của Công tố viên. Công tố viên có thể đồng ý không truy tố một hay một số tội danh đã khởi tố/buộc tội, hay thậm chí sẽ đưa ra đề nghị về mức án với Thẩm phán, hoặc không phản đối mức án mà Luật sư bào chữa đưa ra. Thoả thuận của Công tố viên (với phía bị cáo) có hiệu lực pháp luật trên toàn liên

bang. Là một phần của thoả thuận nhận tội, bị cáo có thể đồng ý khai báo sự thật về các tội phạm mà anh ta biết được. Do vậy, Công tố viên có thể sử dụng thoả thuận nhận tội để có được lời khai từ những kẻ phạm tội ít nghiêm trọng trong vụ án, để có chứng cứ kết tội những kẻ phạm tội nghiêm trọng hơn.

Thoả thuận nhận tội phải được lập trước một Thẩm phán. Một nhân viên Toà án sẽ viết biên bản về tất cả mọi điều nêu ra trong khi thoả thuận. Trước khi Thẩm phán chấp thuận thoả thuận, ông ta sẽ đặt câu hỏi với bị cáo (tại một phiên họp /xử công khai) để đảm bảo rằng, bị cáo hiểu hết về quyền không phải nhận tội và có quyền yêu cầu một phiên xét xử chính thức; rằng bị cáo nhận tội hoàn toàn tự nguyện, hiểu hết mọi điều khoản trong thoả thuận và hậu quả của việc nhận tội; rằng bị cáo không bị ép buộc hay bị hứa hẹn, lừa dối không đúng pháp luật từ phía Công tố; và có cơ sở thực tế của thoả thuận nhận tội. Nếu Thẩm phán không thoả mãn, hài lòng với trả lời từ phía bị cáo, Thẩm phán sẽ không chấp nhận lời nhận tội của bị cáo.

Miễn trừ truy tố:

Để có được chứng cứ cần thiết truy tố một tội phạm liên quan đến các vụ án phạm tội có tổ chức là một điều đặc biệt khó khăn. Tính chất bí mật của các tổ chức này và sự đe dọa sẽ làm cho việc có được chứng cứ (những lời khai cần thiết chống lại kẻ cầm đầu) là cản trở lớn trong quá trình thu thập chứng cứ và tìm kiếm sự thật của các Công tố viên. Nhân chứng ngoài các tổ chức này thông thường rất sợ hãi khi phải khai báo. Những thành viên trong tổ chức thì không chỉ không muốn khai báo, mà còn việ dẫn quy định về nguyên tắc chống tự buộc tội và từ chối khai báo về bất cứ tội phạm nào mà họ tham gia. Quyền lực đặc biệt của Công tố viên để miễn trừ truy tố cho các nhân chứng, thường sẽ tạo điều kiện cho họ có được lời khai rất có giá trị, được sử dụng khi truy tố các vụ án loại này.

Như vậy, hoạt động công tố ở Hoa Kỳ diễn ra trong lĩnh vực tố tụng hình sự. Nhiệm vụ chủ yếu của công tố ở Hoa Kỳ là đưa vụ án ra Tòa, quyền

quyết định truy tố hoặc không truy tố người phạm tội, khởi tố hoặc không khởi tố vụ án được gọi là "quyền tự quyết của Công tố viên" (Discretionary) là nét đặc trưng thể hiện vai trò to lớn của cơ quan công tố ở Hoa Kỳ. Nghiên cứu tổ chức, hoạt động của cơ quan công tố Hoa Kỳ là nguồn tham khảo có giá trị cho Việt Nam trong quá trình hoạt thiện chức năng và bộ máy VKSND các cấp như: vận dụng hợp lý thẩm quyền không truy tố, thỏa thuận cung cấp chứng cứ đối với những vụ án đặc biệt nghiêm trọng có đồng phạm...

2.2.2.2. Tổ chức, thực hiện quyền công tố ở một số nước theo truyền thống luật lục địa

** Cộng hòa Pháp:*

Hệ thống cơ quan công tố ở Pháp đặt trong Tòa án nhưng không phụ thuộc vào Tòa án mà chịu sự lãnh đạo của Bộ trưởng Tư pháp, mỗi Viện công tố đều có đại diện tại các Tòa hình sự. Tuy vậy, theo quy định của pháp luật, các Công tố viên được bảo đảm hoạt động độc lập, đó là quyền tự do luận tội và quyền tự quyết định có truy tố hay không. Công tố viên Tòa sơ thẩm có quyền chỉ ra hoạt động điều tra của nhân viên cảnh sát, có quyền tiến hành khám xét và thu giữ, kiểm tra nhận dạng và tạm giam. Ngoài ra, Công tố viên có quyền tự mình quyết định xử lý vụ án không cần chuyển sang Tòa. Đây là những vụ án mà hành vi phạm tội không ảnh hưởng lớn đến những giá trị nền tảng của xã hội và nạn nhân muốn được bồi thường hơn là đòi truy tố.

Trong quá trình xét xử, Công tố viên có quyền tranh luận, phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án, đề nghị mức án đối với bị cáo. Sau cùng, cơ quan công tố có trách nhiệm theo dõi việc thi hành án. Điều 707 BLTTHS Cộng hòa Pháp quy định: "*Bên công tố có thể tự mình đứng ra theo dõi việc thi hành án hoặc ủy quyền cho một cơ quan khác thực hiện nhiệm vụ này*".

** Cộng hòa liên bang Đức:*

Cơ quan công tố Cộng hòa liên bang Đức một mặt trực thuộc cơ quan hành pháp nhưng mặt khác lại chịu sự quản lý của ngành tư pháp. Bộ Tư pháp là

cơ quan giám sát cao nhất của cơ quan công tố, nhưng cơ quan công tố lại nằm trong hệ thống Tòa án. Viện trưởng Viện công tố liên bang do Tổng thống Đức bổ nhiệm và có trách nhiệm truy tố tất cả các loại tội phạm. Công tố viên tham gia vào quá trình điều tra với tư cách là người chỉ huy, có quyền khởi tố và kết thúc các thủ tục tố tụng ban đầu, có quyền quyết định các biện pháp cưỡng chế cần thiết trong quá trình điều tra như: Khám xét, tịch thu tài sản, theo dõi điện thoại của người bị tình nghi... nhưng các quyết định này phải có lệnh của Thẩm phán, trừ những trường hợp khẩn cấp Công tố viên có thể tự tiến hành ngay những biện pháp cưỡng chế nhưng ngay sau đó phải xin lệnh của Tòa án.

Trong giai đoạn xét xử, Công tố viên tham gia phiên tòa có quyền công bố cáo trạng, tham gia thẩm vấn bị cáo và những người tham gia tố tụng khác sau khi Tòa đã thẩm vấn, đề nghị mức án đối với bị cáo. Sau cùng Công tố viên có quyền kháng nghị bản án hoặc quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật.

Như vậy, cơ chế tố tụng ở các nước theo truyền thống luật lục địa không cho phép bất cứ chủ thể tiến hành tố tụng nào được độc quyền, chi phối mọi hoạt động tố tụng. Đối với các vụ án do dự thẩm tiến hành điều tra theo yêu cầu của Viện công tố, sau khi kết thúc điều tra, dự thẩm phải chuyển hồ sơ cho Viện công tố để cơ quan này tiếp tục thực hiện chức năng công tố của mình. Tuy nhiên, việc duy trì công tố tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm là khác nhau. Nếu như sự có mặt của Viện công tố bên cạnh Tòa phúc thẩm chỉ thực hiện QCT thì Viện công tố bên cạnh Tòa sơ thẩm ngoài việc thực hiện QCT còn giữ vai trò chỉ đạo điều tra và giám sát việc điều tra của dự thẩm.

2.2.2.3. Tổ chức, thực hiện quyền công tố ở một số nước châu Á

** Trung Quốc:*

Về tổ chức: Cơ quan THQCT ở Trung Quốc hiện nay là VKSND được tổ chức từ Trung ương xuống địa phương. Điều 130 Hiến pháp quy định: “*Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập Viện kiểm sát nhân dân tối*

cao và Viện kiểm sát nhân dân địa phương các cấp, Viện kiểm sát quân sự và Viện kiểm sát nhân dân chuyên ngành khác”.

Trên cơ sở quy định của Hiến pháp, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân Trung Hoa quy định hệ thống, cơ cấu tổ chức VKS Trung Hoa như sau:

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

VKSND tối cao là cơ quan kiểm sát cao nhất của Nhà nước, có chức năng giám sát pháp luật và lãnh đạo VKS địa phương các cấp, VKS chuyên ngành trong việc thực hiện chức năng giám sát pháp luật nhằm bảo đảm việc thực hiện pháp luật được đúng đắn và thống nhất.

- Viện kiểm sát nhân dân các cấp ở địa phương

VKSND các cấp ở địa phương gồm: VKSND dân tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương (cấp thứ 2); VKSND thành phố thuộc tỉnh, châu tự trị... (cấp thứ 3); VKSND huyện, khu trực thuộc thành phố (cấp cơ sở).

- Viện kiểm sát chuyên ngành:

VKS chuyên ngành là cơ quan kiểm sát đặc biệt được thành lập trong hệ thống tổ chức ngành Kiểm sát. Trong những năm 1980, ở Trung Quốc tồn tại 3 VKS chuyên ngành là: VKS vận tải, VKS đường sắt và VKS quân sự. Hiện nay, chỉ còn tồn tại VKS quân sự và VKS đường sắt trong hệ thống VKS chuyên ngành.

Chức năng công tố của VKSND Trung Quốc được thể hiện trên các mặt sau đây:

- Thực hiện quyền kiểm sát đối với các vụ án phản quốc, chia rẽ đất nước và các vụ án phạm tội to lớn, phá hoại nghiêm trọng việc thực hiện thống nhất chính sách, pháp luật, pháp lệnh, quy chế hành chính của Nhà nước.

- Tiến hành điều tra đối với các vụ án hình sự được trực tiếp thụ lý.

- Quyết định việc bắt giữ, hoặc miễn tố đối với các vụ án do cơ quan Công an điều tra.

- VKS có nhiệm vụ kiểm sát việc khởi tố của cơ quan Công an; phê chuẩn lệnh bắt giữ của cơ quan Công an; khắc phục tình trạng bắt giữ trái phép, ép cung, bức cung, hãm hại báo thù, khám xét trái phép, xâm phạm thân thể, quyền dân chủ của công dân...

- VKSND các cấp ở Trung Quốc đều có một bộ phận làm nhiệm vụ điều tra tội phạm tham nhũng, chủ yếu là điều tra các tội tham ô, nhận hối lộ, lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội vì vụ lợi, cán bộ cơ quan nhà nước không làm tròn nhiệm vụ, lợi dụng chức quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân... Tương tự như các nước khác, những người này là Kiểm sát viên chứ không phải là Điều tra viên như ở nước ta. Trong hoạt động điều tra, họ có quyền yêu cầu cơ quan Công an và các cơ quan chuyên môn khác hỗ trợ khi cần thiết.

- Quyền truy tố, luận tội bị cáo tại phiên tòa và đề nghị mức hình phạt.

* *Nhật Bản:*

Cơ quan công tố của Nhật Bản là một bộ phận trực thuộc Chính phủ về mặt tổ chức, nhưng lại độc lập trong việc THQCT. Điều 14 Luật về cơ quan công tố quy định: "*Bộ trưởng Bộ tư pháp có thể kiểm tra, giám sát Công tố viên trong việc thực hiện chức năng thông qua giám sát Viện trưởng Viện công tố chứ không kiểm tra và xử lý các vụ việc cụ thể*". Tại Nhật Bản, pháp luật quy định cảnh sát và Công tố viên đều có quyền tiến hành điều tra đối với tất cả các tội phạm. Nhưng trên thực tế, cảnh sát khởi tố và điều tra hầu hết các vụ án và chỉ khi kết thúc điều tra mới chuyển hồ sơ cho Công tố viên. Sau đó, Công tố viên có thể chỉ thị cho cảnh sát điều tra tiếp hoặc tự mình tiến hành điều tra độc lập những vụ án tham nhũng, vụ án tài chính quy mô, số lượng lớn hoặc vụ án có nhân viên nhà nước phạm tội. Cơ quan công tố Nhật Bản có toàn quyền trong việc truy tố bị can ra Tòa hoặc đình chỉ việc truy tố. Tại phiên tòa, Công tố viên là người chịu trách nhiệm về chứng cứ và đọc bản cáo trạng trình bày các căn cứ buộc tội bị cáo; tranh luận với Luật sư, đọc bản luận tội và đề

ngiht mức hình phạt đối với bị cáo. Cơ quan công tố Nhật Bản có quyền kháng nghị bản án tuyên bị cáo vô tội và bản án sơ thẩm này phải được đưa lên để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

** Malaysia:*

Cơ quan công tố ở Malaysia được tổ chức từ Trung ương đến địa phương, đứng đầu là Trưởng công tố liên bang. Hệ thống công tố ở Malaysia hoạt động theo nguyên tắc tập trung, thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Trưởng công tố liên bang. Theo quy định của Hiến pháp Malaysia, Trưởng công tố liên bang có quyền khởi tố, thực hiện việc truy tố cũng như đình chỉ đối với các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền của bất kỳ Tòa án nào ở các bang cũng như của liên bang. Thẩm quyền này cũng thuộc về các Công tố viên của Malaysia, các Công tố viên cũng có quyền khởi tố trực tiếp đối với các vụ án hình sự theo thẩm quyền, lập bản cáo trạng và thực hiện QCT nhà nước tại Tòa án. Trong hoạt động của mình, cơ quan công tố nhấn mạnh đến việc bảo vệ lợi ích công. Cũng tương tự như thẩm quyền của VKSND ở nước ta, sau khi nhận được kết quả điều tra từ các Cơ quan điều tra, Công tố viên có quyền quyết định việc truy tố hay không truy tố.

Điều đáng lưu ý là hoạt động của Công tố viên ở Malaysia, bên cạnh việc được điều chỉnh bởi các quy định của Hiến pháp liên bang, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật về hoạt động chứng cứ năm 1950, còn được điều chỉnh bởi Quy chế Công tố viên và Quy chế về đạo đức hành nghề của Công tố viên. Đây cũng là vấn đề mà chúng ta có thể nghiên cứu, tham khảo.

Khác với pháp luật Việt Nam, pháp luật Malaysia quy định cơ quan công tố ở Malaysia không trực tiếp tiến hành hoạt động điều tra. Tuy nhiên, cơ quan công tố ở Malaysia có thể thực hiện việc đưa ra các khuyến nghị đối với cơ quan cảnh sát và đưa ra các khuyến nghị đối với các cơ quan thi hành pháp luật khác trong công tác điều tra.

Như vậy, cho dù thể chế chính trị, mô hình tổ tụng khác nhau; cơ cấu, tổ chức, cách thức phân định nhiệm vụ, quyền hạn không đồng nhất với nhau nhưng cơ quan công tố (Viện kiểm sát) luôn đóng vai trò quan trọng trong tổ tụng hình sự, đó là cơ quan nhân danh Nhà nước tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự và thực hiện sự buộc tội đối với người bị coi là thực hiện hành vi phạm tội.

Kết luận Chương 2

THQCT là chức năng cơ bản của VKS, được ghi nhận tại các văn bản pháp lý khác nhau. Tuy nhiên, trong lịch sử tổ tụng hình sự Việt Nam, khái niệm, nội hàm cũng như phạm vi của các chức năng này được ghi nhận ở nhiều mức độ và dần được hoàn thiện theo thời gian. Trong phạm vi Chương 2, tác giả đã đưa ra khái niệm về QCT, THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung, THQCT trong tổ tụng hình sự nói riêng; làm rõ bản chất pháp lý, mối quan hệ giữa THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp; quá trình hình thành, phát triển chức năng THQCT của Viện kiểm sát nhân dân trong lịch sử tổ tụng hình sự, làm rõ quy định của pháp luật tổ tụng hình sự hiện hành liên quan đến lĩnh vực này. Bên cạnh đó, luận án còn tìm hiểu những nội dung cơ bản về tổ chức và thực hiện chức năng THQCT tại một số nước điển hình trên thế giới như: Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa liên bang Đức, cộng hòa Pháp, Vương quốc Anh, Trung Quốc, Nhật Bản, Malaysia. Như vậy, Chương 2 của luận án đã nghiên cứu những vấn đề cơ bản nhất về QCT, THQCT trong tổ tụng hình sự, đặc trưng trong tổ chức, hoạt động THQCT của một số nước điển hình trên thế giới và lịch sử hình thành, phát triển của chức năng THQCT tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu trên là cơ sở khoa học quan trọng để tìm hiểu, đánh giá đúng thực trạng hoạt động của VKSND trong lĩnh vực này.

Chương 3

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HAI CẤP Ở NGHỆ AN

3.1. Quy định pháp luật về thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự

3.1.1. Quy định pháp luật về thực hành quyền công tố trong việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố

Thực hành quyền công tố trong việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố được quy định tại Điều 101, 103 BLTTHS năm 2013, Điều 12 Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện kiểm sát nhân dân tối cao Hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2003 chỉ quy định chung về chức năng kiểm sát của VKS trong lĩnh vực này mà chưa quy định rõ quyền năng cụ thể của VKS và cơ chế pháp lý để bảo đảm cho VKS thực hiện tốt quyền năng đó. Chính vì vậy, Điều 12 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và đặc biệt là tại các điều 145, 146, 147, 148, 150 BLTTHS năm 2015 đã có nhiều sửa đổi quan trọng theo hướng quy định cụ thể hơn, chính thức ghi nhận hoạt động THQCT trong giai đoạn giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố; quy định rõ nội dung của THQCT trong giai đoạn này. Hoạt động của VKS trong giai đoạn này được quy định cụ thể trong các văn bản liên quan nhằm xác định có hoặc không có căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn như bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, từ đó quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn hoặc hủy bỏ theo luật định, cụ thể:

3.1.1.1. Phê chuẩn, không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ và các biện pháp khác

Theo quy định tại Điều 81, Điều 87 BLTTHS năm 2003, VKS có quyền quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ nhằm thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm, bảo đảm người bị tình nghi không bỏ trốn, cản trở quá trình xác minh tin báo hoặc tiêu hủy chứng cứ.

Trong quá trình nghiên cứu, quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trước khi khởi tố vụ án nêu trên, VKS luôn phải kiểm sát chặt chẽ căn cứ, điều kiện áp dụng, phân loại và kiên quyết không phê chuẩn đối với các trường hợp bắt, gia hạn tạm giữ không đủ căn cứ, tránh việc lạm dụng biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp hoặc áp dụng biện pháp tạm giữ tràn lan, tùy tiện.

Tuy nhiên, cần lưu ý là tại Điều 110, Điều 118 BLTTHS năm 2015, biện pháp bắt khẩn cấp đã được thay thế bằng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Quy định này nhằm phù hợp với Điều 20 Hiến pháp 2013 "*Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang*" [35]. Theo quy định tại BLTTHS 2015, trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai và ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó. Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải gửi ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người để xét phê chuẩn.

3.1.1.2. Hủy bỏ quyết định tạm giữ, các quyết định tố tụng khác trái pháp luật của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố

Theo quy định tại 86 BLTTHS năm 2003, trong quá trình thực hiện chức năng THQCT, VKS có quyền hủy bỏ quyết định tạm giữ khi xét thấy quyết định đó không có căn cứ hoặc trái pháp luật, đồng thời, quyết định trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. Quy định này cơ bản được giữ nguyên tại Điều 117 BLTTHS năm 2015; Điều 12, Điều 22 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014. Đây là quyền năng quan trọng của VKS nhằm bảo vệ quyền công dân, quyền con người theo Hiến pháp 2013 và đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế hiện nay.

Ngoài ra, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, hoàn thiện các quy định pháp luật tố tụng hình sự, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thêm một số quyền năng thuộc chức năng THQCT của VKS trong giai đoạn này như: Đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thực hiện; Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ trong trường hợp quyết định tạm đình chỉ giải quyết tin báo không có căn cứ; Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà Viện kiểm sát nhân dân đã yêu cầu nhưng không được khắc phục... Thực hiện tốt những quy định này ngay từ đầu sẽ góp phần quan trọng trong việc giảm thiểu oan, sai và chống bỏ lọt tội phạm trong tố tụng hình sự.

3.1.2 Quy định pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự

3.1.2.1. Ra quyết định khởi tố vụ án hình sự

Theo quy định tại Điều 104 BLTTHS năm 2003, VKS có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án trong những trường hợp: a) VKS hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra; b) Hội đồng xét xử yêu cầu khởi tố vụ án.

Điều 153, 154 BLTTHS năm 2015, khoản 1 Điều 14 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 đã có một số thay đổi quan trọng, bổ sung thêm

các trường hợp VKS quyết định khởi tố vụ án. Theo đó, ngoài 02 trường hợp nêu trên, VKS trực tiếp quyết định khởi tố vụ án trong các trường hợp: VKS trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; VKS trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, sau khi nhận được quyết định không khởi tố vụ án hoặc trong quá trình trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, VKS mà trực tiếp là các KSV phải nắm vững các yếu tố cấu thành tội phạm, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, tuổi chịu trách nhiệm hình sự, quy định tại Điều 157 BLTTHS về các trường hợp không được khởi tố vụ án hình sự, từ đó đối chiếu với nội dung vụ việc. Nếu thấy dấu hiệu tội phạm đã rõ, quyết định không khởi tố là không có căn cứ thì VKS ban hành văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy quyết định không khởi tố. Nếu cơ quan ra quyết định không khởi tố vụ án không nhất trí thì Viện trưởng VKS căn cứ khoản 2 Điều 154, khoản 3 Điều 153 BLTTHS năm 2015 ra quyết định hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án và ra quyết định khởi tố vụ án. Đây là nội dung rất quan trọng thuộc phạm vi THQCT của VKS trong giai đoạn khởi tố vụ án, thực hiện tốt hoạt động này là giải pháp cơ bản để hạn chế các trường hợp bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

3.1.2.2. Thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự

Theo quy định tại Điều 156 BLTTHS, khi xác định tội phạm đã khởi tố không đúng với hành vi phạm tội đã xảy ra hoặc còn có hành vi phạm tội khác, VKS ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án. Đây cũng là một trong những quyền năng thuộc phạm vi QCT của VKS, nhằm bảo đảm việc khởi tố vụ án hình sự có căn cứ và phù hợp với tình tiết khách quan trong vụ án.

3.1.2.3. Hủy quyết định khởi tố vụ án hình sự

Hủy quyết định khởi tố vụ án là hoạt động pháp lý thuộc chức năng THQCT của VKS nhằm hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ và trái pháp luật. Hủy quyết định khởi tố vụ án hình sự là nội dung quan

trọng thuộc phạm vi THQCT của VKS nhằm bảo đảm việc khởi tố vụ án hình sự phải có căn cứ và đúng pháp luật. Quyền hủy quyết định khởi tố vụ án hình sự của VKS được quy định tại Điều 109 BLTTHS năm 2003 và cơ bản được giữ nguyên tại điểm b, c khoản 1 Điều 161 BLTTHS năm 2015. Theo đó, khi thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự, VKS có quyền hủy bỏ quyết định khởi tố không có căn cứ và trái pháp luật.

Do đó, sau khi nhận được quyết định khởi tố vụ án, VKS phải nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ ban đầu để xác định quyết định khởi tố vụ án của các cơ quan trên là có căn cứ hay không. Nếu quyết định khởi tố có căn cứ thì VKS thông báo để CQĐT và các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án biết để tiếp tục tiến hành hoạt động điều tra, nếu xác định quyết định khởi tố rõ ràng là không có căn cứ và trái pháp luật thì ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án. Thực hiện tốt ngay từ đầu hoạt động này có ý nghĩa quan trọng trong việc hạn chế oan sai trong tố tụng hình sự.

3.1.2.4. Phê chuẩn, hủy bỏ quyết định khởi tố bị can, yêu cầu thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can hoặc trực tiếp ra các quyết định trên

THQCT của VKS đối với hoạt động khởi tố bị can được quy định tại Điều 126 BLTTHS năm 2003, theo đó, sau khi nhận được quyết định khởi tố bị can cùng hồ sơ, tài liệu kèm theo, VKS phải nghiên cứu, kiểm tra tài liệu chứng cứ để xác định quyết định khởi tố bị can đó có căn cứ hay không, nếu có thì phạm tội gì, theo điều khoản nào của BLHS. Ngoài ra còn phải xác định độ tuổi và tình trạng năng lực trách nhiệm hình sự của người bị khởi tố. Khi đã xác định chính xác quyết định khởi tố là có căn cứ thì VKS ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và chuyển cho CQĐT để tiến hành việc điều tra.

Đặc biệt, theo quy định tại Điều 179 BLTTHS năm 2015, trong quá trình nghiên cứu hồ sơ đề nghị phê chuẩn khởi tố bị can, VKS có quyền yêu cầu bổ sung chứng cứ. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được chứng cứ, tài

liệu bổ sung, VKS phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can.

Trường hợp xác định quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật thì theo quy định tại khoản 3 Điều 179 BLTTHS năm 2015, VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can.

Cũng theo quy định tại Điều 179 BLTTHS năm 2015, trong quá trình điều tra vụ án hình sự, khi phát hiện có người thực hiện hành vi phạm tội chưa bị khởi tố thì VKS yêu cầu khởi tố bị can. Nếu đã có yêu cầu mà CQĐT không thực hiện thì VKS căn cứ khoản 4 Điều 179 BLTTHS trực tiếp ra quyết định khởi tố bị can, không phải chờ đến khi kết thúc điều tra mới tiến hành khởi tố và trả hồ sơ cho CQĐT như BLTTHS 2003.

Về việc yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can: Trong quá trình điều tra vụ án hình sự, khi có căn cứ xác định hành vi của bị can không đúng với tội danh đã khởi tố hoặc bị can còn có hành vi phạm tội khác thì VKS yêu cầu thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can. Nếu CQĐT không thực hiện thì VKS sẽ trực tiếp ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can và gửi cho CQĐT để tiến hành điều tra.

Khi yêu cầu CQĐT thay đổi quyết định khởi tố bị can, VKS cần chú ý: trường hợp thay đổi quyết định khởi tố bị can thì phải ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự. Ví dụ: khi thay đổi quyết định khởi tố bị can từ tội lạm dụng tín nhiệm sang tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thì phải thay đổi quyết định khởi tố vụ án từ tội lạm dụng tín nhiệm sang tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

3.1.2.5. Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra; trực tiếp tiến hành điều tra khi cần thiết

Khoản 2 Điều 112 BLTTHS năm 2003, khoản 6 Điều 165 BLTTHS năm 2015 quy định, khi THQCT trong giai đoạn điều tra, VKS có nhiệm vụ và quyền hạn: “*Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan*

được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiến hành điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội”.

Như vậy, đề ra yêu cầu điều tra là nhiệm vụ và cũng là quyền hạn VKS khi THQCT trong tố tụng hình sự. KSV cần xác định việc đề ra yêu cầu điều tra là việc làm bắt buộc và có ý nghĩa quan trọng trong quá trình điều tra, xác định sự thật khách quan của vụ án. Việc đề ra yêu cầu điều tra có thể được thực hiện ngay từ khi kiểm sát khám nghiệm hiện trường, tử thi, ngay sau khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình điều tra. Yêu cầu điều tra có thể bằng lời nói hoặc bằng văn bản.

Bên cạnh việc đề ra yêu cầu điều tra, theo quy định tại Điều 131, 135, 137, 138 BLTTHS năm 2003; Điều 183, 186, 188, 189 BLTTHS năm 2015, khi cần thiết, VKS có thể tiến hành một số hoạt động điều tra như: Hỏi cung bị can, lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cho đối chất để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Hoạt động này của KSV có thể được thực hiện trong giai đoạn điều tra hoặc giai đoạn truy tố.

*3.1.2.6. Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn * Áp dụng biện pháp ngăn chặn*

Theo quy định tại các điều 80, 81, 87, 88, 93 BLTTHS năm 2003, biện pháp bắt khẩn cấp, các trường hợp gia hạn tạm giữ, bắt bị can để tạm giam, áp dụng biện pháp tạm giam, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo của CQĐT cùng cấp phải được VKS phê chuẩn. Cũng theo quy định tại các điều luật trên, Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS các cấp có quyền ra lệnh bắt bị can để tạm giam, quyết định áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo.

Các điều 113, 118, 119, 121, 122 của BLTTHS năm 2015 có một số quy định mới về nội dung, căn cứ cũng như thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn này. Tuy nhiên về tội hàm cũng như chức năng THQCT của VKS

đối với các biện pháp ngăn chặn cơ bản được giữ nguyên. Trong quá trình phê chuẩn hoặc trực tiếp ra quyết định áp dụng biện pháp bắt người, tạm giam... cần lưu ý, đây là những biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất trong các biện pháp ngăn chặn của tổ tụng hình sự. Người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bị cách ly với xã hội trong một thời gian nhất định, bị hạn chế một số quyền của công dân. Do đó, việc áp dụng phải đặc biệt thận trọng, xem xét toàn diện về nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết khác có liên quan. Đối với bị can là phụ nữ có thai hoặc đang thời kỳ nuôi con dưới 36 tháng, là người già yếu, người bị mắc bệnh nặng có nơi cư trú rõ ràng thì không tạm giam mà phải áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, trừ trường hợp: Bị can bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã; bị can được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng lại tiếp tục phạm tội hoặc cố ý gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra; bị can phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ cho rằng nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại cho an ninh quốc gia.

** Thay thế, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn*

Điều 94 BLTTHS năm 2003 và Điều 125 BLTTHS 2015 đều quy định: Đối với những biện pháp ngăn chặn do Viện kiểm sát phê chuẩn trong giai đoạn điều tra thì việc hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác phải do Viện kiểm sát quyết định. Trong quá trình điều tra, nếu thấy có căn cứ để thay đổi biện pháp tạm giam như: bị can có nơi cư trú rõ ràng, tích cực hợp tác điều tra, thành khẩn khai báo, tính chất, mức độ nguy hiểm không nghiêm trọng thì VKS trực tiếp ra quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn và chuyển cho CQĐT để thi hành. Đối với các biện pháp ngăn chặn khác, VKS chỉ ra quyết định thay đổi khi đã yêu cầu nhưng CQĐT không thực hiện.

Cũng theo quy định tại Điều 125 BLTTHS năm 2015, khi thấy việc áp dụng biện pháp ngăn chặn không có căn cứ, khi thấy không cần thiết hoặc khi vụ án bị đình chỉ điều tra thì VKS yêu cầu CQĐT ra quyết định hủy bỏ hoặc trực tiếp ra quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Cần lưu ý là đối với những

biện pháp ngăn chặn do VKS áp dụng hoặc phê chuẩn thì việc hủy bỏ phải do VKS quyết định.

Pháp luật quy định CQĐT có quyền ra các quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam hoặc áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác nhằm phục vụ cho việc điều tra, thu thập tài liệu chứng cứ, ngăn chặn người phạm tội tiếp tục phạm tội hoặc tiêu hủy chứng cứ. Nhưng đối với các biện pháp ngăn chặn trực tiếp làm hạn chế quyền tự do của công dân như bắt khẩn cấp, bắt tạm giam, gia hạn tạm giữ, tạm giam phải được VKS phê chuẩn. Nếu VKS thấy không có căn cứ hợp pháp và không phê chuẩn thì các biện pháp ngăn chặn đó bị hủy bỏ, người bị bắt, tạm giữ, tạm giam phải được trả tự do ngay. Những quy định trên nhằm nâng cao trách nhiệm của VKS trong việc bảo đảm quyền tự do của công dân, đồng thời bảo đảm cho VKS thực hiện tốt chức năng của mình.

3.1.3. Quy định pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố

Với tính chất là một giai đoạn độc lập của hoạt động tố tụng hình sự, giai đoạn truy tố có chức năng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do luật định để kiểm tra lại tính hợp pháp và có căn cứ của toàn bộ hoạt động tố tụng mà CQĐT và cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện để bảo đảm cho các quyết định của VKS được chính xác và khách quan góp phần truy cứu trách nhiệm hình sự đúng tội, đúng người và đúng pháp luật. Giai đoạn truy tố được bắt đầu từ khi kết thúc điều tra, VKS nhận được hồ sơ vụ án do CQĐT chuyển đến và kết thúc bằng việc VKS ra một trong ba loại quyết định sau: 1) Truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng; 2) Trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung; 3) Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án hình sự. Theo quy định pháp luật, hoạt động THQCT trong giai đoạn truy tố bao gồm những nội dung sau:

3.1.3.1. Hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, lời khai người bị hại, đối chất ...

Theo quy định tại các điều 131, 135, 137, 138 BLTTHS năm 2003; các điều 183, 186, 188, 189 BLTTHS năm 2015, khi cần thiết, VKS có thể tiến hành một số hoạt động điều tra như: Hỏi cung bị can, lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cho đối chất nhằm kiểm tra, xác minh và củng cố tài liệu, chứng cứ của vụ án. Thực tiễn cho thấy, VKS trực tiếp hỏi cung để củng cố, thẩm tra chứng cứ trước khi ban hành một trong ba loại quyết định nêu trên và trong những trường hợp sau:

+ Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; qua nghiên cứu, kiểm tra tài liệu, chứng cứ sau khi kết thúc điều tra thấy còn thiếu căn cứ để ra các quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền.

+ Khi có đề nghị của CQĐT hoặc qua kiểm sát việc hỏi cung bị can thấy có dấu hiệu oan, sai; khi những người tham gia tố tụng khiếu nại về việc điều tra không khách quan;

+ Có căn cứ để nghi ngờ về tính xác thực trong lời khai bị can, người bị hại, người làm chứng hoặc có sự mâu thuẫn giữa các lời khai đó, cần thiết phải đối chất (giữa các bị can, giữa bị can với bị hại, giữa các người làm chứng về cùng một tình tiết quan trọng của vụ án);

+ Sau khi kết thúc điều tra, thấy có mâu thuẫn giữa lời khai với thực tế khách quan, cần thiết phải thực nghiệm điều tra hoặc thực nghiệm điều tra lại đối với những hành vi, tình huống đơn giản mà qua thực nghiệm tại chỗ, có thể kết luận được để kiểm tra chứng cứ. (Trường hợp phức tạp thì phải trả hồ sơ cho CQĐT thực nghiệm điều tra và VKS phải kiểm sát hoạt động này của CQĐT).

Trên cơ sở kết quả hỏi cung, lấy lời khai, đối chất..., đối chiếu với kết quả điều tra, nội dung vụ án và quy định pháp luật, VKS quyết định truy tố bị can ra Tòa án để xét xử bằng bản cáo trạng, ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung hoặc ra quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án, bị can theo quy định pháp luật.

3.1.3.2. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung là biện pháp tố tụng do VKS thực hiện trong giai đoạn truy tố nhằm yêu cầu CQĐT tiếp tục việc điều tra, thu thập chứng cứ hoặc bổ sung thủ tục tố tụng nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, đúng pháp luật. Theo quy định tại Điều 168 BLTTHS năm 2003, Điều 245 BLTTHS năm 2015, Thông tư liên tịch số: 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27 tháng 08 năm 2010 Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Tòa án nhân dân tối cao "*Hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung*", sau khi kết thúc điều tra và nhận hồ sơ vụ án, trong giai đoạn truy tố, VKS trả hồ sơ điều tra bổ sung khi có một trong các căn cứ:

Còn thiếu chứng cứ để chứng minh một trong những vấn đề quy định tại Điều 85 của BLTTHS mà VKS không thể tự mình bổ sung được; Có căn cứ khởi tố bị can về một hay nhiều tội phạm khác; Có người đồng phạm hoặc người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can; Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Để không trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần, VKS phải nghiên cứu toàn diện hồ sơ vụ án nhằm phát hiện các trường hợp phải trả hồ sơ điều tra bổ sung và kịp thời ra quyết định, không được để hết thời hạn quyết định truy tố mới ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

3.1.3.3. Quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ vụ án đối với bị can

Quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ vụ án đối với bị can là văn bản pháp lý nhằm chấm dứt hoạt động tố tụng đối với toàn bộ vụ án hoặc với từng bị can khi có căn cứ pháp luật. Theo quy định tại Điều 169 BLTTHS năm 2003, Điều 248 BLTTHS năm 2015, VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ vụ án khi có một trong các căn cứ: 1) Không có sự việc phạm tội; 2) Hành vi không cấu thành tội phạm; 3) Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; 4) Người mà hành

vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; 5) Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; 6) Tội phạm đã được đại xá; 7) Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác; 8) Tội phạm thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố; 9) Người thực hiện hành vi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự.

Trong trường hợp vụ án chỉ có 01 bị can, VKS ra quyết định đình chỉ vụ án và đình chỉ bị can. Trường hợp vụ án có nhiều bị can, nhưng chỉ có một hoặc một số bị can đủ căn cứ đình chỉ thì VKS ra quyết định đình chỉ vụ án với từng bị can đó. Trường hợp vụ án có nhiều bị can mà tất cả các bị can đều đủ căn cứ đình chỉ thì VKS ra quyết định đình chỉ vụ án và đình chỉ vụ án đối với tất cả bị can.

Quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can chấm dứt toàn bộ hoạt động tố tụng (trong trường hợp đình chỉ vụ án) hoặc một phần hoạt động tố tụng (trong trường hợp đình chỉ vụ án đối với bị can). Quyết định đình chỉ cũng là căn cứ để minh oan cho người bị khởi tố (trong trường hợp đình chỉ do không có sự việc phạm tội, hành vi không cấu thành tội phạm...), hoặc để thể hiện chính sách nhân đạo của nhà nước ta (đình chỉ do miễn trách nhiệm hình sự). Vì vậy, VKS phải luôn thận trọng, khách quan, bảo đảm việc ra quyết định đúng căn cứ, đúng pháp luật.

3.1.3.4. Ban hành bản cáo trạng truy tố bị can

Theo quy định tại Điều 167 BLTTHS năm 2003, Điều 243 BLTTHS năm 2015, trong thời hạn luật định, khi có đủ căn cứ, VKS quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án bằng bản cáo trạng. Bản cáo trạng là hình thức pháp lý của quyết định truy tố, là văn bản mang tính quyền lực nhà nước với nội dung truy tố người phạm tội ra trước Tòa án để xét xử. Bản cáo trạng thể hiện quan điểm của VKS về vụ án hình sự trên cơ sở kết quả hoạt động điều tra, là văn bản pháp lý đặc trưng của VKS, chỉ VKS là chủ thể duy nhất có quyền truy tố người phạm tội ra trước Tòa án bằng bản cáo trạng. Bản cáo trạng là cơ sở

pháp lý để Tòa án xét xử, là căn cứ xác định giới hạn xét xử, các bị cáo thực hiện quyền bào chữa và KSV thực hiện quyền buộc tội tại phiên tòa. Về nội dung, bản cáo trạng phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 243 BLTTHS, theo đó, có bổ sung thêm một số nội dung để hoàn thiện hơn so với Điều 167 BLTTHS năm 2003. Về hình thức, bản cáo trạng phải tuân theo quy định của ngành, gồm có hai phần chính:

- Phần nội dung: trình bày bản chất, nội dung hành vi phạm tội, ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm xảy ra tội phạm; Thủ đoạn, mục đích, hậu quả của tội phạm và những tình tiết quan trọng khác; những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị can, những tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ; nhân thân của bị can và mọi tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.

- Phần kết luận ghi rõ tội danh và điều khoản BLHS cần áp dụng. Người lập bản cáo trạng phải ghi rõ ngày, tháng, năm lập cáo trạng, họ tên, chức vụ và ký vào bản cáo trạng. VKS có trách nhiệm giao cho mỗi bị can một bản cáo trạng trước khi chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án.

3.1.4. Quy định pháp luật về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử

3.1.4.1. Rút quyết định truy tố

Theo quy định tại Điều 181 BLTTHS năm 2003, Điều 285 BLTTHS năm 2015, trước khi mở phiên tòa, nếu xét thấy có căn cứ rút một phần hay toàn bộ quyết định truy tố thì KSV được phân công THQCT và kiểm sát xét xử vụ án phải báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện xem xét và quyết định. Việc rút quyết định truy tố phải bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp rút toàn bộ quyết định truy tố thì đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án.

Theo quy định tại Điều 195 BLTTHS năm 2003, Điều 319 BLTTHS năm 2015, tại phiên tòa, sau khi xét hỏi nếu có căn cứ rút một phần hay toàn bộ quyết định truy tố; có tình tiết mới theo hướng có lợi cho bị cáo làm thay

đòi quyết định truy tố thì KSV quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Sau phiên tòa KSV phải báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị.

3.1.4.2. Công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa

Theo quy định tại Điều 206 BLTTHS năm 2003, Điều 306 BLTTHS năm 2015, trước khi tiến hành xét hỏi, KSV đọc bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn và quyết định khác của VKS liên quan đến việc giải quyết vụ án và trình bày ý kiến bổ sung làm rõ thêm nội dung cáo trạng nếu có. Bản cáo trạng là văn bản pháp lý, tóm tắt toàn bộ diễn biến, hành vi phạm tội và kết quả điều tra, truy tố bị cáo ra trước Tòa án. Vì vậy, KSV trình bày bản cáo trạng phải rõ ràng, mạch lạc, thể hiện sự uy nghiêm. Quá trình trình bày ý kiến bổ sung cần lưu ý là Điều 306 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định: *"Ý kiến bổ sung không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo"*.

3.1.4.3. Tham gia xét hỏi

Theo quy định các điều 207, 209, 210, 211 BLTTHS năm 2003; Điều 307, 309, 310, 311 BLTTHS năm 2015, tại phiên tòa, KSV tham gia xét hỏi bị cáo, bị hại, nhân chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan... nhằm kiểm tra tính chính xác, khách quan của các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra. Việc tham gia xét hỏi là bắt buộc đối với KSV. Trước khi tham gia phiên tòa KSV phải dự thảo đề cương tham gia xét hỏi và những nội dung cần làm rõ, dự kiến các tình huống khác có thể phát sinh tại phiên tòa để tham gia xét hỏi nhằm xác định sự thật của vụ án và các tình tiết khác có liên quan đến việc giải quyết vụ án và đề nghị mức hình phạt. Trong quá trình xét hỏi cần chú ý làm rõ mâu thuẫn, việc đấu tranh, bác bỏ quan điểm của bên tranh tụng khác phải trên cơ sở lý lẽ và chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Trong quá trình tham gia phiên tòa, KSV theo dõi, ghi chép đầy đủ nội dung xét hỏi của Hội đồng xét xử, của người bào chữa và ý kiến trả lời của người được xét hỏi để hỏi đúng trọng tâm, hỏi đúng những vấn đề cần chứng minh và không trùng lặp.

Khi có người tham gia tố tụng xuất trình tài liệu mới tại phiên tòa, KSV cần kiểm tra và hỏi về nguồn gốc, nội dung tài liệu đó để có kết luận về tính hợp pháp và tính có căn cứ của tài liệu. Trường hợp chưa đủ điều kiện kết luận mà tài liệu mới đó có thể làm thay đổi nội dung, tính chất vụ án thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để xác minh.

3.1.4.4. Luận tội

Luận tội là lời phát biểu của KSV tại phiên tòa, thể hiện sự buộc tội chính thức, cuối cùng của VKS đối với bị cáo, là căn cứ để bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tiến hành tranh tụng, là một trong những căn cứ để Hội đồng xét xử ra bản án đúng luật định.

Theo quy định tại Điều 217 BLTTHS năm 2003, sau khi kết thúc phần xét hỏi, KSV trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo về toàn bộ hoặc một phần cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; nếu thấy không có căn cứ để kết tội thì rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không có tội. Khoản 2 Điều 321 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định về những nội dung cơ bản của luận tội, do đó, trong quá trình chuẩn bị luận tội, KSV cần nghiên cứu kỹ quy định tại Điều 321 BLTTHS năm 2015. Tại phiên tòa KSV phải ghi chép những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác để bổ sung vào bản dự thảo luận tội.

3.1.4.5. Tranh luận, đối đáp

Tranh luận, đối đáp của KSV tại phiên tòa được quy định cụ thể tại Điều 217, 218 BLTTHS năm 2003. Điều 322 BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định để làm rõ hơn trách nhiệm phải đối đáp với ý kiến của người tranh luận; bổ sung quy định chủ tọa phiên tòa phải yêu cầu KSV đáp lại những ý kiến chưa được tranh luận; Hội đồng xét xử phải nêu rõ lý do không chấp nhận ý kiến của những người tham gia phiên tòa.

Việc tranh luận tại phiên tòa là yêu cầu bắt buộc đối với KSV. Để tham gia tranh luận có chất lượng cao, KSV phải chuẩn bị và dự kiến được những vấn đề cần tranh luận mà người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác sẽ nêu ra tại phiên tòa. Trong quá trình tranh luận, KSV phải ghi lại những ý kiến tranh luận của các bên liên quan và có nghĩa vụ đáp lại từng ý kiến. Nếu vụ án có nhiều người bào chữa cho bị cáo, họ có cùng ý kiến về một nội dung bào chữa thì KSV tổng hợp đề đối đáp chung một lần cho các ý kiến đó. Kế hoạch tranh luận và những ý kiến tranh luận của KSV phải được ghi và lưu hồ sơ kiểm sát.

Khi tranh luận KSV phải bình tĩnh, khách quan và tôn trọng, lắng nghe ý kiến của những người tham gia tố tụng, đối đáp với từng ý kiến trên cơ sở chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và quy định pháp luật. Đối với vụ án phức tạp có hai KSV tham gia phiên tòa thì cần phân công cụ thể nhiệm vụ của từng người trong việc chuẩn bị nội dung, chứng cứ, lập luận để trả lời từng ý kiến có liên quan.

3.1.4.6. Kháng nghị bản án hoặc quyết định của Tòa án

Kháng nghị phúc thẩm hình sự là quyền năng pháp lý xuất phát từ chức năng THQCT trong lĩnh vực tố tụng hình sự của VKS và xuất phát từ nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự nước ta, đó là bảo đảm hai cấp xét xử. Tại Điều 336 BLTTHS quy định: *“Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án hoặc quyết định sơ thẩm”*.

Tiếp đó, các Điều từ 337 đến Điều 342 BLTTHS đã quy định về thời hạn, thủ tục kháng nghị phúc thẩm.

Pháp luật tố tụng hình sự quy định về kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm là kiểm tra lại tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm đồng thời xử lại vụ án về mặt nội dung. Kháng nghị phúc thẩm hình sự chính là hoạt động để thực hiện nguyên tắc *“Thực hiện chế độ hai cấp xét xử”*, bảo đảm vụ án hình sự có thể được xét xử lại một lần nữa ở cấp phúc thẩm; nhằm giải

quyết đúng đắn, kịp thời vụ án, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân.

Khi VKSND thực hiện chức năng THQCT trong giai đoạn xét xử, VKSND có quyền kháng nghị đối với bản án và quyết định của Tòa án vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hoặc sai phạm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật hình sự, dẫn đến oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, xã hội và mọi quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng thì VKS phải có trách nhiệm yêu cầu đưa vụ án lên Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại bằng quyền năng pháp lý do luật định, đó là kháng nghị phúc thẩm. Cần lưu ý là kháng nghị thuộc chức năng THQCT theo quy định tại Điều 18 luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 chỉ bao gồm các trường hợp phát hiện oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội. Đối với các trường hợp kháng nghị phúc thẩm khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng thuộc chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp. Việc phân định như trên có ý nghĩa về mặt lý luận, thống kê, báo cáo. Thực tiễn cho thấy, hầu hết các vụ án xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm đều có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và ngược lại, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Do đó, khi nghiên cứu hồ sơ và quyết định kháng nghị, VKS luôn xem xét toàn diện vụ án, bao gồm cả về mặt tố tụng và nội dung, không phân định kháng nghị đó thuộc chức năng THQCT hay kiểm sát hoạt động tư pháp.

Như vậy, THQCT trong tố tụng hình sự của VKSND là chức năng cơ bản của ngành, bao gồm rất nhiều hoạt động pháp lý khác nhau, để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội. Thực hiện tốt hoạt động THQCT trong tố tụng hình sự trong thực tiễn sẽ góp phần làm sáng tỏ bản chất, nội dung vụ án, bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3.2. Thực trạng thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp ở Nghệ An

3.2.1. Những ưu điểm

Để nâng cao chất lượng công tác THQCT trong tố tụng hình sự, Đảng, Nhà nước cũng như VKSND tối cao đã có nhiều văn bản chỉ đạo chung đối với toàn ngành Kiểm sát. Trên cơ sở đó, VKSND tỉnh Nghệ An đã có nhiều giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện. Trong những năm qua, hoạt động THQCT trong tố tụng hình sự của VKSND hai cấp ở Nghệ An đã có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng hoạt động công tố ngày càng nâng cao, việc khởi tố oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm đang từng bước được hạn chế. Những kết quả đạt được thể hiện qua các nội dung cụ thể sau:

3.2.1.1. Kết quả thực hành quyền công tố trong giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố

Viện kiểm sát thực hiện chức năng THQCT bắt đầu từ giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của cơ quan có thẩm quyền. Công tác THQCT trong giai đoạn này thể hiện trước hết ở việc phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định tố tụng liên quan đến việc hạn chế các quyền cơ bản của công dân như: phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ; hủy bỏ quyết định tạm giữ, các quyết định tố tụng khác trái pháp luật của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

Bắt khẩn cấp, tạm giữ hình sự là những biện pháp ngăn chặn do CQĐT áp dụng đối với người chưa bị khởi tố hoặc bị can, bị cáo bị truy nã nhằm ngăn chặn những hành vi nguy hiểm cho xã hội của họ, bảo đảm cho các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn liên quan đến quyền cơ bản của con người, quyền công dân ngày càng được quy định chặt chẽ cả về căn cứ, thẩm quyền và phạm vi. Đây là xu thế tất yếu

của quá trình mở rộng dân chủ, tôn trọng giá trị quyền con người, quyền công dân trong tổ tụng hình sự, góp phần thực hiện thành công công cuộc cải cách tư pháp. Vì vậy, việc xác định căn cứ cũng như quá trình thực hiện, áp dụng biện pháp ngăn chặn này phải luôn thận trọng, khách quan. Thống kê cho thấy, trong thời gian từ năm 2006 đến năm 2015, VKSND hai cấp ở Nghệ An đã hủy bỏ quyết định tạm giữ đối với 07 trường hợp, trên tổng số 26.049 người bị tạm giữ. Số lượng quyết định tạm giữ bị hủy bỏ tuy không lớn so với các tỉnh như: VKSND TP Hà Nội hủy bỏ quyết định tạm giữ đối với 488 trường hợp, VKSND TP Đà Nẵng hủy bỏ quyết định tạm giữ đối với 136 trường hợp VKSND tỉnh Thanh Hóa hủy bỏ quyết định tạm giữ đối với 15 trường hợp nhưng cao hơn mức trung bình của cả nước. Hoạt động THQCT của VKSND hai cấp ở Nghệ An trong lĩnh vực này thể hiện cụ thể qua bảng thống kê sau:

Bảng 3.1: Các trường hợp Viện kiểm sát không phê chuẩn bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ và hủy bỏ quyết định tạm giữ ở Nghệ An

Năm	Số người VKS không phê chuẩn bắt khẩn cấp	Số người VKS không phê chuẩn gia hạn tạm giữ	Số người VKS hủy bỏ quyết định tạm giữ	Tổng số người bị tạm giữ
2006	7	2	0	1.969
2007	0	0	0	2.042
2008	0	0	0	2.382
2009	2	0	0	2.437
2010	1	0	0	2.112
2011	1	0	1	2.784
2012	0	1	1	2.900
2013	0	0	4	2.966
2014	0	1	1	3.138
2015	1	8	0	3.319
Tổng số	12	12	7	26.049

(Nguồn: Phòng thống kê tội phạm - VKSND tỉnh Nghệ An)

Số liệu thống kê nêu trên cho thấy, trong 10 năm (từ 2006 đến 2015), đã có tới 26.049 người bị tạm giữ hình sự, trong số đó, VKS hai cấp đã phát hiện nhiều

trường hợp bắt, tạm giữ không có căn cứ, trái pháp luật hoặc không cần thiết, đã không phê chuẩn bắt khẩn cấp 12 trường hợp, không phê chuẩn gia hạn tạm giữ 12 trường hợp và trả tự do cho 07 trường hợp. Tổng số người bị bắt, tạm giữ hình sự hàng năm tập trung chủ yếu ở các nhà tạm giữ Công an cấp huyện, thuộc trách nhiệm kiểm sát của VKS cấp huyện. VKS hai cấp đã kiểm sát hàng ngày nhà tạm giữ theo quy định của ngành, trực tiếp gặp, hỏi người bị bắt, bị tạm giữ trong những trường hợp cần thiết trước khi quyết định phê chuẩn bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ... Như vậy, với khối lượng công việc lớn nhưng về cơ bản, VKS các cấp đã thực hiện tốt chức năng THQCT, phát hiện kịp thời các trường hợp tạm giữ không có căn cứ, trái pháp luật, góp phần giảm thiểu oan sai và chống bỏ lọt tội phạm trong tố tụng hình sự, chấn chỉnh ngay từ đầu sai phạm của cơ quan có thẩm quyền, bảo vệ quyền con người, quyền công dân đã được Hiến pháp quy định.

3.2.1.2. Kết quả thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Nhận thức được ý nghĩa của hoạt động khởi tố vụ án hình sự có vai trò quan trọng trong việc tạo lập căn cứ pháp lý cho các giai đoạn tố tụng tiếp theo cũng như hạn chế oan sai, chống bỏ lọt tội phạm, VKS các cấp luôn triển khai kiểm sát chặt chẽ hoạt động tố tụng của các cơ quan chức năng trong lĩnh vực này. Hoạt động THQCT được thực hiện trên cơ sở kết hợp với công tác kiểm sát tư pháp, bổ sung lẫn nhau, được thực hiện cho đến khi đã xác định rõ tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự.

** Hoạt động thực hành quyền công tố đối với quyết định khởi tố vụ án hình sự*

Sau khi nhận được quyết định khởi tố vụ án hình sự của CQĐT hoặc các cơ quan khác có thẩm quyền khởi tố vụ án, VKS tập trung nghiên cứu, xác định tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết định khởi tố vụ án, thẩm quyền của cơ quan tiến hành khởi tố vụ án... Trên cơ sở các tài liệu điều tra thu thập được, VKS sử dụng các quyền năng thuộc chức năng THQCT để bảo đảm việc

khởi tố vụ án có căn cứ và đúng pháp luật. Đối với những quyết định khởi tố không căn cứ, trái pháp luật, VKS kiên quyết ra quyết định hủy bỏ theo đúng quy định tại Điều 104 BLTTHS.

Để thực hiện tốt hoạt động THQCT, bảo đảm việc khởi tố vụ án có căn cứ, đúng luật định, VKS mà trực tiếp là các KSV đã nắm vững hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, cẩn thận trong việc đánh giá chứng cứ, hành vi, hậu quả, từ đó đối chiếu với quy định pháp luật mới có thể phát hiện ra sai sót trong hoạt động khởi tố vụ án. Trong hoạt động này, nếu không nắm vững những vấn đề lý luận về các giai đoạn thực hiện tội phạm, các yếu tố cấu thành tội phạm, những văn bản hướng dẫn liên quan, không đọc, nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, đánh giá toàn diện hệ thống chứng cứ thì VKS rất khó phát hiện sai sót nêu trên. Chính vì vậy, khả năng chuyên môn và ý thức nghề nghiệp là hai đòi hỏi khách quan, tất yếu đối với các KSV trong quá trình THQCT. Có nhiều địa phương đã thực hiện tốt hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố vụ án. Tiêu biểu như trong giai đoạn từ năm 2006 đến 2015, VKSND TP Vinh đã hủy 04 quyết định khởi tố vụ án hình sự của CQĐT, VKSND huyện Diễn Châu, huyện Kỳ Sơn đã hủy 01 quyết định khởi tố vụ án hình sự. Chất lượng và hiệu quả của hoạt động THQCT trên phạm vi toàn tỉnh thể hiện rõ nét qua bảng 3.2:

Bảng 3.2: Số vụ Viện kiểm sát hủy quyết định khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra ở Nghệ An

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng số
Số vụ VKS hủy quyết định khởi tố vụ án	1	0	1	0	0	5	1	2	1	1	12

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm - Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Từ số liệu thống kê cho thấy, hàng năm vẫn còn có trường hợp khởi tố chưa đúng căn cứ và trái pháp luật, một trong những dẫn chứng để chứng minh là số lượng các vụ án CQĐT khởi tố sau đó bị VKS ra quyết định hủy quyết định khởi tố vụ án. Kết quả thực tiễn đã chứng minh chất lượng công

tác THQCT trong giai đoạn khởi tố vụ án thực sự có chiều sâu và thực chất, là một trong những biện pháp quan trọng để hạn chế oan sai trong tố tụng hình sự. Đó là bước đột phá quan trọng, thể hiện sự kiên quyết, tinh thần trách nhiệm cao trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKS. Tuy nhiên, thực trạng đó cũng cho thấy những hạn chế nhất định của CQĐT trong việc khởi tố vụ án hình sự, khi hàng năm đều có số lượng nhất định các vụ án hình sự khởi tố không có căn cứ và trái pháp luật. Điều đó không những làm hao tổn tiền của, nhân lực của nhà nước trong các hoạt động tố tụng mà còn là xuất phát điểm của tình trạng oan sai, làm ảnh hưởng nhất định đến uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng và giảm sút niềm tin của nhân dân về tính hiệu quả và đúng đắn của các cơ quan thực thi pháp luật. Chính vì vậy, bảo đảm chất lượng hoạt động THQCT của VKS trong khởi tố vụ án chính là thiết lập một cơ chế mang tính giám sát nhà nước đối với giai đoạn đầu tiên trong tố tụng hình sự.

** Kết quả thực hành quyền công tố đối với các trường hợp khởi tố chậm hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự*

Kiểm sát chặt chẽ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của CQĐT và các cơ quan khác có thẩm quyền khởi tố vụ án là một trong những nhiệm vụ quan trọng của VKS và là một trong những biện pháp hữu hiệu nhằm chống bỏ lọt tội phạm. Chính vì vậy, VKS hai cấp ở Nghệ An luôn chú trọng đến lĩnh vực này, bảo đảm các quyết định không khởi tố vụ án được ban hành đúng căn cứ và hợp pháp. Đối với các trường hợp đã quá thời hạn giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, nếu dấu hiệu tội phạm đã rõ thì VKS kiên quyết yêu cầu khởi tố. Hoạt động yêu cầu khởi tố vụ án của VKSND ở Nghệ An được thực hiện dựa trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ ban đầu có trong hồ sơ vụ án, đối chiếu với các quy định pháp luật liên quan để xác định hành vi đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay chưa, nếu là tội phạm thì thuộc tội danh nào tại BLHS.

Trong trường hợp CQĐT và các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự ra quyết định không khởi tố vụ án, VKS phải cơ quan khác có thẩm quyền khởi tố vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật thì VKS có văn bản thể hiện

quan điểm đồng ý với kết quả giải quyết. Nếu thấy dấu hiệu tội phạm đã rõ thì VKS căn cứ Điều 109 BLTTHS, điểm 7 Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng, yêu cầu CQĐT hủy bỏ quyết định không khởi tố, nếu CQĐT không đồng ý thì VKS trực tiếp hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án và ra quyết định khởi tố vụ án. Thực hiện chức năng THQCT trong lĩnh vực này, VKS hai cấp đã thể hiện sự kiên quyết và tinh thần trách nhiệm cao, yêu cầu khởi tố với những vụ việc có dấu hiệu tội phạm nhưng CQĐT không khởi tố.

Để thực hiện tốt hoạt động này, VKS cần nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, đánh giá đúng mức độ, tính chất nguy hiểm, hậu quả của hành vi, đối chiếu với quy định pháp luật và các yếu tố cấu thành tội phạm. Khi thấy dấu hiệu tội phạm đã rõ mà CQĐT ra quyết định không khởi tố vụ án thì phải kiên quyết hủy bỏ, trực tiếp ra quyết định khởi tố nhằm chống bỏ lọt tội phạm vào bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật.

Việc nghiên cứu các tài liệu ban đầu để xác định hành vi có phải là tội phạm hay không trong nhiều trường hợp rất phức tạp, bởi thông thường trong giai đoạn ban đầu tài liệu chứng cứ chưa thật sự đầy đủ, việc phân định vi phạm hành chính, dân sự, kinh tế với hành vi tội phạm trong nhiều trường hợp rất khó khăn. Tuy nhiên, với tinh thần, trách nhiệm cao, VKSND hai cấp đã thực hiện có hiệu quả hoạt động THQCT đối với các trường hợp không khởi tố vụ án. Tính từ năm 2006 đến năm 2015, VKSND hai cấp trên toàn tỉnh Nghệ An đã yêu cầu khởi tố 188 vụ án hình sự, hủy quyết định không khởi tố vụ án và ra quyết định khởi tố đối với 08 vụ án. Thống kê trong giai đoạn 2011 đến 2015, VKSND hai cấp ở Nghệ An đã yêu cầu khởi tố 142 vụ, trực tiếp ra quyết định khởi tố 02 vụ án hình sự. Tất cả các trường hợp yêu cầu khởi tố hoặc VKS trực tiếp khởi tố nêu trên đều có căn cứ và đúng luật định. Số liệu cụ thể cũng như chất lượng hoạt động của VKSND hai cấp ở Nghệ An được phản ánh qua xem xét toàn diện hệ thống chứng cứ. Nếu thấy quyết định không khởi tố vụ

án của CQĐT và các bảng thống kê so sánh, đối chiếu với số liệu của toàn quốc và một số tỉnh có lượng án tương đương sau:

Bảng 3.3: Số vụ Viện kiểm sát yêu cầu khởi tố vụ án hình sự

Năm	Số vụ VKS yêu cầu khởi tố trên toàn quốc	Số vụ VKS Nghệ An yêu cầu khởi tố	Số vụ VKS Thanh Hóa yêu cầu khởi tố	Số vụ VKS Đà Nẵng yêu cầu khởi tố
2011	411	6	12	1
2012	433	43	12	1
2013	398	29	15	1
2014	495	29	13	0
2015	443	35	12	4
Tổng số	2.180	142	64	7

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm - Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Như vậy, số vụ án VKSND hai cấp ở Nghệ An yêu cầu khởi tố cao hơn một số tỉnh có lượng án tương đương như Thanh Hóa, Đà Nẵng vào cao hơn mức bình quân của cả nước, điều đó phản ánh chất lượng, chiều sâu của hoạt động THQCT ở Nghệ An. Số liệu thống kê cũng cho thấy, hàng năm đều có những trường hợp nhất định vụ việc tuy có dấu hiệu tội phạm nhưng CQĐT không xử lý, nghĩa là đã bỏ lọt tội phạm bằng hình thức không khởi tố. VKS được pháp luật quy định như là một thiết chế nhằm chế ước, giám sát, kiểm tra hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền khởi tố trong tố tụng hình sự. Hiệu quả của hoạt động này có ý nghĩa quan trọng, hạn chế bỏ lọt tội phạm và bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, bảo đảm pháp chế XHCN. Bởi vấn đề không phải là trừng trị thật nặng người thực hiện hành vi phạm tội, mà vấn đề quan trọng là có thiết chế để bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được phát hiện và xử lý trước pháp luật. Vì vậy, yêu cầu đối với VKS trong lĩnh vực này là phải tăng cường tính hiệu quả trong việc phát hiện các vụ việc có dấu hiệu tội phạm nhưng chưa được khởi tố để kịp thời yêu cầu giải quyết, sử dụng đúng, đầy đủ các quyền năng của luật định để hạn chế tối đa việc bỏ lọt tội phạm.

** Kết quả thực hành quyền công tố đối với hoạt động khởi tố bị can*

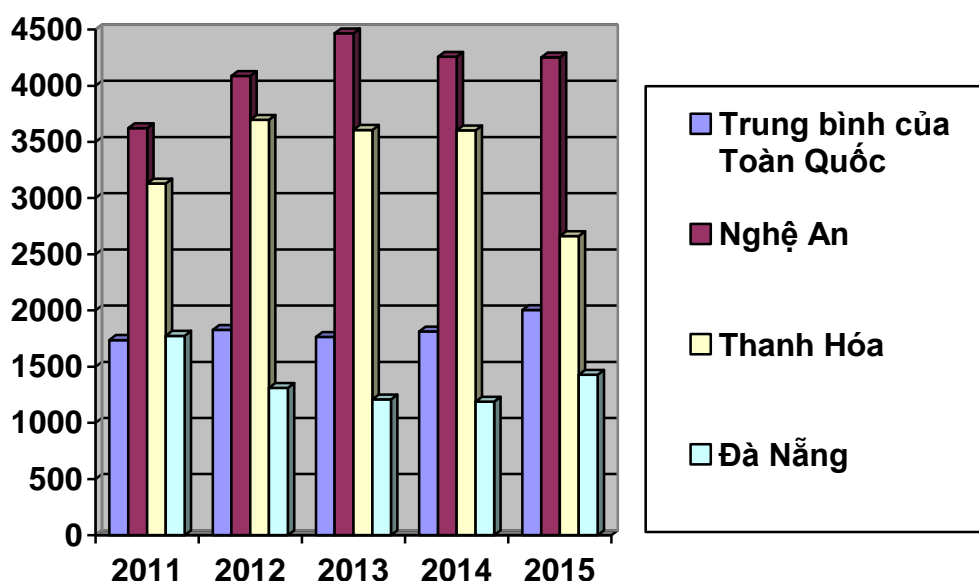
Trong những năm qua, VKSND hai cấp rất chú trọng đến công tác THQCT, kiểm sát khởi tố bị can, từ đó đưa ra các giải pháp thiết thực để nâng

cao chất lượng hoạt động kiểm sát trong lĩnh vực này. Những ưu điểm trong công tác THQCT của VKS thể hiện qua những nội dung sau:

- Theo quy định tại Điều 126 BLTTHS, quyết định khởi tố bị can phải được gửi đến VKS để xét phê chuẩn. Sau khi nghiên cứu quyết định khởi tố bị can cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, VKS sẽ quyết định phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố bị can. Nếu VKS quyết định phê chuẩn, quyết định khởi tố bị can sẽ phát sinh hiệu lực, ngược lại, nếu VKS hủy bỏ, quyết định khởi tố bị can đó sẽ không có hiệu lực. Hoạt động của VKS là khâu kiểm duyệt mang tính nhà nước cuối cùng trước khi quyết định khởi tố bị can - quyết định có ảnh hưởng quan trọng đến sinh mệnh chính trị, danh dự, uy tín và các quyền nhân thân của người bị khởi tố phát sinh hiệu lực. Hoạt động này có liên quan mật thiết đến trách nhiệm hạn chế oan sai, không bỏ lọt tội phạm của VKS. Nhận thức được vai trò quan trọng như trên, trong những năm qua, VKSND tỉnh thường xuyên quán triệt, chỉ đạo chung nhằm nâng cao trách nhiệm và hiệu quả của VKS trong THQCT, kiểm sát khởi tố bị can.

- Theo kết quả thống kê, số lượng bị can khởi tố hàng năm ở Nghệ An là khá lớn, trong 10 năm, từ 2006 đến 2015, cơ quan có thẩm quyền ở Nghệ An đã khởi tố 41.116 bị can; Trong đó, riêng trong giai đoạn 2011 đến 2015 (mốc so sánh với số liệu cả nước), cơ quan có thẩm quyền ở Nghệ An đã khởi tố 20.683 bị can. Để đánh giá đúng hiệu quả hoạt động THQCT cũng như khối lượng công việc của VKSND Nghệ An, chúng tôi so sánh số lượng bị can khởi tố hàng năm ở Nghệ An và một số tỉnh khác qua biểu đồ sau:

Biểu đồ 3.1: So sánh số bị can khởi tố hàng năm



Như vậy, mỗi năm có khoảng hơn 4.000 trường hợp khởi tố bị can ở Nghệ An, đó cũng là số lượng các trường hợp VKS phải nghiên cứu để quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can. Đây là khối lượng công việc lớn, đòi hỏi phải hoàn thành trong thời gian ngắn (VKS phải ra quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố và công văn đề nghị phê chuẩn cùng tài liệu liên quan). Trong khi đó, để xác định hành vi của một người cụ thể đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay chưa trong giai đoạn khởi tố bị can hoàn toàn không đơn giản. Vì trong giai đoạn ban đầu, các chứng cứ chứng minh chưa được thu thập và thể hiện một cách toàn diện, việc đánh giá chứng cứ trong nhiều trường hợp rất phức tạp. Với tính chất công việc phức tạp cũng như yêu cầu gấp gáp về thời gian như trên nhưng trong những năm qua, VKS đã hoàn thành tương đối tốt nhiệm vụ trong quá trình THQCT, kiểm sát khởi tố bị can. Hầu hết các trường hợp VKS ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can là có căn cứ và đúng pháp luật, số bị can VKS ra quyết định phê chuẩn khởi tố sau đó bị đình chỉ điều tra vì không phạm tội hoặc Tòa án tuyên vô tội có xu hướng ngày càng giảm và chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số bị can mới khởi tố. Bên

cạnh đó, VKS đã phát hiện nhiều trường hợp khởi tố khi chưa đầy đủ căn cứ hoặc khởi tố khi hành vi không cấu thành tội phạm, người thực hiện hành vi nguy hiểm thuộc trường hợp không phải chịu trách nhiệm hình sự... Trên cơ sở đó, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can.

Kết quả thực tiễn chứng tỏ, VKS có vai trò rất quan trọng trong quá trình khởi tố bị can, quá trình xét phê chuẩn hay hủy bỏ quyết định khởi tố bị can. Làm tốt khâu công tác này chính là một trong những biện pháp thiết thực để hạn chế oan sai, chống bỏ lọt tội phạm và tăng cường pháp chế XHCN trong tố tụng hình sự. Hiệu quả hoạt động của VKS trong lĩnh vực này thể hiện rõ qua bảng 3.4:

Bảng 3.4: Số người Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra tại Nghệ An

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng
Số người VKS hủy bỏ quyết định khởi tố bị can của CQĐT	9	0	0	2	4	1	6	1	1	0	24

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm - VKSND tối cao)

Qua công tác THQCT, kiểm sát khởi tố bị can cho thấy, số lượng trường hợp khởi tố không đủ căn cứ, khởi tố khi hành vi chưa cấu thành tội phạm... nếu tính trên tổng số bị can mới khởi tố hàng năm chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ, nhưng nếu xét trên khía cạnh hạn chế oan sai và bảo vệ các quyền cơ bản, hợp pháp của công dân thì lại có ý nghĩa rất lớn, bởi nó chứng tỏ nếu không có “cổng gác” cuối cùng - khâu xét phê chuẩn của VKS thì cũng có nghĩa là hàng năm sẽ có các trường hợp đã bị khởi tố, điều tra oan, sai. Điều đó cho thấy vai trò quan trọng của hoạt động THQCT, kiểm sát khởi tố bị can của VKS. Vì vậy, nâng cao chất lượng hoạt động THQCT, kiểm sát khởi tố bị can, kiên quyết không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can khi chưa đủ căn cứ luật định có ý nghĩa thiết thực trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân và sự nghiêm minh của pháp luật.

** Hoạt động ra yêu cầu khởi tố bị can của Viện kiểm sát*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 126 BLTTHS, khi có đủ căn cứ để xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội thì CQĐT ra quyết định khởi tố bị can. Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp, CQĐT đều ra quyết định khởi tố bị can. Trong thực tiễn, có những trường hợp mặc dù có đủ căn cứ để xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng vì nhiều lý do khách quan lẫn chủ quan khác nhau, CQĐT hoặc cơ quan có thẩm quyền khởi tố bị can vẫn không tiến hành khởi tố bị can. Khi xảy ra trường hợp này, theo quy định tại khoản 5 Điều 126 BLTTHS, VKS tiến hành yêu cầu CQĐT ra quyết định khởi tố bị can để đảm bảo không bỏ lọt tội phạm. Như vậy, yêu cầu khởi tố bị can là hoạt động thuộc nội dung THQCT của VKS trong tổ tụng hình sự, nhằm mục đích bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được phát hiện và xử lý theo luật định, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. So với mức bình quân chung của cả nước, số lượng các yêu cầu khởi tố bị can ở Nghệ An là khá lớn, thể hiện qua bảng thống kê 3.5:

Bảng 3.5: Số bị can Viện kiểm sát yêu cầu khởi tố

Năm	Số bị can VKS yêu cầu khởi tố trên toàn quốc	Số bị can VKS Nghệ An yêu cầu khởi tố	Số bị can VKS Thanh Hóa yêu cầu khởi tố	Số bị can VKS Đà Nẵng yêu cầu khởi tố
2011	564	7	21	2
2012	507	87	16	0
2013	458	82	24	1
2014	530	44	11	0
2015	440	5	13	5
Tổng số	2.499	225	85	8

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm - VKSND tối cao)

Như vậy, hàng năm đều xảy ra trường hợp khởi tố bị can chưa đủ căn cứ hoặc khởi tố sai, bên cạnh đó là các trường hợp bỏ lọt tội phạm, không khởi tố khi xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội và đầy đủ căn cứ để khởi tố. Xuất phát từ thực tiễn đó, VKS hai cấp đã thể hiện vai trò tích cực, nhằm loại trừ các trường hợp không khởi tố bị can không có căn cứ.

Kết quả của hoạt động này ở Nghệ An không những làm giảm thiểu các trường hợp bỏ lọt tội phạm mà còn có ý nghĩa rất quan trọng đến việc bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

** Hoạt động phê chuẩn, không phê chuẩn lệnh tạm giam, bắt tạm giam, hủy bỏ lệnh tạm giam hoặc yêu cầu bắt tạm giam bị can*

Áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp ngăn chặn, trong đó có biện pháp tạm giam là vấn đề quan trọng trong tố tụng hình sự, làm thế nào để bảo đảm bị can, bị cáo không bỏ trốn hoặc cản trở hoạt động điều tra, truy tố, xét xử nhưng cũng không lạm dụng biện pháp tạm giam, dùng tạm giam để thay cho hoạt động điều tra là vấn đề không đơn giản. Mặt khác, đây là biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất, ảnh hưởng trực tiếp tới quyền cơ bản của công dân, vì vậy hoạt động phê chuẩn, không phê chuẩn áp dụng biện pháp này luôn được VKS các cấp thận trọng khi quyết định. Trách nhiệm của VKS trong lĩnh vực này là rất lớn và nặng nề, kết quả thể hiện qua bảng thống kê sau:

Bảng 3.6: Số bị can bị tạm giam và các trường hợp Viện kiểm sát hai cấp ở Nghệ An không phê chuẩn lệnh tạm giam, bắt tạm giam

Năm	Số bị can VKS phê chuẩn tạm giam, bắt tạm giam	Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh tạm giam	Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam
2006	1.439	4	9
2007	1.475	3	6
2008	2.507	1	2
2009	1.531	2	0
2010	826	0	1
2011	670	0	0
2012	883	5	7
2013	706	0	2
2014	825	2	4
2015	2.152	1	1
Tổng	13.014	18	32

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm - VKSND tối cao)

Ngoài các trường hợp không phê chuẩn lệnh tạm giam, bắt tạm giam vì không đủ căn cứ hoặc không cần thiết nêu trên, hàng năm VKS cũng kiên quyết yêu cầu bắt tạm giam đối với những đối tượng nhân thân xấu, có nhiều tiền án tiền sự, có dấu hiệu cản trở điều tra, truy tố, xét xử theo đúng luật định, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, số liệu cụ thể thể hiện qua bảng thống kê sau:

Bảng 3.7: Số bị can Viện kiểm sát yêu cầu bắt tạm giam ở Nghệ An

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng số
Số bị can VKS yêu cầu bắt tạm giam	0	0	0	7	0	7

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm - VKSND tối cao)

Bên cạnh các hoạt động THQCT nêu trên, trong giai đoạn điều tra, VKS còn thực hiện rất nhiều hoạt động khác thuộc phạm vi chức năng THQCT như: đề ra yêu cầu điều tra, yêu cầu CQĐT truy nã bị can, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn các lệnh, quyết định của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, hủy bỏ quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can... Những hoạt động này góp phần đảm bảo cho việc điều tra vụ án được tiến hành khách quan, đúng luật định, bảo đảm các quyền cơ bản của công dân, bảo đảm tính hợp pháp của các tài liệu điều tra thu thập được, hạn chế việc bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

3.2.1.3. Kết quả thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố

Trong giai đoạn truy tố, VKS thực hiện hoạt động THQCT với nhiều quyền hạn tương tự như trong giai đoạn điều tra như: Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố hoặc khi Tòa án yêu cầu điều tra bổ sung mà xét thấy không cần phải trả hồ sơ cho CQĐT; Quyết định khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong trường hợp phát hiện vụ

án còn có hành vi phạm tội, người phạm tội khác chưa được khởi tố, điều tra; Quyết định việc tách, nhập vụ án, chuyển vụ án để truy tố theo thẩm quyền, áp dụng thủ tục rút gọn... Ngoài ra, VKS thực hiện một số hoạt động THQCT mang tính đặc thù trong giai đoạn này như:

** Hoạt động hỏi cung bị can, lấy lời khai người bị hại, nhân chứng, đối chất...*

Theo quy định tại các Điều từ 131 đến Điều 138 BLTTHS, VKS tiến hành hỏi cung bị can, lấy lời khai bị hại, nhân chứng ... khi thấy cần thiết nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ án được khách quan, đầy đủ. Theo quy định tại mục 5 Chỉ thị số 06/CT-VKSTC ngày 16/12/2013 của Viện trưởng VKSND tối cao về “Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra” thì: *"Đối với những trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, bị can không nhận tội, Kiểm sát viên phải trực tiếp hỏi cung tổng hợp làm rõ việc nhận tội hoặc không nhận tội của bị can"*.

Trong thời gian gần đây, đặc biệt là từ khi toàn ngành quán triệt thực hiện mạnh mẽ chủ trương cải cách tư pháp cũng như thực hiện Chỉ thị số 06/CT-VKSTC ngày 16/12/2013 của Viện trưởng VKSND tối cao về *"Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra"*, hoạt động phúc cung của VKS hai cấp ngày càng được tăng cường, việc phê chuẩn, hủy bỏ hoặc ban hành các quyết định tố tụng luôn bảo đảm thận trọng, khách quan, góp phần hạn chế các trường hợp oan, sai trong tố tụng hình sự. Hiện nay, tất cả các vụ án nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đều được VKS các cấp tiến hành phúc cung trước khi ban hành cáo trạng truy tố. Các vụ án bị can lúc chối tội, lúc nhận tội, các vụ án có khiếu nại về tính khách quan trong quá trình điều tra đều được VKS hai cấp tiến hành phúc cung nhằm thẩm tra lại chứng cứ, bảo đảm tính khách quan, chính xác của kết quả điều tra. Thông qua hoạt động phúc cung, VKS hai cấp đã phát hiện nhiều sai sót trong quá trình điều tra, yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục kịp thời.

** Ban hành bản cáo trạng truy tố bị can*

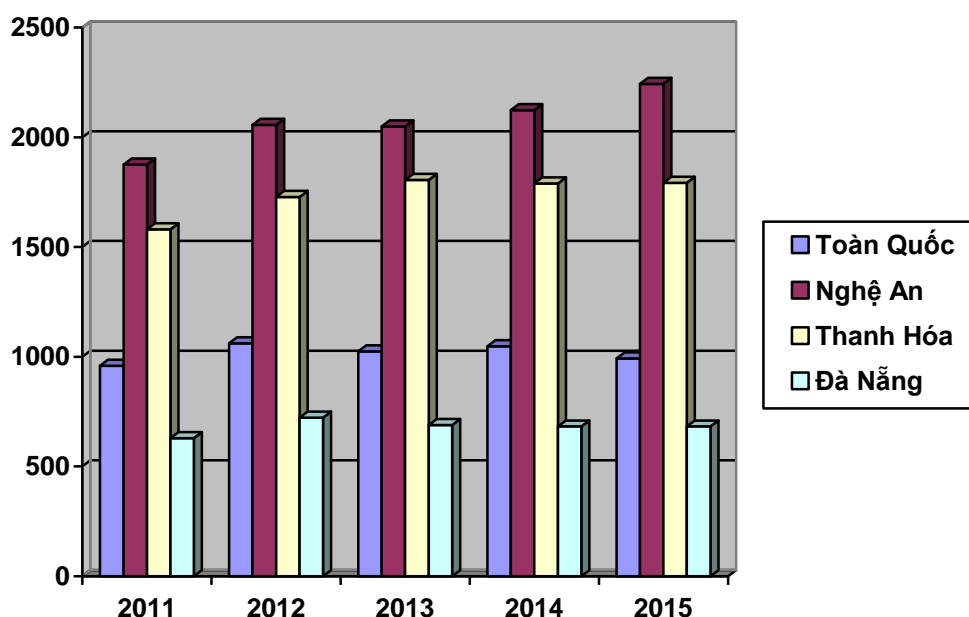
Theo quy định tại Điều 166, 167 BLTTHS năm 2003, sau khi nhận được hồ sơ vụ án và Bản kết luận điều tra, KSV tiến hành nghiên cứu hồ sơ, đánh giá chứng cứ. Khi thấy có đủ căn cứ để xác định hành vi của các bị can đủ yếu tố cấu thành tội đã khởi tố, điều tra, VKS ban hành cáo trạng, truy tố bị can ra trước Tòa án. Bản cáo trạng là quyết định pháp lý đặc thù, do VKS ban hành, có nội dung truy tố bị can ra trước Tòa án. Bản cáo trạng đạt chất lượng khi đáp ứng được các yêu cầu: Về nội dung, bản cáo trạng phải đảm bảo việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; về hình thức, bố cục bản cáo trạng phải đúng theo quy định của VKSND tối cao. Kết quả khảo sát thực tế cho thấy, nhìn chung, trong những năm qua, các bản cáo trạng do VKSND các cấp ban hành cơ bản đáp ứng được yêu cầu về mặt nội dung và hình thức, truy tố đúng người, đúng tội, đúng đúng điểm, khoản của điều luật, thể hiện rõ hành vi phạm tội của bị cáo, chứng cứ chứng minh tội phạm cũng như những vấn đề có liên quan đến việc giải quyết vụ án hình sự, được các cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá cao. Số lượng Bản cáo trạng VKS hai cấp ở Nghệ An ban hành hàng năm là khá lớn, tương ứng với số vụ VKS đã truy tố, thể hiện qua số liệu thống kê và biểu đồ so sánh sau:

Bảng 3.8: Số vụ, số bị can Viện kiểm sát truy tố

Năm	Số vụ/bị can VKS truy tố trên toàn quốc		Số vụ/bị can VKSND Nghệ An truy tố		Số vụ/bị can VKSND Thanh Hóa truy tố		Số vụ/bị can VKSND TP Đà Nẵng truy tố	
	Số vụ	Bị can	Số vụ	Bị can	Số vụ	Bị can	Số vụ	Bị can
2011	60.477	106.688	1.876	3.339	1.581	2.847	628	1.167
2012	66.870	120.253	2.057	3.997	1.728	3.475	722	1.304
2013	67.592	121.141	2.049	4.104	1.806	3.427	689	1.244
2014	66.044	119.038	2.124	4.090	1.790	3.464	682	1.175
2015	62.585	110.785	2.244	4.161	1.793	3.310	682	1.166
Tổng số	323.568	577.905	10.350	19.691	8.698	16.523	3.403	6.056

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm - Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Biểu đồ 3.2: So sánh số vụ án Viện kiểm sát hai cấp ở Nghệ An truy tố so với mức trung bình của cả nước và một số tỉnh điển hình



** Thực trạng đình chỉ vụ án, bị can*

Đình chỉ vụ án là chấm dứt mọi hoạt động tố tụng hình sự và trong một số trường hợp là bắt đầu cho những trách nhiệm pháp lý khác. Vì vậy, trước khi ra quyết định đình chỉ vụ án, VKS các cấp luôn xem xét kỹ, đầy đủ, toàn diện hệ thống chứng cứ có trong hồ sơ và căn cứ pháp luật. Trách nhiệm của VKS là phải bảo đảm các quyết định đình chỉ vụ án khách quan, thận trọng, có căn cứ, không bỏ lọt tội phạm, việc ra các quyết định phải kịp thời, thể hiện tính nghiêm minh nhưng đồng thời phải thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng. Trường hợp xác định có một trong các căn cứ quy định tại Điều 157 BLTTHS thì VKS phải ra quyết định đình chỉ vụ án. Trong mọi trường hợp quyết định đình chỉ vụ án phải nêu rõ, đầy đủ lý do và căn cứ đình chỉ theo quy định pháp luật. Sau khi ban hành quyết định đình chỉ vụ án, bị can, VKS hai cấp đều phân loại để xác định nguyên nhân đình chỉ vì lý do khách quan hay lỗi chủ quan để kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm cá nhân

có liên quan. Số liệu vụ án, bị can VKS hai cấp ở Nghệ An ra quyết định đình chỉ hàng năm phản ánh qua bảng thống kê sau:

Bảng 3.9: Số vụ, số bị can Viện kiểm sát hai cấp ở Nghệ An đình chỉ

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng số
Số vụ VKS đình chỉ	17	20	22	21	11	91
Số bị can VKS đình chỉ	30	37	32	33	22	154

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát của VKSND tỉnh Nghệ An các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015)

Như vậy, hàng năm số lượng vụ án/bị can VKS hai cấp ở Nghệ An ra quyết định đình chỉ là khá lớn. Tuy nhiên, với việc nghiên cứu căn cứ áp dụng, nghiên cứu hồ sơ vụ án toàn diện, đánh giá chứng cứ thận trọng, khách quan các trường hợp đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can của VKS các cấp đều bảo đảm có căn cứ, đúng pháp luật, không để xảy ra việc bỏ lọt tội phạm.

Ngoài các hoạt động đặc thù như trên, trong giai đoạn truy tố, VKS còn thực hiện nhiều hoạt động thuộc nội dung THQCT tương tự như trong giai đoạn điều tra như: thực nghiệm điều tra, tạm đình chỉ vụ án, bị can, hỏi cung bị can, đối chất, thực nghiệm hiện trường... nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ án khách quan, đúng pháp luật.

3.2.1.4. Kết quả thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử

Trong giai đoạn xét xử, VKS thực hiện hoạt động THQCT trước hết thông qua việc công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa, xét hỏi, luận tội, tranh luận, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa. Ưu điểm của hoạt động THQCT trong lĩnh vực ngày càng được nâng cao, cụ thể:

** Hoạt động xét hỏi của Kiểm sát viên tại phiên tòa ngày càng mang tính tích cực, chủ động*

Trong thời gian gần đây, việc xét hỏi của đa số KSV tại phiên tòa đã thể hiện được tính chủ động, tích cực, chất lượng xét hỏi ngày càng được cải thiện, được dư luận đồng tình đánh giá cao. Hoạt động chuẩn bị đề

cương thẩm vấn khá tốt, các câu hỏi nhìn chung được chuẩn bị công phu, đúng trọng tâm, dự kiến được những vấn đề phát sinh tại phiên tòa và tập trung vào nội dung cần chứng minh.

Nhận thức và ý thức của KSV về vai trò, ý nghĩa của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa cũng đã có thay đổi căn bản, đặc biệt là kể từ khi thực hiện Nghị quyết 08 ngày 02/01/2002 và Nghị Quyết 49 ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị đến nay. Để chủ động và nâng cao chất lượng xét hỏi, trước khi tham gia phiên tòa, phần lớn KSV đều chuẩn bị dự thảo đề cương xét hỏi, dự kiến những vấn đề cần xét hỏi để làm rõ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo cùng các tình tiết khác có liên quan, dự kiến các tình huống phát sinh tại phiên tòa để chủ động trong việc xét hỏi làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Tại phiên tòa, hầu hết KSV khi xét hỏi đã chú ý gắn kết giữa nội dung xét hỏi với nội dung bản dự thảo luận tội để chứng minh hành vi phạm tội và làm sáng tỏ các tình tiết khác của vụ án; chú ý theo dõi, ghi chép đầy đủ câu hỏi của người bào chữa và trả lời của bị cáo, người tham gia tố tụng khác, đối chiếu với bản dự thảo đề cương xét hỏi, xác định việc trả lời của bị cáo có phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được hay chưa, việc trả lời của người tham gia tố tụng khác có đầy đủ và rõ ràng không, có gì mâu thuẫn so với tài liệu đã có... Do chuẩn bị trước bản dự thảo đề cương xét hỏi và tại phiên tòa KSV chú ý theo dõi, ghi chép đầy đủ nội dung thẩm vấn nên phần lớn KSV đã chủ động, tự tin đặt ra câu hỏi phù hợp, hạn chế việc hỏi trùng lặp. KSV còn chú trọng làm rõ những tình tiết chứng minh tội phạm, xác định tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm như hành vi, thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo... Những câu hỏi KSV đặt ra về cơ bản là rõ ràng, ngắn gọn và có vai trò quan trọng trong việc chứng minh hành vi phạm tội, giải quyết vụ án. Thái độ của KSV bình tĩnh, không “đao to

búa lớn” hoặc gây căng thẳng khi xét hỏi, linh hoạt đưa ra những câu hỏi phù hợp với tình hình diễn biến phiên tòa.

** Chất lượng luận tội của Kiểm sát viên ngày càng được cải thiện*

Nếu như bản cáo trạng là văn bản pháp lý mô tả hành vi của bị cáo và khẳng định hành vi đó là tội phạm thì bản luận tội đóng vai trò là văn bản chứng minh tại sao hành vi của bị cáo được xem là tội phạm. Trong 5 năm qua, tương ứng với số lượng vụ án và bị cáo đã xét xử, KSV hai cấp ở Nghệ An đã viết dự thảo luận tội và trình bày tại phiên tòa khoảng 9.759 bản luận tội tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Thông qua luận tội tại phiên tòa, KSV thực hiện tốt việc chứng minh tội phạm cũng như tuyên truyền, giáo dục pháp luật, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật. Để nâng cao chất lượng luận tội, phần lớn KSV đã thực hiện đúng hướng dẫn tại Quy chế công tác THCT và kiểm sát xét xử sơ thẩm về viết dự thảo luận tội. Nội dung dự thảo luận tội cơ bản đã đạt được các yêu cầu sau:

- Phân tích, đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, vai trò, trách nhiệm và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để đề xuất áp dụng pháp luật và vận dụng chính sách phù hợp.

- Phân tích làm rõ tính chất, thủ đoạn phạm tội, lập luận bác bỏ những quan điểm không có căn cứ, không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và phản hồi những đề nghị, yêu cầu của bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác nêu ra trong phần xét hỏi.

- Xác định rõ nguyên nhân, điều kiện phạm tội, tuyên truyền giáo dục pháp luật, góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật; rút ra những bài học và kiến nghị các biện pháp phòng ngừa để khắc phục những thiếu sót, sơ hở trong công tác quản lý kinh tế - xã hội. Đề nghị áp dụng hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp, bồi thường thiệt hại (nếu có) đảm bảo chính xác theo điều khoản của BLHS.

Đối với những vụ án trọng điểm, phức tạp hoặc xét xử lưu động, bản dự thảo luận tội của KSV đều được lãnh đạo Viện, lãnh đạo Phòng duyệt trước khi tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa, KSV đã chú ý theo dõi ghi chép đầy đủ những chứng cứ, tài liệu được kiểm tra công khai cũng như câu hỏi và trả lời của bị cáo, của người tham gia tố tụng để kịp thời bổ sung vào dự thảo luận tội cho phù hợp.

Kỹ năng trình bày luận tội: Hầu hết các bản luận tội được KSV hai cấp chuẩn bị kỹ từ trước. Đa số KSV trình bày luận tội mạch lạc, rõ ràng, ngữ điệu phù hợp với nội dung, làm cho luận tội được sinh động và thuyết phục. KSV đã chú ý kết hợp phương pháp chứng minh, phân tích, đối chiếu, so sánh và kết luận khi giải quyết vấn đề. Việc xác định tội danh được bảo đảm chính xác, có căn cứ, đúng pháp luật.

Việc áp dụng đường lối xử lý đối với bị cáo phần lớn bảo đảm tính nghiêm minh, đúng pháp luật, chú ý xem xét đầy đủ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, nhân thân của bị cáo để đề nghị Tòa án áp dụng hình phạt. Đề nghị của KSV về tội danh, điều luật, hình phạt, các biện pháp tư pháp đối với bị cáo về cơ bản được chấp nhận.

** Chất lượng đối đáp, tranh luận tại phiên tòa của phần lớn Kiểm sát viên ngày càng cao*

Kết quả xét xử sơ thẩm hình sự trong những năm gần đây cho thấy, về cơ bản KSV đã hoàn thành tốt yêu cầu, nhiệm vụ đối đáp, tranh luận, làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án, bảo đảm cho việc giải quyết vụ án hình sự khách quan, dân chủ, đúng luật định. Đánh giá chất lượng tranh tụng của KSV trong năm 2013, tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa 13, trả lời chất vấn trước Quốc hội, Viện trưởng VKSND tối cao khẳng định: "*Chất lượng, hiệu quả tranh tụng của Kiểm sát viên tại tòa có nhiều chuyển biến tích cực. Trong năm, không có trường hợp Kiểm sát viên từ chối không tranh luận, đối đáp với luật sư, người bào chữa. Điều đó được cho là đã góp phần bảo đảm phán quyết của Tòa án*

khách quan, chính xác, đúng sự thật, không bỏ lọt tội phạm, hạn chế các trường hợp oan sai". Nhiều vụ án khó khăn, phức tạp trong đánh giá chứng cứ, nhưng KSV đã bảo vệ thành công quan điểm truy tố, giúp Tòa án đưa ra phán quyết đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nhờ nắm chắc hồ sơ, chứng cứ, đưa ra lập luận sắc bén, linh hoạt trong quá trình tranh tụng.

Ví dụ: Vụ án Xông Bá Tu, Xông Rua Cò bị truy tố, xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy với 10 bánh heroin có trọng lượng 3477,734 gam. Quá trình điều tra bị can Xông bá Tu, Xông Rua Cò đã khai nhận mua 10 bánh heroin tại Lào rồi mang sang Việt Nam bán cho Thò Lý và Tủa Lâu nhằm mục đích hưởng lợi. Lời khai của Tu và Cò phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Quá trình thẩm vấn công khai tại phiên Tòa bị cáo Xông Bá Tu, Xông Rua Cò khai chỉ vận chuyển 10 bánh heroin cho Tủa và Thò để lấy tiền công là 2000USD, bị cáo không mua bán, số tiền đặt cọc 3000USD cũng do Thò đưa để đặt cọc chứ bị cáo không có tiền. Do đó bị cáo chỉ phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đã đưa ra các căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo Xông Bá Tu, Xông Rua Cò:

Biên bản phạm pháp quả tang, các biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can, bản tự khai của các bị can xác định vào rạng sáng ngày 28/6/2014 Tu cùng anh trai Cò mang 10 bánh heroin sang Việt Nam để bán cho một người Việt nam tên là Thò. Sau khi trao đổi điện thoại với Thò trưa ngày 28/6/2014 hẹn nhau ở Cửa khẩu Thanh Thủy để giao dịch mua bán heroin. Khi hai bên thống nhất thì Tu vào rừng kiểm tra heroin còn Cò đi kiểm tra tiền, sau khi kiểm tra xong thì hai bên giao hàng và tiền. Tu và Thò Lý cầm hàng, Xông Rua Cò và Tủa Lâu cầm tiền, hai bên đi gặp nhau ở đâu thì giao hàng và tiền ở đó. Tại phiên tòa Tu thừa nhận ngày 26/6/2014 có rủ Cò đi thị trấn Lạc Xao để trao đổi việc bán ma túy, sau khi thỏa thuận sáng 27/6/2014 hai anh em đưa 10 bánh heroin về nhà sau đó sang Việt Nam để giao hàng và bảo Cò đi cùng Tủa Lâu đếm tiền.

Tài liệu tại cơ quan điều tra thể hiện, nguồn gốc số heroin do Cò và Tu sang thị trấn Lạc Xao, mua của một người đàn ông tự giới thiệu là Nỏ. Tại phiên tòa bị cáo Cò cũng khai đi đến Việt Nam thì Tu có điện thoại cho Thò đến giao hàng và giao tiền. Tu bảo Cò đi đếm lá (tiền) với Tủa, còn Tu và Thò ở lại xem hàng. Bị cáo Cò có thừa nhận đi gặp Tủa Lâu, Tủa Lâu có nói với bị cáo có 52.000USD. Sau khi nghe Tủa Lâu nói, Tủa Lâu bảo bị cáo gọi điện thoại báo cho Tu biết là đã có đủ tiền, nhưng bị cáo không biết gọi nên Tủa Lâu gọi Tu thông báo đã đủ tiền.

Trên cơ sở đó, Kiểm sát viên kết luận: Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b, điều 194 BLHS BLHS như nội dung cáo trạng đã truy tố là có căn cứ đúng pháp luật. Lời chối tội của các bị cáo chỉ nhằm trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật, không phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án.

Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã áp dụng điểm b, khoản 4 Điều 194, điểm p, khoản 1 Điều 46 BLHS xử phạt Xông Bá Tu tử hình. Áp dụng khoản 4 Điều 194, Điều 53 BLHS xử phạt Xông Rua Cò tù chung thân. (Nguồn: Hồ sơ Kiểm sát - VKSND tỉnh Nghệ An).

Để chủ động trong quá trình đối đáp tranh luận, phần lớn KSV được giao nhiệm vụ THQCT tại phiên tòa đã có sự chuẩn bị chu đáo và kỹ lưỡng. Trước hết, thông qua việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, KSV xem xét, đánh giá, tổng hợp các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và những nội dung khác có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Từ việc nghiên cứu, nắm vững hồ sơ, chứng cứ và các tình tiết vụ án, KSV chuẩn bị đề cương đối đáp tranh luận, trong đó dự kiến những vấn đề có thể bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa đưa ra ý kiến và chuẩn bị nội dung đối đáp, tranh luận phù hợp.

Tại phiên tòa, KSV đã tập trung chú ý theo dõi và ghi chép đầy đủ câu hỏi, ý kiến về những vấn đề mà người bào chữa, bị cáo, người có quyền lợi liên quan nêu ra. Hầu hết KSV đã biết tổng hợp các nhóm ý kiến tương tự nhau trong cùng một vấn đề để trả lời. Trong quá trình đối đáp, tranh luận, KSV đã biết viện dẫn chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa để chứng minh cho quan điểm của mình, phản bác quan điểm của bên đối lập. Vì vậy, việc đối đáp, tranh luận của hầu hết KSV tại phiên tòa sinh động, lập luận chặt chẽ và có tính thuyết phục.

** Hoạt động kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục phúc thẩm thể hiện sự kiên quyết, trách nhiệm*

Theo quy định tại Điều 232, 233 BLTTHS, Điều 18 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, khi có căn cứ xác định bản án sơ thẩm có dấu hiệu oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm, người phạm tội thì Viện kiểm sát thực hiện chức năng THQCT thông qua việc ban hành kháng nghị phúc thẩm. Tuy nhiên, trong thực tiễn công tác cho thấy, khi nghiên cứu hồ sơ để quyết định kháng nghị phúc thẩm, VKS không tách riêng nội dung kháng nghị thuộc chức năng THQCT và kháng nghị thuộc chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp mà luôn nghiên cứu toàn diện vụ án để xác định: bản án sơ thẩm có oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hay không. Trên cơ sở đó, VKS cùng cấp hoặc VKS cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị phúc thẩm hình sự. Về cơ bản, VKS hai cấp sử dụng hữu hiệu quyền năng kháng nghị, kiên quyết kháng nghị khi có căn cứ pháp luật, bảo đảm hoạt động xét xử của Tòa án công bằng, nghiêm minh. Kết quả cụ thể được thể hiện qua bảng thống kê sau:

Bảng 3.10: Số vụ, bị cáo Viện kiểm sát hai cấp ở Nghệ An kháng nghị và Tòa án chấp nhận

Năm	Số vụ VKS kháng nghị	Số bị cáo VKS kháng nghị	Số vụ Tòa án chấp nhận kháng nghị	Số bị cáo Tòa án chấp nhận kháng nghị
2006	9	15	2	4
2007	6	10	2	2
2008	6	12	3	3
2009	9	10	9	10
2010	10	16	9	15
2011	3	3	0	0
2012	0	0	0	0
2013	5	8	5	8
2014	10	19	6	14
2015	5	8	1	1
Tổng số	63	101	37	57

(Nguồn: Phòng thống kê tội phạm - VKSND tỉnh Nghệ An)

Như vậy, hàng năm số vụ/bị cáo VKS hai cấp ở Nghệ An kháng nghị và được Tòa án chấp nhận là khá lớn. Thực hiện tốt hoạt động kháng nghị phúc thẩm góp phần quan trọng trong việc thể hiện và bảo vệ quan điểm truy tố của VKS, đảm bảo việc giải quyết vụ án khách quan, chính xác, đúng luật định.

3.2.2. Những hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác THQCT trong tổ tụng hình sự của VKSND vẫn còn nhiều hạn chế, tồn tại, thể hiện qua các nội dung sau:

Thứ nhất, hiệu quả công tác THQCT trong giải quyết tin báo tố giác tội phạm chưa cao. Một số VKS địa phương còn chưa nhận thức đầy đủ vai trò, tầm quan trọng của công tác này, chưa quyết liệt chỉ đạo, chưa phân công cán bộ chuyên trách, có năng lực theo dõi, kiểm sát thường xuyên. Nhiều đơn vị kiểm sát chưa chủ động phối hợp với CQĐT và các ngành liên quan xây dựng quy chế phối hợp trong việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, chưa có biện pháp để nắm đầy đủ số tin báo mà CQĐT đã tiếp nhận, thụ lý giải quyết. KSV được giao nhiệm vụ còn thụ động, ngại va chạm. Một số địa phương “Do không nắm được đầy đủ kịp thời các tố giác, tin báo về tội

phạm xảy ra thuộc thẩm quyền kiểm sát của mình, nên nhiều trường hợp việc nắm thông tin về tình hình vi phạm, tội phạm chỉ để có số liệu phục vụ báo cáo định kỳ mà không có sự tác nghiệp đầy đủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát” [34]. Hoạt động THQCT trong giai đoạn này tuy đã đạt nhiều kết quả tích cực nhưng vẫn còn nhiều hạn chế nhất định, số lượng các trường hợp bắt khẩn cấp sau đó trả tự do vì không đủ căn cứ khởi tố, xử lý hình sự vẫn xảy ra nhiều; các trường hợp tạm giữ, gia hạn tạm giữ không có căn cứ vẫn còn là vấn đề nổi cộm. Trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2015, đã có tới 28 trường hợp tạm giữ hình sự sau đó trả tự do và không khởi tố [70]. Việc để xảy ra tình trạng tạm giữ hình sự sau đó trả tự do vì không đủ căn cứ xử lý hình sự, quá hạn tạm giữ... không chỉ ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân mà còn ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của pháp luật, xâm phạm pháp chế XHCN và giảm sút uy tín của cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có một phần trách nhiệm của VKS các cấp, đòi hỏi phải được khắc phục và chấn chỉnh nghiêm khắc.

***Thứ hai,** đối với các trường hợp không khởi tố vụ án hình sự, mặc dù VKS các cấp đã có nhiều cố gắng để hạn chế việc bỏ lọt tội phạm nhưng hiệu quả thực tiễn vẫn chưa được như mong muốn. Thực tiễn hoạt động điều tra phá án cho thấy, không phải mọi trường hợp, việc xác định tội phạm và người phạm tội đều dễ dàng. Có những trường hợp ngay từ đầu đã xác định được vụ việc có dấu hiệu tội phạm và CQĐT đã áp dụng các biện pháp nghiệp vụ cần thiết để tiến hành điều tra nhưng vẫn không chứng minh được đối tượng phạm tội. Trong khi đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 160 BLTTHS về tạm đình chỉ điều tra thì: “... Trong trường hợp chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu thì chỉ tạm đình chỉ điều tra khi đã hết thời hạn điều tra...”; điểm b khoản 2 Điều 164 BLTTHS cũng quy định căn cứ đình chỉ điều tra là “.... Đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm”. Thực tiễn đó dẫn đến CQĐT “ngại” khởi tố vụ án đối với những vụ việc xảy ra nhưng chưa xác định rõ đối tượng phạm tội, mặc dù vụ việc có dấu hiệu tội phạm để hạn chế các trường hợp tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án do không chứng*

minh được đối tượng phạm tội, ảnh hưởng đến thành tích và tỷ lệ giải quyết chung. Mặt khác, thực tiễn vẫn còn nhiều trường hợp “*tội phạm đã xảy ra trên thực tế, cán bộ hoặc cơ quan chức năng đã nắm bắt được vụ việc nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau mà vụ án không được thụ lý, xử lý hình sự*” [32, tr. 30]. Ngoài ra còn nhiều trường hợp “*tội phạm ẩn*”, nghĩa là vụ việc có dấu hiệu tội phạm “*đã xảy ra trên thực tiễn nhưng do nguyên nhân khách quan, cơ quan chức năng không phát hiện ra hành vi phạm tội - không có thông tin về vụ án*” [32, tr. 30]. Vì không nắm bắt được thông tin về tội phạm nên cơ quan chức năng không biết để quyết định khởi tố, và dĩ nhiên, những trường hợp này VKS cũng không thể biết để yêu cầu khởi tố. Do đó, ngoài các trường hợp VKS yêu cầu hoặc trực tiếp khởi tố như đã thống kê ở phần trên, thực tế còn nhiều trường hợp có dấu hiệu tội phạm, nhưng vì nhiều lý do khác nhau, cơ quan có thẩm quyền đã không khởi tố vụ án hoặc không biết để ra quyết định khởi tố vụ án. Vì vậy, nhiệm vụ của VKS là phải nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực này, mặt khác cần phải có những quy định pháp luật đủ “*manh*” để VKS có đủ quyền năng cần thiết trong việc nắm bắt đầy đủ thông tin vụ việc, trên cơ sở đó mới có thể thực hiện tốt nhiệm vụ “*không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội*” mà BLTTHS đã quy định.

Thứ ba, hoạt động thực hành quyền công tố đối với các trường hợp khởi tố bị can vẫn còn những hạn chế nhất định.

Bên cạnh những kết quả tích cực, hoạt động THQCT, kiểm sát khởi tố bị can của VKS trong những năm qua vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, thiếu sót. Việc nghiên cứu hồ sơ trong giai đoạn đầu có những lúc chưa chặt chẽ, dẫn đến phê chuẩn khởi tố chưa đủ căn cứ, trái pháp luật, dẫn đến oan, sai. Nhiều KSV chưa nhận thức đúng đắn vai trò của VKS trong việc bảo đảm cho việc khởi tố bị can đúng pháp luật, có căn cứ, còn có nhiều trường hợp chủ quan và ỷ lại vào quan điểm của CQĐT khi xét phê chuẩn khởi tố bị can, khởi tố oan, sai nhưng không phát hiện ra, dẫn đến phải đình chỉ điều tra do không phạm tội.

Việc nghiên cứu để quyết định phê chuẩn hay không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can đòi hỏi phải thận trọng, khách quan. Đặc biệt trong các vụ án liên quan đến trật tự quản lý kinh tế, chức vụ, quyền hạn... đòi hỏi phải nghiên cứu chi tiết, toàn diện hệ thống các văn bản pháp luật cũng như các chủ trương về chế độ chính sách liên quan của nhà nước mới có thể xác định rõ bản chất của vụ án, từ đó đưa ra quyết định chính xác về việc phê chuẩn hay không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can. Thực tiễn cho thấy, hàng năm vẫn còn có trường hợp khởi tố bị can oan sai, không có căn cứ, trái pháp luật, VKS trong quá trình nghiên cứu, xét phê chuẩn không phát hiện ra dẫn đến sau đó phải đình chỉ điều tra vì không phạm tội. Có thể dẫn chứng qua các bảng thống kê dưới đây:

Bảng 3.11: số bị can Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đình chỉ điều tra vì không phạm tội

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng số
Số bị can CQĐT đình chỉ điều tra vì không phạm tội trên toàn quốc	88	63	36	54	79	320
Số bị can CQĐT Nghệ An đình chỉ điều tra vì không phạm tội	0	1	1	0	0	2
Số bị can VKS đình chỉ điều tra vì không phạm tội trên toàn quốc	30	31	8	8	13	90
Số bị can VKS Nghệ An đình chỉ điều tra vì không phạm tội	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm - VKSND tối cao).

Những trường hợp phải đình chỉ điều tra do không phạm tội nêu trên ở Nghệ An mặc dù chỉ có trong giai đoạn điều tra, không có trong giai đoạn truy tố, nhưng xét đến cùng là do quá trình khởi tố ban đầu của CQĐT và quá trình xét phê chuẩn quyết định khởi tố của VKS còn có thiếu sót, sai lầm. Các trường hợp này chủ yếu là do sai sót trong việc đánh giá chứng cứ, hình sự hóa quan hệ dân sự, hành chính dẫn đến khởi tố sai. Cũng có những trường hợp khởi tố đối với người chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện hoặc khởi tố đối với hành vi đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, khởi tố đối với người thực hiện hành vi đã có

quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật... Những sai sót như trên của CQĐT không được VKS phát hiện kịp thời, dẫn đến hậu quả không những ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, uy tín và các quyền cơ bản của công dân mà còn làm suy giảm uy tín, niềm tin của nhân dân vào các cơ quan tiến hành tố tụng.

Thứ tư, hoạt động THQCT trong suốt giai đoạn điều tra vẫn còn nhiều hạn chế, thể hiện qua các trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung có thể do những nguyên nhân khách quan như: xuất hiện tình tiết mới; sau khi kết thúc điều tra bị can phản cung hoặc cung cấp chứng cứ mới về tội phạm, người đồng phạm khác; xuất hiện chứng cứ mới về tuổi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị can mà trước đó không thể biết được... Tuy nhiên, bên cạnh những nguyên nhân khách quan nêu trên, thực tế cho thấy tình trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung do lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn còn nhiều, trong đó có một phần lỗi của các KSV không bám sát hoạt động cũng như tiến độ điều tra, không kịp thời phát hiện thiếu sót, vi phạm để đề ra yêu cầu điều tra, yêu cầu CQĐT khắc phục, dẫn đến phải trả hồ sơ điều tra bổ sung, thậm chí có nhiều vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần. Số liệu án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung thể hiện qua bảng thống kê sau:

Bảng 3.12: Số vụ Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng số
Số vụ VKS trả hồ sơ để điều tra bổ sung trên toàn quốc	1.260	1.200	1.351	1.050	1.100	5.961
Số vụ VKS Nghệ An trả hồ sơ để điều tra bổ sung	8	18	23	32	30	111

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm - VKSND tối cao)

Khảo sát thực tiễn cho thấy, các vụ án trả hồ sơ điều tra bổ sung chủ yếu do ý thức, trách nhiệm của KSV chưa cao, chưa kiểm sát chặt chẽ ngay từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, chưa nghiên cứu kỹ các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra để phát hiện các vi phạm, thiếu sót, đề ra yêu

cầu điều tra. Đến khi vụ án đã kết thúc điều tra, thậm chí chuyển hồ sơ sang Toà án xét xử mới phát hiện chứng cứ thu thập không đầy đủ, để lọt đồng phạm, bỏ lọt hành vi phạm tội hoặc vi phạm thủ tục tố tụng. Phần lớn các vụ án trả hồ sơ điều tra bổ sung trách nhiệm thuộc về KSV. Số lượng án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung hàng năm là tương đối lớn, điều đó một phần phản ánh chất lượng công tác THQCT còn hạn chế, nhiều trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều lần, kéo dài việc giải quyết vụ án, làm mất thời gian và lãng phí, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị can, bị cáo, người bị hại....

Thứ năm, hoạt động THQCT tại phiên tòa vẫn còn nhiều hạn chế, một số trường hợp xây dựng bản dự thảo luận tội của KSV chưa đạt yêu cầu, chuẩn bị sơ sài, bố cục không hợp lý, nhận định và đề nghị không đầy đủ, thiếu chính xác. Kỹ năng trình bày bản luận tội của một số KSV còn lúng túng, chưa rõ ràng, ngữ điệu, khả năng hùng biện, diễn giải ý cần trình bày chưa trôi chảy, dẫn đến khó hiểu và không thuyết phục được người nghe. Có trường hợp không củng cố, bảo vệ quan điểm của VKS bằng căn cứ pháp luật cụ thể mà chỉ nhận định chung chung hoặc đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, đặc biệt là liên quan đến việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, xử lý vật chứng... Vẫn còn một số ít KSV tại phiên tòa phúc thẩm chưa nắm vững chủ thể và phạm vi đối đáp, tranh luận: xác định chủ thể không đúng hoặc tranh luận cả những vấn đề ngoài giới hạn của việc kháng cáo, kháng nghị (đối với trường hợp xét xử phúc thẩm), không tập trung đối đáp, tranh luận những nội dung trọng tâm mà sa đà vào các nội dung không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, dẫn đến việc phiên tòa phải kéo dài, lãng phí thời gian, công sức của cơ quan, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng.

Ví dụ: vụ án *Lô Văn Lay phạm tội “Cố ý gây thương tích”* (thụ lý xét xử năm 2011) người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt của bị cáo; tăng mức bồi thường (về khoản thu nhập bị mất của người bị hại trong thời gian điều trị và khoản bồi thường tổn thất tinh thần). Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại rút một phần kháng cáo về nội dung yêu cầu tăng mức

hình phạt. Tại phần tranh luận, sau khi KSV phát biểu quan điểm, người bị hại và Luật sư nêu ý kiến tranh luận là: Tiếp tục yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo, yêu cầu buộc bị cáo bồi thường thêm khoản chi phí điều trị (khoản này đã được cấp sơ thẩm giải quyết). Đáng lẽ, trong trường hợp này, KSV phải tranh luận lại là: tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại có bổ sung nội dung kháng cáo bồi thường thêm khoản chi phí điều trị, theo quy định, nội dung kháng cáo bổ sung này đã làm xấu hơn tình trạng của bị cáo; đối với yêu cầu tăng mức hình phạt, người bị hại đã rút nội dung kháng cáo này tại phiên tòa phúc thẩm và đã được chấp nhận, những nội dung tranh luận này không thuộc phạm vi, giới hạn của việc tranh luận nên không xem xét, chấp nhận. Tuy nhiên, KSV vẫn đối đáp, tranh luận những vấn đề mà người bị hại và Luật sư nêu ra, vi phạm giới hạn của việc đối đáp, tranh luận theo giới hạn kháng cáo (Nguồn: Hồ sơ Kiểm sát – VKSND tỉnh Nghệ An).

Trong quá trình tranh tụng, vẫn còn một số KSV không nắm vững tài liệu, chứng cứ của vụ án, không chuẩn bị chu đáo cho việc tranh tụng tại phiên tòa, tâm lý không tự tin dẫn đến hiệu quả hoạt động tranh tụng không cao, không thuyết phục. Còn có hiện tượng tranh luận qua loa, chiếu lệ, không đưa ra được đầy đủ những luận điểm thuyết phục để đối đáp với ý kiến của người bào chữa, người tham gia tố tụng khác, thậm chí có trường hợp còn ngại tranh luận. Từ đó, vẫn còn tình trạng KSV khi tranh luận với người bào chữa không phản bác được quan điểm phản biện của họ, không có sức thuyết phục và hệ quả là không bảo vệ được quan điểm giải quyết vụ án.

Mặt khác, khảo sát thực tiễn cho thấy vẫn còn nhiều trường hợp VKS các cấp ban hành kháng nghị phúc thẩm không có căn cứ do nhận thức không đúng quy định pháp luật, đánh giá sai về chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Số liệu thống kê từ năm 2006 đến năm 2015 cho thấy trong tổng số 101 bị cáo VKS hai cấp ở Nghệ An kháng nghị phúc thẩm, số lượng bị cáo được Tòa án xét xử và chấp nhận là 57 (Nguồn: Cục thống kê tội phạm- VKSND Tối cao; Phòng thống kê tội và công nghệ thông tin, VKSND tỉnh Nghệ An).

Như vậy, vẫn còn có 45 bị cáo VKS kháng nghị không được Tòa án chấp nhận. Thực tế đó phản ánh chất lượng kháng nghị phúc thẩm của VKS các cấp chưa cao, căn cứ để bảo vệ kháng nghị chưa thuyết phục.

3.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

Những tồn tại, hạn chế trong công tác THQCT của VKSND trong tổ tụng hình sự do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau. Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy có những nguyên nhân cơ bản sau:

3.2.3.1. Hạn chế về trình độ, nhận thức và ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, Kiểm sát viên.

Thời gian qua, phần lớn cán bộ, KSV VKSND hai cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã không ngừng nỗ lực học hỏi, rèn luyện, phấn đấu, vươn lên trong quá trình công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận cán bộ, KSV thiếu kinh nghiệm thực tiễn, lúng túng trong công tác, một số KSV do còn thiếu kinh nghiệm, kiến thức về quản lý kinh tế, xã hội và chủ quan không thực hiện đầy đủ quy trình nghiệp vụ nên không hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hiện nay, vẫn còn một bộ phận cán bộ, KSV còn yếu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Một số KSV còn yếu về kiến thức pháp luật, không cập nhật thường xuyên các văn bản hướng dẫn thi hành, khả năng nghiên cứu tổng hợp, viện dẫn nhiều văn bản quy phạm khác nhau còn hạn chế, chưa nắm vững các quy định pháp luật hình sự và tố tụng hình sự. Trong khi đó, có những vụ án ngoài việc nghiên cứu các quy định của BLHS, BLTTHS còn đòi hỏi phải nghiên cứu nhiều văn bản hướng dẫn, văn bản pháp quy của nhiều ngành, nhiều cấp có liên quan, với thời điểm phát sinh hiệu lực khác nhau. Nhiều trường hợp không xác định đúng bản chất đặc trưng của tội phạm, các yếu tố cấu thành tội phạm để đánh giá hành vi vi phạm pháp luật xảy ra có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay không, việc đánh giá chứng cứ còn phiến diện, nhiều KSV chỉ quan tâm đến chứng cứ buộc tội, không xem xét, đánh giá toàn diện, đầy đủ các tình tiết của

vụ án. Năng lực phân tích, tổng hợp các chứng cứ buộc tội, gỡ tội trong hồ sơ vụ án còn nhiều hạn chế. Nhiều KSV chưa nắm chắc quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng cũng như quy trình nghiệp vụ của ngành, thao tác nghiệp vụ nặng về thói quen, kinh nghiệm.

Mặt khác, ý thức và trách nhiệm của một số KSV được giao nhiệm vụ THQCT chưa cao. Một số KSV còn có tâm lý né tránh những vụ án có người bào chữa tham gia hoặc có bị cáo chối tội, kêu oan, những vụ án có tính chất phức tạp, nhiều quan điểm khác nhau... Vẫn còn KSV ngại khó, ngại va chạm, không sẵn sàng nhận nhiệm vụ, khi được phân công những vụ án khó thường có tâm lý không tự tin. Một số KSV ý thức, trách nhiệm đối với công việc được giao chưa cao, nghiên cứu hồ sơ vụ án không kỹ, không khách quan, toàn diện, không phát hiện được những mâu thuẫn của chứng cứ buộc tội và gỡ tội, không phát hiện được những vấn đề còn thiếu để yêu cầu điều tra bổ sung, thậm chí có vụ án KSV chỉ thiên về chứng cứ buộc tội, bỏ qua chứng cứ gỡ tội.

3.2.3.2. Hạn chế về công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Viện kiểm sát nhân dân các cấp

Vẫn còn nhiều trường hợp công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các đơn vị VKSND hai cấp trong việc kiểm tra KSV thực hiện thao tác nghiệp vụ chưa thường xuyên, sâu sát, chưa phát hiện được thiếu sót của KSV trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án để chấn chỉnh kịp thời. Chưa dành nhiều thời gian trực tiếp tham gia, theo dõi các phiên tòa hình sự để nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm nghiệp vụ với KSV. Mặt khác, trong công tác quản lý, chỉ đạo nghiệp vụ cũng chưa thường xuyên sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm... dẫn đến trên thực tế, các thiếu sót, hạn chế chậm được khắc phục sửa chữa.

Việc phân công, bố trí công việc giữa các KSV tại một số VKS địa phương vẫn chưa thực sự hợp lý, không phù hợp với sở trường và năng lực của từng người, dẫn đến không phát huy tối đa hiệu quả công tác. Nhiều trường hợp đóng khung KSV tại một khâu công tác quá lâu, làm giảm ý chí phấn đấu, dẫn đến tâm lý chủ quan, không chịu tìm hiểu, học hỏi để nâng cao

kỹ năng nghiệp vụ. Mặt khác, hiện nay việc quan tâm, phát hiện, bồi dưỡng những cán bộ có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo trong ngành Kiểm sát chưa thực sự toàn diện, sâu sát. Số lượng cán bộ lãnh đạo quản lý và dự nguồn quy hoạch được luân chuyển còn ít.

3.2.3.3. Hạn chế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Hệ thống đào tạo luật nói chung, đào tạo nghiệp vụ kiểm sát nói riêng còn nhiều bất cập. Chương trình của các trường luật cũng như của cơ sở đào tạo trong ngành Kiểm sát đến nay vẫn chưa có bộ môn về kỹ năng tranh tụng, kỹ năng xét hỏi, kỹ năng đối đáp và kỹ năng hùng biện.

Mặt khác, hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, KSV trong ngành vẫn còn những hạn chế nhất định. Các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ hiện nay chưa tập trung nâng cao trình độ đối với những hoạt động kiểm sát phức tạp và mang tính đặc thù như: kiểm sát khám nghiệm hiện trường, kiểm sát khám nghiệm phương tiện, kiểm sát khám nghiệm tử thi, phương tiện giao thông, xác định cấu thành tội phạm đối với một số trường hợp đồng phạm phức tạp... Những lý do trên cũng ảnh hưởng nhất định đến năng lực nghiệp vụ và kỹ năng THQCT của KSV.

3.2.3.4. Bất cập về chế độ đãi ngộ và đầu tư cơ sở vật chất đối với ngành Kiểm sát

Kiểm sát viên là công chức làm việc trong lĩnh vực đặc thù: áp lực công việc cao, mỗi quyết định có khả năng ảnh hưởng đến sinh mạng, danh dự, uy tín của con người (liên quan trực tiếp đến các quyền cơ bản của con người được Hiến pháp ghi nhận và bảo vệ như: quyền bất khả xâm phạm về thân thể, đời tư, quyền tự do đi lại, cư trú, các quyền về tài sản...), vì vậy đòi hỏi có sự công tâm, minh bạch, sáng suốt và khách quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Theo quy định pháp luật hiện hành, trách nhiệm của KSV trong hoạt động tố tụng hình sự rất nặng nề. VKS là cơ quan giám sát toàn bộ hoạt động khởi tố, điều tra, xét xử và là cơ quan duy nhất chịu trách nhiệm truy tố và buộc tội bị cáo tại phiên tòa. Tuy nhiên, chế độ tiền lương, phụ cấp, đãi

ngộ lại hoàn toàn không tương xứng, mức lương chưa có sự khác biệt căn bản với các đơn vị hành chính khác, không tính đến đặc thù nghề nghiệp cũng như trách nhiệm mà đội ngũ cán bộ, KSV đang gánh vác. Thực tiễn đó dẫn đến việc một bộ phận cán bộ KSV có năng lực không yên tâm gắn bó lâu dài với Ngành, nhiều KSV chưa thực sự chuyên tâm học hỏi, nâng cao năng lực nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, điều kiện vật chất, phương tiện làm việc của VKSND các cấp còn rất khó khăn. Nhiều trụ sở làm việc đặc biệt là trụ sở làm việc của VKSND cấp huyện còn chật hẹp, phương tiện phục vụ công tác và công nghệ thông tin liên lạc thiếu thốn, không đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay. KSV thường gặp nhiều khó khăn khi tác nghiệp những vụ án đòi hỏi ứng dụng công nghệ, kỹ thuật trong quá trình điều tra như: chụp ảnh, thu thập dấu vết máu, dấu vết sinh học... Trang thiết bị hiện tại không tương xứng với tốc độ phát triển công nghệ thông tin của đất nước, do đó, các KSV hầu hết rất bỡ ngỡ trước việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động công tác. Đặc biệt, với sự phát triển đa dạng của đời sống kinh tế, xã hội hiện nay, tội phạm công nghệ cao đang diễn biến hết sức phức tạp thì việc KSV không được tiếp xúc và không sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, công nghệ hiện đại sẽ là hạn chế rất lớn đến quá trình tác nghiệp nói chung và hoạt động tranh tụng tại phiên tòa nói riêng, nhất là trong việc cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành BLHS và BLTTHS cũng như các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3.2.3.5. Vương mắc về quy định pháp luật

** Một số quy định tại Bộ luật hình sự có nhiều bất cập dẫn đến quá thực tiễn áp dụng pháp luật không thống nhất và sai sót.*

- BLHS năm 1999 quy định về dấu hiệu của một số cấu thành tội phạm chưa phù hợp và khó chứng minh trên thực tế, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, ví dụ như: dùng "*thủ đoạn gian dối*", "*bỏ trốn*" hoặc sử dụng vào "*mục đích bất hợp pháp*" là dấu hiệu cấu thành tội lạm dụng tín

nhiệm chiếm đoạt tài sản hay việc chứng minh giá trị tài sản trong các tội phạm về đánh bạc hoặc gá bạc... dẫn đến nhiều trường hợp không chứng minh được nên không thể xử lý được hành vi phạm tội, một số trường hợp do cách hiểu, nhận thức không thống nhất nên dẫn đến oan sai. Những hạn chế này vẫn chưa được sửa đổi trong BLHS năm 2015.

- Một số tội danh trong BLHS năm 1999 không mô tả rõ ràng dấu hiệu của hành vi khách quan gây khó khăn cho việc xác định tội danh như: hành vi khách quan của “Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát” (Điều 101), “Tội cố ý gây tổn hại sức khỏe của người khác” (Điều 104), “Tội cướp giết tài sản” (Điều 136), “Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản” (Điều 137), “Tội trộm cắp tài sản” (Điều 138)... Những hạn chế này vẫn chưa được sửa đổi trong BLHS năm 2015.

- Bên cạnh đó, việc không mô tả hình thức lỗi trong nhiều tội danh làm cho quá trình vận dụng, áp dụng pháp luật không thống nhất. BLHS có 269 điều luật quy định về các tội danh cụ thể nhưng chỉ có một số điều (98, 104, 105, 106, 108, 109, 117, 118, 143, 145, 165, 169, 171, 286, 287, 327, 328, 335) mô tả dấu hiệu lỗi là cố ý hoặc vô ý và 06 điều luật thể hiện dấu hiệu lỗi là cố ý trực tiếp (293, 294, 295, 296, 307, 314). Các điều luật còn lại hầu hết không mô tả dấu hiệu lỗi nên nhận thức và vận dụng chưa thống nhất. BLHS năm 2015 đã có một số sửa đổi, bổ sung quan trọng, nhưng vẫn còn nhiều điều luật trong tên tội danh và cấu thành cơ bản không thể hiện rõ hình thức lỗi, chẳng hạn Điều 240 “Tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người” quy định không rõ ràng về lỗi nên có thể hiểu là cố ý làm lây lan dịch bệnh (lỗi cố ý) và cũng có thể hiểu là vô ý làm lây lan dịch bệnh (lỗi vô ý). Các điều Điều 241 “Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật”, Điều 249 “Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản”... cũng có sai sót tương tự.

- Một số điều luật của BLHS 1999 không quy định rõ để phân biệt hành vi phạm tội của những tội danh có dấu hiệu cấu thành tội phạm gần giống nhau, do đó thực tiễn áp dụng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Ví dụ như:

hành vi buôn lậu (Điều 153) và hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới (Điều 154); Hành vi lừa dối khách hàng (Điều 162), hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139) với các tội có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn gian dối khác; hành vi xâm phạm nhãn hiệu xảy ra trong kinh doanh hàng giả thường tại các Điều 156, 157 và 158 và Điều 171 về tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp... Những hạn chế này vẫn chưa được sửa đổi trong BLHS năm 2015.

- Điều 23 BLHS năm 1999 về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, trong đó khoản 2 và khoản 3 điều luật quy định:

"2. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định như sau:

- a) Năm năm đối với các tội phạm ít nghiêm trọng;*
- b) Mười năm đối với các tội phạm nghiêm trọng;*
- c) Mười lăm năm đối với các tội phạm rất nghiêm trọng;*
- d) Hai mươi năm đối với các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.*

3. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày tội phạm được thực hiện. Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này người phạm tội lại phạm tội mới mà Bộ luật quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy trên một năm tù, thì thời gian đã qua không được tính và thời hiệu đối với tội cũ được tính lại kể từ ngày phạm tội mới.

Nếu trong thời hạn nói trên, người phạm tội cố tình trốn tránh và đã có lệnh truy nã, thì thời gian trốn tránh không được tính và thời hiệu tính lại kể từ khi người đó ra tự thú hoặc bị bắt giữ".

Như vậy, điều luật quy định mốc thời điểm bắt đầu để tính thời hiệu là khi xảy ra tội phạm, nhưng lại không quy định mốc kết thúc khi nào: khi khởi tố vụ án, khi khởi tố bị can hay khi xét xử; thời gian tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can có được tính vào thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hay không; thời hạn kéo dài vụ án do trả hồ sơ, do hủy án nhiều lần có được tính vào thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hay không... dẫn đến cách hiểu và áp dụng pháp luật không thống nhất giữa cơ quan tiến hành tố tụng. Thực tế là có một

số vụ án phải trả hồ sơ nhiều lần hoặc hủy án do quan điểm giữa các ngành, các cấp tiến hành tố tụng khác nhau liên quan đến việc áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặc dù đã có nhiều ý kiến đề nghị sửa đổi nhưng những vướng mắc trên vẫn chưa được BLHS năm 2015 cũng như Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 điều chỉnh.

** Vướng mắc trong việc áp dụng các tình tiết có lợi cho bị can, bị cáo, người bị kết án trong khi BLHS năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015 chưa có hiệu lực*

Khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 quy định: "*3. Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành*".

Tiếp đó, ngày 13 tháng 9 năm 2016, Tòa án nhân dân tối cao ban hành công văn số: 276/TANDTC về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015 [56], trong đó liệt kê danh mục các tình tiết có lợi được áp dụng đối với người phạm tội. Tuy nhiên, quá trình áp dụng, chúng tôi thấy vẫn còn nhiều vướng mắc, cụ thể như:

- Việc áp dụng đúng tinh thần có lợi đối với người phạm tội trong nhiều trường hợp không thống nhất về nhận thức, do đó dẫn đến cách hiểu khác nhau.

- Công văn 276/TANDTC ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao chưa liệt kê đầy đủ các tình tiết có lợi đối với người phạm tội. Còn có nhiều tình tiết có lợi đối với người phạm tội chưa được đưa vào văn bản hướng dẫn này như:

+ Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi theo quy định tại BLHS năm 1999, họ phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm thuộc trường hợp rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, tại Điều 12

BLHS năm 2015 quy định, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội thuộc danh mục quy định tại điều luật.

+ Theo quy định tại BLHS năm 1999, Người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện. Tuy nhiên, tại Điều 14 BLHS năm 2015 quy định, người chuẩn bị phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội thuộc danh mục quy định tại điều luật.

Các trường hợp nêu trên đều không thuộc danh mục các tội quy định tại Công văn số 267/TANDTC ngày ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao.

- Điều 190, 191 BLHS năm 2015 quy định về "Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm", "Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm" chỉ quy định số tiền thu lợi bất chính hoặc trị giá hàng hóa làm yếu tố cấu thành tội phạm, nhưng lại không quy định trọng lượng làm yếu tố cấu thành tội phạm; quy định đối với mặt hàng pháo thì hàng cấm được xác định là "pháo nổ". Tuy nhiên, BLHS hiện hành (BLHS năm 1999) lại quy định trọng lượng là yếu tố cấu thành tội phạm. Theo Thông tư liên tịch số: 06/2008/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 25 tháng 12 năm 2008 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao thì ngoài pháo nổ, hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép các loại pháo khác cũng được xử lý như đối với các hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép pháo nổ. Tuy nhiên BLHS năm 2015 chỉ quy định đối tượng điều chỉnh là pháo nổ. Vậy, việc BLHS năm 2015 không quy định trọng lượng hàng cấm mà chỉ tính giá trị và số tiền thu lợi bất chính có được coi là tình tiết có lợi cho bị can, bị cáo hay không; Sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ pháo hoa, pháo hoa gây nổ có phạm vào nhóm tội liên quan đến hàng cấm hay không?... Hiện nay vẫn chưa có căn cứ pháp luật để xác định thống nhất những nội dung nêu trên. Tính đến nay, liên ngành tổ tụng tỉnh Nghệ An đang phải tạm đình chỉ 23 vụ/35 bị can có hành vi liên quan đến hành vi buôn bán, vận chuyển, tàng trữ pháo các loại nhưng chưa thể xét xử được do

thay đổi trong BLHS năm 2015 cũng như khác biệt về nhận thức trong áp dụng tình tiết có lợi cho bị can, bị cáo (Số liệu thống kê của Phòng Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An).

Kết luận Chương 3

Trên cơ sở số liệu thống kê, báo cáo của ngành giai đoạn từ năm 2006 đến 2015 cũng như kết quả khảo sát thực tiễn, Chương 3 của luận án đã tìm hiểu, đánh giá thực trạng hoạt động THQCT trong tổ tụng hình sự của VKSND hai cấp ở Nghệ An. Từ kết quả nghiên cứu, có thể rút ra một số kết luận sau:

Trong những năm vừa qua, hoạt động THQCT trong tổ tụng hình sự của VKSND hai cấp ở Nghệ An đã có những chuyển biến mạnh mẽ và đạt được nhiều kết quả tích cực. Trong phạm vi chức năng của mình, VKS hai cấp đã chú trọng đề cao tính hiệu quả, thận trọng, chính xác trong việc xác định tính có căn cứ và tính hợp pháp trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn; trong quá trình đánh giá tính hợp pháp của quyết định khởi tố vụ án; nghiên cứu, phê chuẩn khởi tố bị can; sử dụng các quyền năng luật định để hạn chế các trường hợp bắt, giữ, giam người không có căn cứ, bỏ lọt tội phạm hoặc khởi tố oan sai; phát hiện kịp thời các sai phạm, ngăn chặn sự lạm quyền của các cơ quan chức năng trong quá trình bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố vụ án, khởi tố bị can xuyên suốt trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Kết quả đạt được là nhiều trường hợp bắt, tạm giữ không có căn cứ đã được VKS phát hiện và ra quyết định trả tự do, không phê chuẩn tạm giam, khởi tố bị can đối với những trường hợp không có căn cứ luật định, tiến hành kháng nghị đối với những bản án có vi phạm về nội dung và tổ tụng. Qua nghiên cứu so sánh với một số tỉnh điển hình Thanh Hóa, Đà Nẵng cũng như số liệu trung bình chung trên toàn quốc cho thấy: khối lượng công việc của VKSND hai cấp ở Nghệ An khá lớn, tuy nhiên các nội dung THQCT quan trọng như không phê chuẩn gia hạn tạm giữ, không phê chuẩn khởi tố bị can, hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án, kháng nghị vụ án hình sự ... cơ bản đều đạt cao hơn các địa phương khác.

Những kết quả đạt được nêu trên không chỉ góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tổ tụng hình sự mà còn có vai trò to lớn trong bảo vệ pháp chế, bảo đảm tính nghiêm minh, công bằng của pháp luật.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động THQCT và kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can của VKSND thời gian qua cũng bộc lộ không ít hạn chế yếu kém: Hiệu quả kiểm sát giải quyết tin báo, tố giác tội phạm ở một số địa phương chưa cao, vẫn còn trường hợp bỏ lọt tội phạm; vẫn còn những trường hợp khởi tố oan sai nhưng VKS chưa kịp thời phát hiện; số lượng án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung còn nhiều; một số VKS địa phương vẫn còn tình trạng ngại va chạm, không mạnh dạn kiến nghị, kháng nghị đối với cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện sai phạm xảy ra; chất lượng kháng nghị chưa cao, hoạt động tranh tụng tại phiên tòa chưa đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp,... Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại trên có nhiều, song có thể tổng hợp thành các nhóm cơ bản, đó là: nguyên nhân từ hạn chế về trình độ, nhận thức; nguyên nhân từ ý thức trách nhiệm của cán bộ, Kiểm sát viên; nguyên nhân từ hoạt động chỉ đạo điều hành và công tác tổ chức cán bộ, nguyên nhân về hệ thống pháp luật. Tìm hiểu, làm rõ thực trạng, xác định đúng nguyên nhân là cơ sở quan trọng để xây dựng phương hướng cũng như đề ra các giải pháp để khắc phục những hạn chế, tồn tại nêu trên.

Chương 4

YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN TỈNH NGHỆ AN

4.1. Yêu cầu nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố trong tổ tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An

Từ quá trình tìm hiểu lý luận, quy định pháp luật cũng như thực trạng công tác THQCT của VKS trong tổ tụng hình sự ở Nghệ An cho thấy, công tác THQCT của VKSND hai cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong thời gian tới cần đáp ứng được những yêu cầu sau:

Thứ nhất, nâng cao hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố trong tổ tụng hình sự phải đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp.

Nâng cao chất lượng hoạt động THQCT không chỉ là nhiệm vụ trọng tâm của ngành mà còn là một trong những nội dung quan trọng của chiến lược cải cách tư pháp. Nâng cao chất lượng THQCT gắn liền với nhiệm vụ giảm thiểu oan, sai và tránh bỏ lọt tội phạm, đây cũng là nội dung có tính thời sự trong giai đoạn hiện nay, với nhiều vụ án oan, sai có tính chất nghiêm trọng, để lại hậu quả nặng nề cho cá nhân và sự bức xúc trong dư luận xã hội. Chính vì lẽ đó, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm chỉ đạo hoạt động của ngành Kiểm sát nói chung, hoạt động THQCT nói riêng. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”, đã nhấn mạnh đến trách nhiệm của VKS trong thực hiện tốt quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Nghị quyết nêu rõ: “Viện kiểm sát các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng, nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội...”. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư

pháp đến năm 2020” cũng nêu rõ: “Tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra”; Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI của Đảng tiếp tục khẳng định cần “tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra”, “gắn công tố với hoạt động điều tra”. Đòi mới, nâng cao chất lượng hoạt động THQCT phải vừa đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm đồng thời đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp. Chính vì vậy, khi đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động THQCT trong tổ tụng hình sự, cần nắm vững chủ trương của Đảng, Nhà nước được thể hiện trong các Văn kiện, Chỉ thị, Nghị quyết... góp phần bổ sung, làm rõ các luận cứ và luận điểm về cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay.

Để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, hoạt động công tố trước hết phải quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về *“tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra”*. Khi THQCT, với tư cách là cơ quan nhà nước, nhân danh quyền lực nhà nước truy cứu người phạm tội ra trước Tòa án, VKS phải quản lý được đầy đủ thông tin về tình hình tội phạm; tăng cường hoạt động THQCT trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. VKS phải kiên quyết không phê chuẩn hoặc khi cần thiết thì hủy bỏ các quyết định không có căn cứ, trái pháp luật của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, góp phần bảo đảm không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.

Bên cạnh đó, hoạt động công tố phải triển khai thực hiện nghiêm túc Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và chuẩn bị điều kiện cần thiết để triển khai BLTTHS năm 2015, trong đó, chú trọng thực hiện có hiệu quả một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp là nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa. Ngành Kiểm sát Nghệ An phải xác định tăng cường tranh tụng trong hoạt động tố tụng hình sự là hoạt động mang tính đột phá, xuyên suốt, được Đảng ta xác định là một trong những nội dung quan trọng của cải cách tư pháp.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố phải đáp ứng được đòi hỏi của yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Tình hình tội phạm trong thời gian gần đây diễn biến phức tạp, nhiều tội phạm trước đây ít xảy ra nay lại tăng lên đáng kể về số vụ và số người phạm tội, với tính chất ngày càng nghiêm trọng, nhất là các tội phạm về tham nhũng, buôn lậu, ma túy, giết người, cướp tài sản... Trong điều kiện phát triển như vũ bão của khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ thông tin và xu hướng toàn cầu hóa mọi mặt, các loại tội phạm liên quan như tội phạm xâm phạm sở hữu công nghiệp, tội làm tiền giả, tội phạm công nghệ cao, đầu cơ chứng khoán, rửa tiền... xảy ra ngày càng nhiều và diễn biến khó lường.

VKS thực hiện công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm thông qua hoạt động khởi tố, điều tra, phát hiện và xử lý tội phạm nhanh chóng, chính xác, kịp thời theo quyền năng và nghĩa vụ tố tụng. Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phòng, chống tội phạm, VKS phải không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động THQCT, với tinh thần không để xảy ra oan, sai nhưng cũng không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động THQCT, VKS có trách nhiệm làm rõ nguyên nhân và điều kiện phạm tội để kiến nghị áp dụng các biện pháp phòng ngừa qua từng vụ án, đối với mỗi lĩnh vực, mỗi địa phương nhất định.

Để đạt được mục tiêu trên, thông qua hoạt động THQCT, VKS phải tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội, có hay không sự xúi giục, tính chất, mức độ tội phạm thực tế đã gây ra để quyết định trách nhiệm hình sự cụ thể đối với người phạm tội. Hoạt động THQCT phải tập trung xử lý tội phạm nghiêm minh, kịp thời, vừa đúng pháp luật vừa chú trọng tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Thông qua hoạt động THQCT, VKS kiến nghị các ngành hữu quan có những biện pháp quản lý, giáo dục và phòng ngừa tội phạm có hiệu quả.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố phải gắn với bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự

Mục tiêu quan trọng của Hiến pháp 2013 là tiếp tục phát huy dân chủ, bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền con người, quyền công dân. Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ. Tất cả quyền Nhà nước thuộc về nhân dân...*”. Điều 14 Hiến pháp 2013 cũng đã khẳng định: “*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng bảo vệ, đảm bảo theo Hiến pháp và pháp luật*”. Điều 14 Hiến pháp năm 2013 cũng đã bổ sung nguyên tắc hạn chế quyền phù hợp với các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, đó là “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng*”.

Quyền con người trong tố tụng hình sự rất dễ bị xâm phạm, bị tổn thương và hậu quả để lại vô cùng nghiêm trọng vì nó tác động trực tiếp đến quyền được sống, quyền tự do và sinh mệnh chính trị của một cá nhân. Khi tiến hành biện pháp ngăn chặn cũng như khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với một người bị coi là thực hiện hành vi phạm tội, luôn thể hiện tính quyền lực và sức mạnh cưỡng chế nhà nước, sự yếu thế luôn thuộc về những người bị buộc tội. Chính vì vậy, hoạt động tố tụng hình sự, trong bất cứ nhà nước và thể chế chính trị nào đều luôn xuất hiện nguy cơ xâm phạm đến quyền con người và luôn đặt ra vấn đề bảo vệ quyền con người.

Vì vậy, hoạt động của ngành Kiểm sát Nghệ An trong thời gian tới phải hướng tới việc nâng cao hiệu quả hoạt động THQCT của VKS nhằm phát hiện và ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền con người, khôi phục kịp thời quyền, lợi ích chính đáng bị xâm phạm, áp dụng biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều

kiện vi phạm. Với vị trí, chức năng và nhiệm vụ của mình trong tổ tụng hình sự, VKS có khả năng to lớn trong việc bảo vệ quyền con người. Trong quá trình thực hiện chức năng THQCT, nếu thấy quyết định khởi tố, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn của CQĐT không có căn cứ hoặc trái pháp luật, VKS có quyền không phê chuẩn hoặc hủy bỏ, nếu xác định hoạt động xét xử hoặc ban hành bản án, quyết định trái pháp luật, xâm phạm đến quyền cơ bản của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, VKS có quyền kiến nghị, kháng nghị theo thẩm quyền.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố phải gắn với nội dung tăng cường hơn nữa trách nhiệm của Viện kiểm sát mà trực tiếp là cán bộ, Kiểm sát viên.

Hạn chế, tồn tại trong hoạt động THQCT do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng một trong những nguyên nhân quan trọng xuất phát từ yếu tố con người và ý thức chủ quan của người thực thi công vụ. Do đó, nâng cao ý thức trách nhiệm của ngành cũng như của cán bộ trong ngành trong hoạt động nghiệp vụ là yêu cầu quan trọng hàng đầu. Có như vậy mới đảm đương được nhiệm vụ quan trọng là "*bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội*" [48].

Thứ năm, nâng cao chất lượng hoạt động thực hành quyền công tố phải trên cơ sở tổng kết thực tiễn và bảo đảm tính khả thi.

Nâng cao chất lượng hoạt động THQCT vừa nhằm bổ sung, hoàn thiện lý luận, nhưng trên hết phải nhằm đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn. Do đó, phải thực hiện trên cơ sở kết quả khảo sát thực tiễn mà cụ thể là thực tiễn từ một tỉnh cụ thể (tỉnh Nghệ An), có sự so sánh, đối chiếu với một số tỉnh tương đồng cũng như số liệu trung bình của cả nước. Thực tiễn về những hạn chế, tồn tại; những bất cập, vướng mắc cả về quy định pháp luật và cơ chế

thực hiện chính là tiền đề, cơ sở quan trọng để xây dựng giải pháp, kiến nghị. Ngược lại, nội dung của giải pháp phải đáp ứng và giải quyết được những vấn đề thực tiễn đặt ra.

Mặt khác, trong quá trình đưa ra các giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động THQCT phải chú trọng tính khả thi trong thực tiễn. Muốn vậy phải cân nhắc toàn diện về nguồn lực con người, nguồn ngân sách của ngành, của địa phương cũng như chủ trương chung của Đảng, Nhà nước. Ví dụ, khi xây dựng giải pháp liên quan đến công tác cán bộ, cần chú ý đến quy định về chỉ tiêu biên chế của ngành, địa phương cũng như định hướng tinh giản biên chế. Ưu tiên việc điều động, luân chuyển, sắp xếp, bố trí cán bộ hợp lý giữa các đơn vị cấp huyện và các phòng thuộc VKSND tỉnh, trước mắt không đề xuất tăng biên chế mà tập trung vào khâu tuyển chọn, đào tạo nhân lực và rèn luyện ý thức, trách nhiệm nghề nghiệp cũng như nâng cao chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, KSV.

4.2. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thực hành quyền công tố trong tổ tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An

4.2.1. Nhóm giải pháp về công tác tổ chức và cán bộ

4.2.1.1. Kiện toàn tổ chức, bộ máy của ngành

Kiện toàn tổ chức, bộ máy có ý nghĩa vô cùng quan trọng đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành Kiểm sát nói chung, hiệu quả công tác THQCT trong tổ tụng hình sự nói riêng. Xét đến cùng, thành bại của mọi công việc đều phụ thuộc vào nguồn lực con người và công tác cán bộ. Làm tốt công tác tổ chức cán bộ, kiện toàn bộ máy chính là nhằm phát huy tối đa hiệu quả, năng lực của đội ngũ cán bộ trong toàn ngành.

Theo quy định tại Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, bộ máy VKSND các cấp bao gồm 04 cấp (VKSND tối cao, VKSND cấp cao, VKSND cấp tỉnh, VKSND cấp huyện). Trong đó VKSND cấp cao là cấp kiểm sát mới, có nhiệm vụ THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp cao. Cơ cấu tổ chức của VKSND cấp cao gồm có Ủy ban Kiểm sát, Văn phòng, các Viện và đơn vị

tương đương. Về tổ chức bộ máy VKSND cấp huyện, theo Luật năm 2014, VKSND cấp huyện gồm có Văn phòng và các Phòng, những nơi chưa đủ điều kiện thành lập Phòng thì tổ chức các bộ phận công tác và bộ máy giúp việc.

Về Kiểm sát viên và Kiểm tra viên: Theo Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 gồm 04 ngạch (Kiểm sát viên VKSND tối cao, Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp). Về nhiệm kỳ Kiểm sát viên, Luật năm 2014 quy định Kiểm sát viên được bổ nhiệm lần đầu có thời hạn là 05 năm, trường hợp được bổ nhiệm lại hoặc nâng ngạch thì thời hạn là 10 năm. Về cơ chế tuyển chọn Kiểm sát viên, Luật năm 2014 quy định: Áp dụng hình thức thi tuyển vào các ngạch Kiểm sát viên sơ cấp, trung cấp, cao cấp. Hội đồng thi tuyển được tổ chức ở VKSND tối cao, do Viện trưởng VKSND tối cao làm Chủ tịch, các ủy viên gồm đại diện lãnh đạo nhiều cơ quan. Không áp dụng hình thức thi tuyển đối với ngạch Kiểm sát viên VKSND tối cao. Về Kiểm tra viên, Luật năm 2014 quy định Kiểm tra viên là chức danh tư pháp, được bổ nhiệm để giúp KSV THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân công của Viện trưởng. Kiểm tra viên có 03 ngạch như hiện nay (Kiểm tra viên, Kiểm tra viên chính, Kiểm tra viên cao cấp). Tiêu chuẩn bổ nhiệm, điều kiện nâng ngạch Kiểm tra viên do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.

Như vậy, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 có nhiều điểm mới và thay đổi căn bản về cơ cấu tổ chức và bộ máy VKSND các cấp theo hướng hợp lý hơn, khoa học hơn, đòi hỏi phải được triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng lộ trình. Trong thời gian trước mắt, VKS các cấp cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

Một là, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc VKSND tối cao chủ động rà soát, đề xuất mô hình tổ chức, bộ máy làm việc của đơn vị mình theo hướng chuyên sâu (không theo địa phương, vùng miền).

Hai là, Viện trưởng VKSND cấp tỉnh chịu trách nhiệm rà soát, đề xuất mô hình tổ chức, bộ máy làm việc của VKS cấp tỉnh, VKS cấp huyện thuộc

phạm vi trách nhiệm quản lý của mình để báo cáo VKSND tối cao về mô hình tổ chức, cơ cấu, số lượng các phòng.

Ba là, cần thực hiện thường xuyên công tác quy hoạch cán bộ nhằm tạo nguồn cán bộ cho việc thực hiện nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài của ngành, đảm bảo được tính liên tục, kế thừa, khắc phục tình trạng thiếu hụt, chắp vá trong công tác cán bộ. Muốn vậy, phải chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng KSV trẻ, KSV chủ chốt của ngành, tạo điều kiện cho lực lượng cán bộ trẻ có cơ hội, môi trường thuận lợi để rèn luyện, thử thách, phát triển.

4.2.1.2. Thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp khác nhau nhằm nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn và ý thức, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên

- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí và sử dụng cán bộ, Kiểm sát viên

Cần xác định rõ, cán bộ Kiểm sát là những người làm việc trong môi trường công việc đặc thù, với áp lực công việc cũng như khả năng gánh vác trách nhiệm cao. Chính vì vậy, trong quá trình thi, tuyển dụng cán bộ, trước hết cần cải cách phương thức thi tuyển để có thể chọn được những cán bộ có trình độ, hiểu biết sâu về kiến thức pháp luật và kiến thức xã hội, có khả năng về ngoại ngữ, tin học, có phẩm chất đạo đức và bản lĩnh chính trị. Mặt khác, phải tính tới việc cán bộ được tuyển dụng tương lai sẽ là những KSV THQCT, tranh tụng tại phiên tòa, vì vậy cần chú trọng đến công tác sơ tuyển, bảo đảm không bị khiếm khuyết về hình thể, không nói lắp, nói nhịu, có khả năng diễn thuyết, hùng biện trước đám đông. Có như vậy mới thực hiện tốt hoạt động THQCT, tranh tụng tại phiên tòa khi được bổ nhiệm KSV.

Quá trình bố trí, sử dụng cán bộ phải tính tới sự phù hợp về năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức của từng cán bộ, bảo đảm tính hợp lý, khoa học trong việc bố trí, sử dụng cán bộ. Quá trình công tác cần phân công cán bộ thử thách qua nhiều nhiệm vụ, nhiều khâu công tác cũng như cương vị công tác khác nhau, tránh việc “đóng khung” cán bộ tại một khâu công tác

nhất định, vừa dễ nảy sinh tình trạng tiêu cực, vừa làm giảm ý chí phấn đấu, học hỏi, gây nên tâm lý nhàm chán trong quá trình công tác.

Công tác bổ nhiệm KSV cũng cần có sự thay đổi để phù hợp với nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm và công cuộc cải cách tư pháp. Theo quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, việc tuyển chọn, bổ nhiệm KSV các cấp được thực hiện dưới hình thức thi tuyển. Đây là hình thức bổ nhiệm có nhiều ưu điểm, tiến bộ, bảo đảm sàng lọc và tuyển chọn được những cán bộ ưu tú có trình độ chuyên môn vững làm KSV VKSND các cấp. Để thực hiện tốt công tác này, VKSND tối cao đã ban hành quy định cụ thể về hình thức thi tuyển, đối tượng, tiêu chí tham gia thi tuyển và quá trình tổ chức thi, chấm thi... Vì vậy, trong thời gian tới, cần tổ chức tốt các kỳ thi tuyển chọn KSV, có sự tổng kết, rút kinh nghiệm thường xuyên để hoạt động thi tuyển bảo đảm công bằng, minh bạch, thực chất, hiệu quả.

- Phát động và thực hiện có hiệu quả phong trào tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện của đội ngũ Kiểm sát viên, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về xây dựng đội ngũ Kiểm sát viên “vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm”.

Hoạt động kiểm sát là lĩnh vực công tác đặc thù, phải nghiên cứu rất nhiều nguồn văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, ngoài ra, trong từng vụ việc cụ thể còn phải nghiên cứu nhiều văn bản quy định về chủ trương, chính sách, chế độ... do Đảng và Nhà nước ban hành, trong khi đó hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên thay đổi. Vì vậy, ngoài kiến thức cơ bản được đào tạo tại các trường đại học, tại các lớp tập huấn, bắt buộc KSV phải luôn tự tìm tòi, học hỏi, nghiên cứu nhằm cập nhật, nắm vững hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn liên quan.

Mặt khác, phần lớn các KSV hiện nay đều đảm nhận công tác THQCT THQCT, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử, do đó bắt buộc KSV phải tự học, tự rèn luyện về kỹ năng hùng biện, đối đáp, kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tổng hợp chứng cứ để có thể vận dụng, sử dụng có hiệu quả trong quá trình tranh

tụng tại phiên tòa. KSV khi được giao nhiệm vụ cần nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, nắm chắc diễn biến của vụ án, tăng cường công tác kiểm sát điều tra đối với từng vụ án cụ thể, kiểm tra cẩn thận các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tài liệu khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án. KSV cần xây dựng kế hoạch tranh tụng tại phiên tòa và chuẩn bị các văn bản pháp luật có liên quan đến vụ án, chú ý lập luận của mình để chứng minh tội danh truy tố là có căn cứ. Bên cạnh đó, cần có phương pháp đối đáp khi tham gia tranh tụng tại phiên tòa. Khi đối đáp, KSV phải dựa vào các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã được xét hỏi và dựa vào các quy định của pháp luật; có thái độ bình tĩnh và phản ứng linh hoạt khi đối đáp với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Để có sự chủ động và tích cực trong hoạt động tranh tụng, KSV nên trực tiếp tham gia công tác khám nghiệm hiện trường và các hoạt động khác như lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, hỏi cung bị can, nắm chắc nội dung vụ án ngay từ giai đoạn đầu.

- Thực hiện tốt công tác rà soát, rèn luyện, phẩm chất đạo đức, lối sống, trình độ, năng lực đội ngũ Kiểm sát viên

Đội ngũ cán bộ, KSV là lực lượng nòng cốt của ngành Kiểm sát trong quá trình cải cách tư pháp, xây dựng Ngành, có vai trò quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Cải cách bộ máy nhà nước nói chung, cải cách tư pháp nói riêng trước hết phải bắt đầu từ vấn đề con người. V.I.Lênin đã chỉ rõ: cán bộ phải là người có phẩm chất cao quý, hiểu theo nghĩa là họ có lòng trung thành với sự nghiệp và có năng lực, trách nhiệm.

Như đã đề cập, trong điều kiện tác động mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường, trước sự cám dỗ của đồng tiền và những lợi ích vật chất, đã có một số cán bộ, KSV yếu kém về bản lĩnh chính trị và bản lĩnh nghề nghiệp, dao động trước thử thách. Do đó, bên cạnh việc quan tâm cải thiện chế độ, chính sách, phụ cấp mang tính đặc thù để cán bộ, KSV có mức thu nhập ổn định, đáp ứng được các nhu cầu cơ bản của cuộc sống, còn đòi hỏi cán bộ, KSV phải tăng cường rèn luyện đạo đức cách mạng, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói:

“Đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong” [33, tr.293]. Chính vì vậy, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống là đòi hỏi có tính thường xuyên, liên tục đối với người cán bộ Kiểm sát. Thực hiện yêu cầu này, đòi hỏi người cán bộ Kiểm sát phải tự rèn luyện ý thức chính trị để thực hiện tốt chức năng của mình. Rèn luyện phẩm chất đạo đức cũng như ý thức chính trị đòi hỏi cán bộ, KSV phải nắm vững các chủ trương, chính sách của Đảng trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như chủ trương, chính sách liên quan đến công tác của ngành Kiểm sát. Việc rèn luyện ý thức chính trị phải đi đôi với việc rèn luyện phẩm chất đạo đức của người cán bộ Kiểm sát. Hoạt động THQCT trong tổ tụng hình sự là hoạt động nhạy cảm, ranh giới giữa hành vi phạm tội và vi phạm hành chính, dân sự... nhiều khi rất khó phân định. Trong khi đó, các KSV hàng ngày, hàng giờ tiếp xúc với mặt trái của xã hội, với nhiều hành vi vi phạm và tội phạm, nếu KSV không rèn luyện bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp sẽ rất dễ bị mua chuộc, lôi kéo, sa ngã. Xuất phát từ đặc thù công tác và nhiệm vụ chính trị của Ngành cũng như yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ chế độ, đòi hỏi mỗi KSV không chỉ là người chuẩn mực trong đạo đức, lối sống mà phải thấm nhuần lý tưởng cách mạng và ý thức chính trị. Muốn vậy, phải nâng cao hoạt động tuyên truyền, giáo dục rèn luyện của các cấp ủy Đảng và lãnh đạo VKS các cấp thông qua công tác Đảng và quản lý cán bộ. Việc phổ biến, tuyên truyền các Nghị quyết của Đảng phải được thực hiện thường xuyên, thực chất và chú trọng đến hiệu quả thực tiễn. Cần đổi mới cả về mặt nội dung và phương thức thực hiện tuyên truyền. Mặt khác, cần phải đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, chỉnh đốn Đảng, tăng cường quản lý cán bộ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm điều lệ Đảng, nội quy, quy chế của đơn vị, của Ngành, các trường hợp có biểu hiện bê tha trong sinh hoạt, thiếu lành mạnh trong lối sống... đó là những mầm mống tiêu cực cần phải phát hiện,

ngăn chặn ngay từ đầu, vừa răn đe, vừa giáo dục nhằm rèn luyện phẩm chất chính trị và đạo đức lối sống cho đội ngũ cán bộ KSV.

- Tăng cường công tác tập huấn, rút kinh nghiệm cho đội ngũ Kiểm sát viên

Việc tổ chức tập huấn, ban hành thông báo rút kinh nghiệm tác dụng rất lớn trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, KSV. Với thực trạng chất lượng hoạt động THQCT trong tổ tụng hình sự và nhu cầu công việc hiện nay, việc nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ KSV VKSND các cấp là đòi hỏi khách quan và cấp thiết. Để thực hiện được mục tiêu này một mặt đòi hỏi Ngành cần tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ KSV giữ nhiệm vụ THQCT các kỹ năng cơ bản như: kiểm sát khám nghiệm hiện trường, tử thi, kiểm sát giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tổng hợp chứng cứ, kỹ năng viết và trình bày luận tội, thực hiện tranh tụng tại phiên tòa... Ngoài ra, thông qua hoạt động thực tiễn, các vụ nghiệp vụ VKSND tối cao, các phòng nghiệp vụ VKSND cấp cao và VKSND cấp tỉnh cần tăng cường ban hành thông báo rút kinh nghiệm trong lĩnh vực THQCT của VKSND các cấp để KSV tăng cường tích lũy kinh nghiệm thực tiễn.

- Định kỳ hàng năm, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh cần tổ chức các cuộc thi nhằm rèn luyện, nâng cao kỹ năng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa như: thi viết cáo trạng, thi viết và trình bày luận tội... Để thực hiện được nhiệm vụ trên, cần thành lập Ban tổ chức cuộc thi, đồng thời quy định cụ thể đối tượng, nội dung, hình thức đăng ký dự thi, nội quy, quy chế thi, cần tham khảo kinh nghiệm của các đơn vị khác, rút kinh nghiệm để việc tổ chức cuộc thi mang tính thiết thực, hiệu quả cao. Có chế độ khen thưởng về vật chất và tinh thần kịp thời để động viên, khuyến khích KSV không ngừng rèn luyện, nghiên cứu, học hỏi, nâng cao kỹ năng tranh tụng tại phiên tòa. Lấy tiêu chí KSV thực hiện tốt nhiệm vụ THQCT, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự - thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa làm một trong những căn cứ đánh giá kết quả hoàn thành tốt nhiệm vụ của KSV trong dịp đánh giá phân loại cán bộ công chức hàng năm.

4.2.2. Thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử án hình sự

THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự có mối quan hệ biện chứng mật thiết với nhau. Thực hiện tốt hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, phát hiện kịp thời vi phạm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng chính là tiền đề, căn cứ quan trọng để nâng cao chất lượng hoạt động THQCT, ngược lại, hoạt động THQCT là cơ sở để thực hiện hoạt động kiểm sát.

Vai trò, nhiệm vụ của VKS là hết sức quan trọng, giữ vị trí trung tâm trong quá trình xử lý tội phạm. Việc không ngừng nâng cao chất lượng công tác THQCT, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự là yêu cầu cấp thiết trong tiến trình cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Để đạt được yêu cầu này, VKS cần có giải pháp cụ thể và thực hiện đồng bộ trong Ngành, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng. Để đạt được mục tiêu và yêu cầu nêu trên, cần phải thực hiện một cách đồng bộ các giải pháp cơ bản sau đây:

4.2.2.1. Nâng cao chất lượng công tác kiểm sát và thực hành quyền công tố trong việc giải quyết các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố

VKSND các cấp đã triển khai, thực hiện quy định tại Điều 103 BLTTHS; Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02/8/2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, VKSND tối cao hướng dẫn quy định của BLTTHS về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Trên cơ sở các quy định nêu trên, VKSND các cấp phải chủ động, linh hoạt áp dụng các biện pháp kiểm sát, sử dụng có hiệu quả, triệt để và đúng pháp luật các quyền năng của VKS trong việc quản lý tin báo nhằm đảm bảo cho việc giải quyết các tố giác, tin báo về tội phạm có căn cứ, đúng pháp luật và nâng cao tỷ lệ phát hiện xử lý tội phạm, hạn chế đến mức thấp nhất việc làm oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm.

Lãnh đạo VKS các cấp cần chú trọng phân công KSV có năng lực mở sổ theo dõi, thường xuyên phối hợp với CQĐT để nắm bắt, đối chiếu, rà soát số liệu, kịp thời đề ra yêu cầu xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, hạn chế việc xác minh bị kéo dài, vi phạm thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 103 BLTTHS năm 2003.

Đối với những tố giác, tin báo về tội phạm phức tạp, nhạy cảm, lãnh đạo Viện cần chủ động phối hợp với thủ trưởng CQĐT xây dựng kế hoạch xác minh, giải quyết đúng theo quy định của pháp luật. Hàng tuần, KSV cùng với Điều tra viên nghiên cứu, phân loại tin báo. Hàng tháng, lãnh đạo VKS cần phối hợp với lãnh đạo Cơ quan Cảnh sát điều tra cùng cấp kiểm tra lại toàn bộ tố giác, tin báo tội phạm đã thụ lý trong tháng để thống nhất biện pháp giải quyết.

Viện kiểm sát các cấp phải thực hiện nghiêm túc chế độ trực nghiệp vụ 24/24 giờ; đặt hòm thư tố giác tội phạm nơi thuận tiện nhất, tích cực nắm thông tin về tội phạm qua các cuộc họp giao ban ở UBND cùng cấp, các phương tiện thông tin đại chúng, phân công KSV kiểm sát khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi... nghiêm túc, đúng quy định để chủ động thu thập thông tin về tội phạm.

4.2.2.2. Nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn điều tra, truy tố

Tăng cường trách nhiệm công tố của KSV trong hoạt động điều tra theo phương châm gắn công tố với hoạt động điều tra, phát huy có hiệu quả quyền hạn của VKS và vai trò KSV trong tố tụng hình sự là chủ trương chung của toàn Ngành. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, trước hết phải nâng cao trách nhiệm của KSV trong việc kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Sau khi nhận được quyết định khởi tố vụ án hình sự của CQĐT và các cơ quan khác có thẩm quyền khởi tố vụ án, VKS mà trực tiếp là các KSV phải tập trung nghiên cứu, xác định tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết

định khởi tố vụ án, thẩm quyền của cơ quan tiến hành khởi tố vụ án... kịp thời phát hiện vi phạm thủ tục tố tụng để kiến nghị, yêu cầu khắc phục.

Kiểm sát chặt chẽ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của CQĐT và các cơ quan khác có thẩm quyền khởi tố vụ án là một trong những nhiệm vụ quan trọng của VKS và là một trong những biện pháp hữu hiệu nhằm chống bỏ lọt tội phạm. Chính vì vậy, VKS các cấp phải luôn chú trọng đến lĩnh vực này, bảo đảm các quyết định không khởi tố vụ án được ban hành đúng căn cứ và hợp pháp. Hoạt động kiểm sát trước hết phải làm rõ tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định không khởi tố, tìm ra những vi phạm pháp luật (nếu có) của các cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực này để có biện pháp yêu cầu khắc phục, loại trừ.

Khi nhận được các quyết định khởi tố bị can, Công văn đề nghị phê chuẩn và các tài liệu kèm theo của CQĐT, KSV phải xem xét, kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định khởi tố bị can, trong trường hợp chưa rõ căn cứ thì yêu cầu CQĐT làm rõ hoặc tiến hành một số hoạt động tố tụng như: Hồi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, lấy lời khai người bị hại... khi VKS thấy đầy đủ các chứng cứ, tài liệu làm căn cứ cho việc khởi tố thì mới đề xuất Viện trưởng, phó Viện trưởng phê chuẩn. Đảm bảo việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn đối với các lệnh, quyết định của CQĐT và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có căn cứ, đúng pháp luật.

Bên cạnh đó, KSV phải kiểm sát chặt chẽ ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình điều tra, chủ động bám sát tiến độ điều tra để đề ra các yêu cầu điều tra kịp thời, sát đúng với thực tế khách quan của vụ án. Phối hợp chặt chẽ với Điều tra viên trong việc nghiên cứu đánh giá chứng cứ để kết luận vụ án, xác định chính xác về tội danh, diện khởi tố, đề nghị truy tố, vấn đề đình chỉ vụ án, bị can. Giải quyết tốt những vướng mắc thiếu sót trong quá trình điều tra, bảo đảm tính khách quan và hợp pháp trong quá trình thu thập chứng cứ, đảm bảo cho việc điều tra, truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa của KSV trong quá trình bảo vệ quan điểm truy tố.

4.2.2.3. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Kiểm sát viên trong thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự

Tại phiên toà hình sự, KSV là người thay mặt nhà nước, nhân danh nhà nước thực hiện chức năng buộc tội và bảo vệ cáo trạng tại phiên toà. Để thực hiện nhiệm vụ đó, KSV phải tiến hành hàng loạt các thao tác nghiệp vụ cụ thể như: Đọc bản cáo trạng truy tố bị can, tham gia xét hỏi, luận tội và đưa ra quan điểm, đề nghị giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. KSV chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc tranh luận và đối đáp lại tất cả các ý kiến mà bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đưa ra. Vì vậy phải đề cao trách nhiệm của KSV trong việc nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi tham gia xét xử, chuẩn bị chu đáo đề cương thẩm vấn, tranh luận và luận tội cũng như đề nghị áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Trong quá trình xét xử, KSV phải nắm bắt được trạng thái tâm lý của từng bị cáo, người bị hại, người làm chứng, mục đích hướng tới của Luật sư bào chữa trong từng trường hợp cụ thể để chuẩn bị nội dung xét hỏi, đối đáp và tranh luận, dự liệu các tình huống nảy sinh tại phiên toà, tránh rơi vào trạng thái bị động, lúng túng, nhất là xử lý những trường hợp xuất hiện tình tiết mới có liên quan đến việc thay đổi tội danh và đường lối xét xử đối với vụ án. Thực hiện tốt những nội dung nêu trên sẽ giúp cho KSV chủ động, sắc bén trong tranh luận, xử lý tốt các tình huống phát sinh tại phiên toà.

Ngoài ra, KSV còn phải tăng cường công tác kiểm sát bản án, quyết định của Toà án để phát hiện vi phạm, kịp thời tham mưu cho lãnh đạo Viện ban hành kháng nghị đối với bản án, quyết định có vi phạm theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm; tham mưu tốt cho lãnh đạo đơn vị nâng cao chất lượng kháng nghị, đảm bảo các kháng nghị của VKS có căn cứ, đúng pháp luật, được Tòa án cấp trên chấp nhận.

4.2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng

Điều 8 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 đã quy định trách nhiệm phối hợp giữa VKS với cơ quan Tòa án, Công an, các cơ quan, tổ

chức của Nhà nước trong hệ thống chính trị nhằm phòng chống tội phạm có hiệu quả, xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp. Các cơ quan tiến hành tố tụng không những có trách nhiệm phối hợp với nhau mà còn phải phối hợp với các cơ quan Nhà nước khác bằng những nội dung cụ thể, thiết thực được quy định tại Điều 26 và Điều 27 BLTTHS. Các cơ quan tiến hành tố tụng về cơ bản đều có chung nhiệm vụ đấu tranh, phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội, tôn trọng quyền và lợi ích của công dân, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Chính từ mục đích chung đó đã hình thành nên mối quan hệ phối hợp trong tố tụng hình sự giữa VKS và các cơ quan tiến hành tố tụng như là một vấn đề tất yếu. Cơ sở của sự phối hợp là quá trình giải quyết vụ án hình sự, dựa trên các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự, trong đó có nguyên tắc xác định sự thật vụ án và nguyên tắc phối hợp giữa các cơ quan tố tụng hình sự với các cơ quan, tổ chức nhà nước.

Hoạt động phối hợp liên ngành mà trọng tâm là sự phối hợp giữa CQĐT, VKS, Tòa án có tác động trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả công tác giải quyết các vụ án hình sự. Trong những năm qua công tác phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng các cấp trong giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, khởi tố điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Nghệ An ngày càng được củng cố và tăng cường. Hàng chục ngàn vụ án đã được phối hợp xử lý nhanh chóng, chính xác, không để xảy ra trường hợp nào bị xử lý oan sai, trong đó có 348 vụ án hình sự được liên ngành xác định án trọng điểm và tập trung chỉ đạo giải quyết kịp thời, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương, được cấp Ủy, chính quyền đánh giá cao. Bên cạnh những kết quả nêu trên, công tác phối hợp liên ngành trong việc giải quyết các vụ án hình sự vẫn còn nhiều tồn tại, nhiều trường hợp chưa có sự thống nhất trong việc giải quyết những khó khăn, vướng phát sinh;

việc tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm ở một số địa phương chưa được sự quan tâm của các ngành liên quan... Tất cả những tồn tại đó đã làm ảnh hưởng đến chất lượng công tác giải quyết vụ án hình sự. Để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm thực hiện tốt công tác giải quyết các vụ án hình sự, tránh oan sai và bỏ lọt tội phạm, cần thực hiện tốt các giải pháp sau đây:

4.2.3.1. Tăng cường sự phối hợp trong công tác giải quyết các tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố

VKSND các cấp phối hợp với các cơ quan hữu quan tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế phối hợp hiện có cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Lãnh đạo VKSND cần chủ động thực hiện Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02/8/2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, VKSND tối cao hướng dẫn quy định của BLTTHS về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Để thực hiện tốt quy định tại Thông tư số 06 nêu trên, đòi hỏi phải có sự phối hợp trong quá trình phân loại tin theo hướng khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự giữa VKS và CQĐT cùng cấp, bảo đảm để VKS nắm chắc nguồn tin, số lượng, kết quả giải quyết các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Trong trường hợp phát hiện có thông tin về tội phạm mà không được giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định của pháp luật thì yêu cầu thực hiện hoặc kiến nghị khắc phục. Hoạt động phối hợp được thực hiện kịp thời, chặt chẽ, thường xuyên và hiệu quả, đảm bảo mọi hành vi phạm tội xảy ra phải được xử lý theo pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, đồng thời không làm oan người vô tội. Hoạt động phối hợp tập trung vào những nội dung chính sau đây: Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về dấu hiệu của tội phạm; phối hợp tổ chức, chỉ đạo, tham mưu hướng dẫn tổ chức tập huấn nghiệp vụ và cung cấp các văn bản tài liệu có liên quan; phối hợp trong hoạt động phân

loại, kiểm tra, xác minh để việc xử lý tố giác, tin báo về tội phạm được thực hiện thuận lợi, kịp thời, đúng pháp luật.

4.2.3.2. Tăng cường sự phối hợp trong giải quyết các vụ án hình sự

Viện kiểm sát các cấp chủ động phối hợp với cơ quan Công an, Tòa án cùng cấp trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả phối hợp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, đảm bảo nguyên tắc chặt chẽ, đồng bộ và kịp thời. Công tác phối hợp phải dựa trên cơ sở các quy định của BLTTHS và các văn bản hướng dẫn thi hành, trên cơ sở nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng. Đối với VKS các cấp, hoạt động phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp. Việc phối hợp không phải để dĩ hòa vi quý, mà nhằm giải quyết những khó khăn vướng mắc trong thực tiễn khi các chế định của pháp luật còn nhiều bất cập hoặc chưa quy định rõ, đảm bảo cho việc áp dụng pháp luật được nghiêm chỉnh và thống nhất, đảm bảo việc xử lý tội phạm thực hiện theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, phát huy được sức mạnh tổng hợp trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

Bên cạnh đó VKS hai cấp cần phối hợp với cơ quan Tòa án, Công an để tổ chức thực hiện các phiên tòa rút kinh nghiệm theo tinh thần cải cách tư pháp. Việc tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm nhằm tạo điều kiện để KSV nâng cao tinh thần trách nhiệm và cũng là cơ hội để chứng minh kỹ năng tranh tụng của mình.

Việc tăng cường phối hợp giữa VKSND các cấp với cơ quan tiến hành tố tụng, ngoài mục đích thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn còn nhằm quản lý tốt hơn đội ngũ cán bộ, KSV. Thông qua các kênh thông tin khác nhau, lãnh đạo VKS có thể phát hiện kịp thời những KSV thiếu ý chí phấn đấu ... để loại ra khỏi bộ máy hoặc bố trí công việc khác. Hơn nữa thông qua thông tin của các cơ quan, đơn vị và cá nhân, lãnh đạo VKS sẽ có cơ sở đầy đủ hơn, khách quan hơn trong việc đánh giá năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức của

đội ngũ cán bộ, KSV, từ đó làm căn cứ cho việc xét quy hoạch, đề bạt bổ nhiệm cán bộ quản lý cũng như bổ nhiệm, tái bổ nhiệm chức danh KSV.

4.2.4. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Viện trưởng VKS các cấp là yêu cầu khách quan, xuất phát từ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của ngành được quy định tại Hiến pháp năm năm 2013, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và BLTTHS. BLTTHS năm 2003 cũng như BLTTHS năm 2015 đã quy định rõ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Viện trưởng VKS trong hoạt động THQCT, kiểm sát HĐTP. Tuy nhiên, *"Một thực tế tồn tại lâu nay là có nhiều Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp quá tập trung vào các công việc hành chính, sự vụ mà phó mặc các hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp ở giai đoạn khởi tố vụ án, khởi tố bị can cho cấp Phó và cho các Kiểm sát viên dưới quyền"* [53, tr.163]. Với vai trò là người lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm chung về toàn bộ hoạt động của VKS mỗi cấp cũng như chịu trách nhiệm về hoạt động của VKS cấp dưới, đồng thời trước yêu cầu nâng cao chất lượng công tác THQCT trong tố tụng hình sự, chúng tôi cho rằng, lãnh đạo VKS các cấp cần thực hiện tốt các nội dung sau:

Thứ nhất, phải tham gia trực tiếp vào những hoạt động kiểm sát quan trọng nhằm bảo đảm các quyết định pháp lý được ban hành đúng đắn, hợp pháp và có căn cứ. Ví dụ: trong các vụ án giết người không quả tang, Lãnh đạo VKS phải trực tiếp cùng KSV tham gia kiểm sát khám nghiệm hiện trường; khi phê chuẩn việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong các trường hợp phức tạp, khó khăn trong việc đánh giá chứng cứ thì Lãnh đạo Viện phải trực tiếp xem xét hồ sơ trước khi quyết định phê chuẩn, đối với trường hợp VKS ra quyết định khởi tố vụ án, hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can... thì lãnh đạo VKS phải trực tiếp xem xét, quyết định.

Thứ hai, phải tăng cường hơn nữa công tác quản lý trong lĩnh vực THQCT và kiểm sát các HĐTP ở mỗi cấp kiểm sát. Hoạt động quản lý trước hết phải hướng đến những lĩnh vực quan trọng như: quản lý về tiếp nhận, xử lý về tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố; quản lý vấn đề khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; áp dụng hay không áp dụng các biện pháp ngăn chặn... bởi đây là những lĩnh vực công tác phức tạp, nhạy cảm, nếu không quản lý chặt chẽ rất dễ xảy ra tình trạng tiêu cực.

Thứ ba, phải tăng cường công tác quản lý cán bộ. Bởi cán bộ, KSV làm việc trong môi trường nhạy cảm, với nhiều cám dỗ vật chất, đó đó lãnh đạo VKS các cấp trước hết phải tăng cường quản lý về mặt đạo đức, lối sống, sinh hoạt, chỉnh đốn ngay từ đầu đối với các biểu hiện sinh hoạt thiếu lành mạnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm xảy ra. Bên cạnh đó, cần tăng cường hoạt động quản lý, chỉ đạo trong các lĩnh vực chuyên môn, bảo đảm nắm chắc, đầy đủ các hoạt động nghiệp vụ diễn ra, chỉ đạo kịp thời để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

4.2.5. Giải pháp về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

Dưới sự lãnh đạo và quan tâm sâu sắc của Đảng, cùng với chủ trương đúng đắn về cải cách tư pháp do Đảng khởi xướng, chất lượng công tác tư pháp nói chung, chất lượng hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm nói riêng đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Nhận thức của các cấp ủy Đảng và Đảng viên về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp nói chung, ngành Kiểm sát nói riêng ngày càng đầy đủ hơn; nhiều chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, KSV từng bước được đổi mới, tạo điều kiện cho VKS thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Nghị quyết 08-NQ/TW đã xác định rõ: "*Đảng lãnh đạo cơ quan tư pháp chặt chẽ về chính trị, về tổ chức cán bộ, bảo đảm cho hoạt động tư pháp thực hiện đúng quan điểm của Đảng, pháp luật của nhà nước*" [13]. Bộ chính trị cũng đã ban hành Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 07/7/2007 của Bộ Chính trị về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công

tác điều tra, xử lý các vụ án và công tác bảo vệ Đảng. Do đó, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, cần thực hiện tốt những nội dung sau:

- Quán triệt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về công tác cải cách tư pháp tới các cán bộ, Đảng viên; xây dựng kế hoạch và chương trình trọng tâm, chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ, các VKS cấp huyện tham gia tích cực, có hiệu quả vào công cuộc cải cách tư pháp.

- Cấp uỷ Đảng địa phương lãnh đạo cơ quan tư pháp nói chung, VKS nói riêng qua việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, kế hoạch và chương trình công tác đề ra. Thông qua kiểm tra, giám sát, để rút ra những tồn tại trong quá trình thực hiện, đồng thời có thể phát hiện được những bất cập từ chủ trương của Đảng để nghiên cứu, khắc phục kịp thời.

- Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp thông qua công tác tổ chức cán bộ, đặc biệt là chỉ đạo việc xây dựng và kiện toàn bộ máy của ngành; lãnh đạo công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, quản lý đội ngũ cán bộ chủ chốt của ngành, kiên quyết xử lý đối với các cán bộ, KSV thoái hoá, biến chất, vi phạm điều lệ Đảng, vi phạm pháp luật.

- Cấp uỷ Đảng địa phương chỉ đạo sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp, khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ, chỉ đạo phối hợp giữa các cơ quan tư pháp với các cơ quan nhà nước khác, với các tổ chức chính trị xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp làm việc giữa các tổ chức Đảng và các cơ quan tư pháp theo hướng cấp uỷ định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến định hướng về công tác cải cách tư pháp. Các cấp uỷ Đảng địa phương tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị 15 CT/TW ngày 07/7/2007 của Bộ Chính trị về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án và công tác bảo vệ Đảng; Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị về cải cách tư pháp.

- Các VKS địa phương phải luôn phấn đấu xây dựng Đảng bộ, Chi bộ trong sạch, vững mạnh. Trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ phải

luôn gắn với sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động chuyên môn phải luôn gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương. Các VKS địa phương phải là những cơ quan nòng cốt tham mưu cho các cấp ủy Đảng những vấn đề về pháp chế, vấn đề phòng, chống tội phạm.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với ngành Kiểm sát phải được thực hiện một cách toàn diện, chặt chẽ cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ. Đảng lãnh đạo thông qua đường lối, chủ trương, chính sách và công tác cán bộ, không can thiệp vào hoạt động chuyên môn. VKSND các cấp cần chủ động thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng.

4.2.6. Giải pháp, kiến nghị về cơ sở vật chất

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho VKS các cấp trong thời gian tới là yêu cầu khách quan để phục vụ tốt hơn cho hoạt động nghiệp vụ của ngành Kiểm sát. Yêu cầu này cũng chính là thực hiện một trong tám nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết số 08 -NQ/TW của Bộ chính trị đã nêu đó là: *"Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện làm việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hóa các cơ quan tư pháp. Phấn đấu đến năm 2025 xây dựng đủ trụ sở và cơ sở làm việc của các cơ quan tư pháp từ trung ương đến cấp huyện..."* [13]. Để thực hiện tốt chỉ đạo của Nghị quyết 08-NQ/TW cũng như đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay, chúng tôi kiến nghị với các cấp, các ngành Trung ương trước mắt cần khẩn trương xây dựng sửa chữa, cải tạo lại những trụ sở đã xuống cấp nghiêm trọng. Mặt khác, cần nghiên cứu để nhanh chóng cung cấp, bổ sung cho đội ngũ KSV VKSND các cấp trang thiết bị cần thiết như: Máy vi tính nối mạng để KSV có điều kiện cập nhật thông tin qua mạng Internet và tra cứu văn bản pháp luật mới dễ dàng, nhanh chóng; máy ảnh, phương tiện ghi âm, ghi hình phục vụ cho công tác kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi....; hỗ trợ về chuyên môn để KSV sử dụng thành thục các loại phương tiện trên. Từ đó, KSV dễ

dàng trong trao đổi nghiệp vụ, cập nhật thường xuyên các văn bản luật, khai thác, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các hoạt động nghiệp vụ.

Mặt khác, THQCT trong tố tụng hình sự là hoạt động đòi hỏi phải được tiến hành nhanh chóng, khẩn trương, bảo đảm kịp thời thu thập các dấu vết, thông tin về tội phạm, bảo đảm tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định tố tụng, hoạt động tố tụng, bảo đảm các quyền cơ bản của công dân. Vì vậy, phương tiện giao thông, liên lạc di chuyển tới hiện trường, kết nối thông tin trong nhiều trường hợp có ý nghĩa quyết định tới thành công của giai đoạn tố tụng đặc thù này. Nhiều VKS cấp huyện không được trang bị đầy đủ phương tiện cần thiết để di chuyển nhanh chóng tới hiện trường. Thực tế có nhiều trường hợp KSV đến hiện trường thì CQĐT đã hoàn tất việc khám nghiệm hoặc KSV đi nhờ xe của Công an tới hiện trường để kiểm sát khám nghiệm. Do đó, cần từng bước trang bị phương tiện giao thông cần thiết cho VKS các cấp để phục vụ tốt công tác khám nghiệm hiện trường, trực nghiệp vụ, đặc biệt là ở những địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, tránh tình trạng khám nghiệm hiện trường xong KSV mới có mặt, hoặc KSV đi nhờ xe CQĐT đi khám nghiệm hiện trường, bởi sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tính khách quan trong quá trình kiểm sát khám nghiệm.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho VKSND các cấp là nhu cầu khách quan, là một trong những giải pháp quan trọng để ngành Kiểm sát hoàn thành, thực hiện tốt nhiệm vụ cũng như trọng trách quan trọng trong hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung, hoạt động THQCT trong tố tụng hình sự nói riêng.

4.2.7. Bảo đảm chế độ đãi ngộ và nâng cao hiệu quả công tác khen thưởng, kỷ luật

Cải cách chế độ tiền lương và chế độ phụ cấp đối với đội ngũ cán bộ trong hệ thống cơ quan tư pháp nói chung, KSV VKSND các cấp nói riêng đang là đòi hỏi khách quan, cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Một trong những nguyên nhân dẫn tới tình trạng bỏ lọt tội phạm chính là yếu tố chủ

quan từ những người có thẩm quyền quyết định cuối cùng trong hoạt động khởi tố, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, truy tố người phạm tội ra trước tòa án, khi mà ranh giới giữa việc xử lý hình sự và xử lý hành chính nhiều trường hợp rất khó phân định. Trong khi thu nhập hợp pháp không đủ để đảm bảo nhu cầu thiết yếu của cuộc sống thì những áp lực từ trách nhiệm cũng như những cám dỗ về vật chất các KSV lại đang phải đối diện hàng ngày. Trong điều kiện thu nhập vật chất không tương xứng với trách nhiệm và áp lực công việc, một số KSV đã sa ngã, tha hóa, tham nhũng, vụ lợi tìm kiếm thu nhập bất chính từ vị trí, nghề nghiệp của mình, tiếp tay hoặc bỏ lọt tội phạm. Trách nhiệm của VKSND ngày càng nặng nề hơn, nhất là từ khi có BLTTHS năm 2003 (VKS phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của CQĐT) và Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước, các hoạt động tố tụng quan trọng như bắt người, khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn... đều cần phải có sự phê chuẩn của VKS. VKS là cơ quan chịu trách nhiệm cuối cùng, cao nhất về tính có căn cứ và tính hợp pháp của các quyết định đó, nếu ra quyết định phê chuẩn không chính xác, dẫn tới oan, sai... thì phải đối diện với trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật... Tuy nhiên, tiền lương, chế độ phụ cấp đối với KSV chưa tính tới đặc thù nghề nghiệp cũng như trách nhiệm to lớn mà họ gánh vác. Vì vậy, cần phải cải cách mạnh mẽ chế độ tiền lương và phụ cấp cho đội ngũ KSV trên cơ sở tính tới đặc thù nghề nghiệp, trách nhiệm và áp lực công việc rất lớn mà họ đang phải đối diện hàng ngày, bảo đảm để họ hoàn toàn yên tâm công tác, nỗ lực học tập, trau dồi kiến thức nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp, phấn đấu vươn lên, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn mới. Trong tiền lương phải tính tới toàn diện các yếu tố: trách nhiệm nặng nề mà đội ngũ KSV đang gánh vác, bảo đảm vật chất để KSV toàn tâm toàn ý vào công việc, không bị chi phối bởi những cám dỗ vật chất; phụ cấp đặc thù nghề nghiệp, những sức ép mà KSV đang hàng ngày phải đối mặt.

Cùng với việc cải cách chế độ tiền lương và phụ cấp cho đội ngũ KSV, cần thường xuyên sàng lọc, xử lý nghiêm minh những người vi phạm, cá thể

hóa trách nhiệm cá nhân như: công khai xin lỗi, kỷ luật công tác, kỷ luật Đảng trong các trường hợp oan sai. Không thể quy trách nhiệm tập thể chung chung, né tránh trách nhiệm cá nhân, bao che trong những trường hợp này. Để làm được điều đó, đòi hỏi ngành Kiểm sát phải xây dựng chính sách cụ thể đối với vấn đề cán bộ và quản lý cán bộ, thể hiện tinh thần kiên quyết đấu tranh với tiêu cực, làm trong sạch bộ máy. Kiên quyết xử lý những hiện tượng tiêu cực, những cá nhân vi phạm, không dung túng, bao che, nương nhẹ trong xử lý vi phạm, bởi đó là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các vi phạm tiếp theo. Quản lý tốt đội ngũ KSV, xử lý nghiêm minh, kiên quyết các trường hợp vi phạm là một trong những biện pháp quan trọng để chấn chỉnh đội ngũ cán bộ, củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân đối với các cơ quan tư pháp nói chung và ngành Kiểm sát nói riêng.

4.2.8. Giải pháp về hoàn thiện Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn thi hành

Như trên đã phân tích, các quy định của BLHS năm 1999 có nhiều điểm bất cập, và là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc các cơ quan thực thi pháp luật lúng túng, vướng mắc trong quá trình áp dụng, dẫn đến sai sót. Mặt khác, việc áp dụng pháp luật trong giai đoạn giao thời (từ khi BLHS năm 2015 được công bố đến trước khi Bộ luật có hiệu lực đang là vấn đề phức tạp, gây tranh cãi). Việc lùi hiệu lực thi hành của BLHS cũng như BLTTHS năm 2015 do phát hiện có nhiều sai sót trong BLHS sau khi được Quốc hội thông qua [51] dẫn đến rất nhiều hệ lụy kèm theo, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình áp dụng pháp luật. Do đó, chúng tôi đề xuất bổ sung, sửa đổi một số quy định tại BLHS năm 2015 trong Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự những nội dung sau:

- Sửa đổi một số điều luật của BLHS năm 2015 theo hướng mô tả rõ dấu hiệu của hành vi khách quan trong cấu thành cơ bản từng tội danh cụ thể như: hành vi khách quan của “Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát” (Điều 131); “Tội cố ý thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác” (Điều 134),

“Tội cướp giật tài sản” (Điều 171), “Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản” (Điều 172), “Tội trộm cắp tài sản” (Điều 173) ... (các điều luật này cơ bản vẫn giữ nguyên quy định về hành vi khách quan như BLHS năm 1999).

- Sửa đổi một số điều luật trong BLHS năm 2015 theo hướng quy định rõ hình thức lỗi (cố ý hay vô ý) trong tên tội danh và cấu thành cơ bản của điều luật. Cụ thể là tại các điều Điều 240 “Tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người”, Điều 241 “Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật”, Điều 249 “Tội huỷ hoại nguồn lợi thủy sản” ...

- Sửa đổi BLHS năm 2015 theo hướng quy định rõ hành vi khách quan có tính chất đặc trưng để phân biệt hành vi phạm tội của một số tội danh có dấu hiệu cấu thành tội phạm gần giống nhau như: hành vi buôn lậu (Điều 188) và hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới (Điều 189); Hành vi lừa dối khách hàng (Điều 198), hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174) với các tội có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn gian dối khác; hành vi xâm phạm nhãn hiệu xảy ra trong kinh doanh hàng giả thường tại các Điều 192, 193, 194, 195 và hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 226) ...

- Sửa đổi Điều 27 BLHS năm 2015 về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, theo đó quy định rõ mốc thời điểm kết thúc để tính thời hiệu là từ khi khởi tố bị can. Mặt khác, thời gian tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ bị can nhưng không liên quan đến bị can đó (không bỏ trốn và không có quyết định truy nã) thì vẫn được tính vào thời hiệu; thời gian điều tra, truy tố, xét xử bị kéo dài do án bị hủy nhiều lần không được tính vào thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Trong thời gian trước mắt, khi BLHS năm 2015 chưa có hiệu lực cũng như Luật sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự 2015 chưa được ban hành, cần tiến hành rà soát, bổ sung và hướng dẫn cụ thể hơn về các trường hợp có lợi cho bị can, bị cáo; hướng dẫn áp dụng các tình tiết thuộc về nhân thân, tiền án, tiền sự của bị can, bị cáo trong các trường hợp hành vi trước đây coi là tội phạm nhưng

BLHS mới không quy định là tội phạm; xác định tiền án, tiền sự để áp dụng tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt nhưng theo quy định của BLHS năm 2015 không coi là tội phạm hoặc không đủ căn cứ để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm là những vấn đề phức tạp, nhất là trong quá trình vận dụng vào những điều luật cụ thể.

Kết luận Chương 4

Sự gia tăng và diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm cùng những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong hoạt động THQCT trong tổ tụng hình sự của VKSND đã đặt ra yêu cầu khách quan phải có hệ thống giải pháp đồng bộ và phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của VKS trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, các giải pháp đưa ra, để đảm bảo tính khả thi phải dựa trên những quan điểm, phương hướng nhất định. Trong phạm vi luận án, tác giả đã đưa ra các nhóm giải pháp cơ bản, đó là: Nhóm giải pháp về công tác tổ chức và cán bộ; Thực hiện tốt chức năng THQCT, kiểm sát HĐTP trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử án hình sự; Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng; Tăng cường vai trò lãnh đạo của Viện trưởng VKS các cấp; Giải pháp về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; Giải pháp, kiến nghị về cơ sở vật chất; Bảo đảm chế độ đãi ngộ và nâng cao hiệu quả công tác khen thưởng, kỷ luật; Giải pháp về hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS và BLTTHS năm 2015. Những giải pháp và kiến nghị của luận án xây dựng dựa trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, nội dung các giải pháp mang tính cụ thể và khả thi. Thực hiện đồng bộ các giải pháp trên không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động THQCT trong tổ tụng hình sự mà còn là cơ sở để VKSND đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động trên mọi lĩnh vực công tác, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

KẾT LUẬN

QCT, THQCT không phải là vấn đề mới về mặt lý luận, nhưng đến nay, quan điểm, nhận thức của các nhà nghiên cứu, các học giả và những người làm công tác thực tiễn vẫn có nhiều khác biệt, cả về khái niệm, nội hàm, phạm vi.... Tuy nhiên, nhìn nhận một cách tổng thể, các quan điểm nghiên cứu đều thống nhất QCT, THQCT luôn là chức năng chủ yếu, cơ bản của ngành Kiểm sát. Trong suốt quá trình hình thành, phát triển của ngành, vị trí, vai trò cũng như sự ghi nhận trong các văn bản pháp luật tuy có những thay đổi nhất định, nhưng VKSND luôn thực hiện chức năng này, với sự gắn kết mật thiết, đan xen, bổ trợ với hoạt động kiểm sát trong suốt quá trình tổ tụng.

Thực hiện chủ trương cải cách tư pháp, trong đó các nghị quyết chỉ đạo của Đảng đều nhấn mạnh đến việc thực hiện chức năng THQCT của VKSND, việc nghiên cứu những vấn đề lý luận các nội dung liên quan đến QCT và THQCT của VKSND các cấp có ý nghĩa quan trọng. Các công trình pháp lý nghiên cứu về vấn đề này là cơ sở lý luận quan trọng để tiến hành cải cách bộ máy, cải cách hệ thống pháp luật liên quan. Mặt khác, thực tiễn tổ chức và hoạt động của ngành Kiểm sát là nguồn tài liệu quý giá trong quá trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về QCT và THQCT. Trong phạm vi đề tài, luận án đã nghiên cứu tương đối toàn diện những vấn đề lý luận về QCT, THQCT cũng như thực tiễn hoạt động THQCT trên địa bàn tỉnh Nghệ An, trên cơ sở đó, có thể rút ra một số nhận định chính sau:

Luận án đã làm rõ các khái niệm QCT, THQCT, sự khác nhau cũng như mối quan hệ giữa THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp trong tổ tụng hình sự. Các khái niệm, nhận định được đưa ra trên cơ sở nghiên cứu, đối chiếu, tham khảo nhiều công trình khoa học khác nhau để đưa ra nhận định, quan điểm riêng của mình.

Trên cơ sở sử dụng phương pháp biện chứng duy vật lịch sử, phân tích, tổng hợp... luận án cũng đã làm rõ quá trình hình thành, phát triển của hệ thống cơ quan VKSND các cấp, tổ chức và hoạt động THQCT trong các giai

đoạn lịch sử khác nhau, từ những ngày đầu thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa cho đến ngày nay, bối cảnh lịch sử cũng như sự thay đổi về nhận thức, cũng như nội hàm của hoạt động THQCT trong từng thời kỳ. Trên cơ sở phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, luận án cũng đã tìm hiểu về tổ chức và hoạt động THQCT của một số mô hình công tố tiêu biểu trên thế giới như: Anh, Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Trung Quốc... từ đó đi đến nhận định: Chức năng THQCT về cơ bản là giống nhau, nhưng cách thức tổ chức, tên gọi, nhiệm vụ, phạm vi cụ thể... ở từng nước là khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm riêng về chính trị, lịch sử, văn hóa pháp lý và tổ chức bộ máy nhà nước của mỗi quốc gia.

Bằng việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau như: thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh..., chúng tôi đã tìm hiểu thực trạng hoạt động THQCT trong tổ tụng hình sự của Viện kiểm sát nhân dân ở Nghệ An, số liệu trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2015. Kết quả của quá trình nghiên cứu cho thấy, nhìn một cách tổng thể, những ưu điểm trong hoạt động THQCT vẫn là cơ bản. Hiệu quả hoạt động của VKS trong lĩnh vực này đã góp phần quan trọng vào việc hạn chế oan sai, tránh bỏ lọt tội phạm, bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền trong tổ tụng hình sự, bảo vệ các quyền cơ bản, chính đáng của công dân.

Tuy nhiên, cần khách quan thừa nhận rằng, hoạt động THQCT của VKSND hai cấp ở Nghệ An vẫn còn bộc lộ không ít hạn chế, tồn tại, xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, song nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu. Những hạn chế, tồn tại đó tuy chiếm tỷ lệ không lớn, nhưng đặt trong vị trí, vai trò quan trọng hàng đầu của VKS trong việc “kiểm duyệt” tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định, hành vi tổ tụng thì những sai sót đó lại để lại hậu quả khôn lường, đó có thể là việc bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, hoặc có thể là xuất phát điểm của tình trạng oan, sai trong tổ tụng hình sự. Hậu quả không những là một cá nhân, một gia đình phải gánh chịu mà còn là sự suy giảm niềm tin của quần chúng nhân dân

vào sự nghiêm minh, tính đúng đắn của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Vì vậy, nâng cao chất lượng công tác THQCT của VKSND là yêu cầu và đòi hỏi khách quan trong giai đoạn hiện nay.

Trên cơ sở lý luận cùng với việc khảo sát, tổng kết thực tiễn hoạt động THQCT của VKSND trên địa bàn tỉnh Nghệ An, luận án nêu rõ yêu cầu, phương hướng và các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của VKSND trong lĩnh vực này, bao gồm các nhóm giải pháp cơ bản sau:

- Thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp khác nhau nhằm nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn và ý thức, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên, bao gồm: Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí và sử dụng cán bộ, Kiểm sát viên; Thực hiện tốt công tác rà soát, đánh giá phẩm chất, trình độ, năng lực đội ngũ Kiểm sát viên...

- Thực hiện tốt chức năng THQCT, kiểm sát HĐTP trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử án hình sự.

- Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Viện trưởng VKS các cấp.

- Giải pháp về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

- Giải pháp, kiến nghị về cơ sở vật chất.

- Bảo đảm chế độ đãi ngộ và nâng cao hiệu quả công tác khen thưởng, kỷ luật.

- Giải pháp và hoàn thiện BLHS và các văn bản hướng dẫn thi hành:

Thực hiện đồng bộ các giải pháp trên không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động THQCT trong tố tụng hình sự mà còn là cơ sở để VKSND đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động trên mọi lĩnh vực công tác, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

**DANH MỤC CÁC BÀI VIẾT LIÊN QUAN ĐẾN
LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ**

1. Tôn Thiện Phương (2015), *"Các giải pháp về công tác cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự"* Tạp chí kiểm sát, số Tân Xuân, tr. 28-33.
2. Tôn Thiện Phương (2015), *"Nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự từ thực tiễn của Nghệ An"* Tạp chí Kiểm sát, số 14, tr. 25-29; 32.
3. Tôn Thiện Phương (2016), *"Quyền bào chữa của người bị buộc tội trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015"*, Tạp chí Kiểm sát, số 10, tr. 42- 45.
4. Tôn Thiện Phương (2016), *"Thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân trong lịch sử tố tụng Việt Nam"* Tạp chí Kiểm sát, số 15, tr. 13 - 16.
5. Đề tài khoa học cấp tỉnh (2014), *"Nâng cao chất lượng tranh tụng trong tố tụng hình sự của Viện kiểm sát Nghệ An trong giai đoạn thực hiện chiến lược cải cách tư pháp"*, Chủ nhiệm đề tài: Tôn Thiện Phương.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2004), *Giáo dục đạo đức cho cán bộ, Đảng viên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Công an - Viện kiểm sát nhân dân tối cao (1963), *Thông tư liên tịch số 427/TTLT ngày 28 tháng 6 năm 1963 quy định tạm thời một số nguyên tắc về quan hệ công tác giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Công an*.
3. Dương Thanh Biểu (2007), *Tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
4. Dương Thanh Biểu (2007), *Tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
5. Bộ tư pháp - Viện khoa học pháp lý (2006), *Từ điển luật học*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
6. Chính phủ (2006), *Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 06 năm 2006 Quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện*.
7. Chủ tịch nước (1945), *Sắc lệnh số 33c/SL ngày 13/9 thành lập các Tòa án quân sự ở ba miền Bắc, Trung, Nam*.
8. Chủ tịch nước (1946), *Sắc lệnh số 13 ngày 21/4 về tổ chức Tòa án thường và các ngạch thẩm phán*.
9. Đảng cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng cộng sản Việt Nam (2010), *Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7 của Bộ chính trị về đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra theo Nghị quyết 49-NQ/TW*.

12. Đảng cộng sản Việt Nam (2014), *Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
13. Đảng cộng sản Việt Nam (2002) *Nghị quyết số 08 – NQ/TW ngày 02/1 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
14. Đảng cộng sản Việt Nam (2005) *Nghị quyết số 48 – NQ/TW ngày 24/5 của Bộ chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
15. Đảng cộng sản Việt Nam (2005) *Nghị quyết số 49 – NQ/TW ngày 02/6 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
16. Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. Nguyễn Minh Đức (2012) “*Quyền công tố và tổ chức thực hiện quyền công tố trong nhà nước pháp quyền*”, Nghiên cứu lập pháp, (1 + 2).
18. Đỗ Văn Đương (2006), “*Cơ quan thực hành quyền công tố trong cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay*”, Nghiên cứu lập pháp, (07);
19. Nguyễn Duy Giảng (2007), “*Căn cứ và phương pháp thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can*”, Kiểm sát, (02).
20. Phạm Hồng Hải (2007), “*Những trường hợp không được khởi tố vụ án hình sự nhìn từ góc độ lý luận và thực tiễn*”, Kiểm sát, (02).
21. Phạm Hồng Hải (2002), “*Quan niệm về cơ quan tư pháp và hoạt động tư pháp*”, Kiểm sát, (8).
22. Lê Thị Tuyết Hoa (2002), *Quyền công tố ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ luật học, Viện nhà nước và pháp luật.
23. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2007), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, tập 1, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

24. Học viện tư pháp (2006), *Giáo trình Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
25. Học viện tư pháp (2011), *Giáo trình luật tố tụng hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
26. Hoàng Công Huân (2000), *"Những biện pháp chủ yếu để nâng cao chất lượng kiểm sát hoạt động tư pháp và thực hành quyền công tố trong năm 2002"*, Kiểm sát, (02).
27. Văn Thị Bích Huệ (2009), *Cơ sở lý luận và thực tiễn về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện ở tỉnh Lạng Sơn*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện Chính trị - hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội
28. Nguy Thế Hùng (2005), *"Kinh nghiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án liên quan đến chiếm đoạt tiền thuế giá trị gia tăng"*, Kiểm sát, (17).
29. Phạm Mạnh Hùng (2007), *"Một số vấn đề lý luận và thực tiễn của việc khởi tố vụ án và kiểm sát việc khởi tố vụ án"*, Kiểm sát, (02).
30. Dương Xuân Khính (2002), *"Những yêu cầu và biện pháp để nâng cao trình độ và chất lượng cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân"*, Kiểm sát, (02)
31. V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 45, Nxb Tiến bộ, Mát- cơ va. In theo bản dịch của Nxb sự thật, Hà Nội.
32. Dương Tuyết Miên (2010), *"Bàn về tội phạm rõ, tội phạm ẩn trong tội phạm học"*, Luật học, (03).
33. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
34. Nguyễn Văn Quảng (2007), *"Trách nhiệm của Viện kiểm sát trong hoạt động kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự"*, Kiểm sát, (02).
35. Quốc hội (2014), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Quốc hội (2001), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết 51/2001 QH10 ngày 25/12/2001 của Quốc hội khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

37. Quốc hội, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980*.
38. Quốc hội, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1959*.
39. Quốc hội, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1946*.
40. Quốc hội (2014), *Luật đầu tư*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Quốc hội (2015), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Quốc hội (2002), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Quốc hội, *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1981*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Quốc hội, *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1960*.
45. Quốc hội (2016), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
46. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
47. Quốc hội (2009), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
48. Quốc hội (2016), *Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
49. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
50. Quốc hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
51. Quốc hội (2016), *Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016*.

52. Minoru Shikita (2000) *Chỉ dẫn về công tác công tố*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
53. Lê Hữu Thê (2005) *Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
54. Lê Hữu Thê (2005), "*Một số giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự*", Kiểm sát, (04).
55. Thủ tướng Chính phủ (1959), *Nghị định 256/TTg ngày 1/7/1959 về nhiệm vụ và tổ chức của Viện công tố*.
56. Tòa án nhân dân tối cao (2016), *Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13 tháng 9 năm 2016 Về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015*.
57. Trường Cao đẳng kiểm sát Hà Nội (1996), *Giáo trình công tác kiểm sát*, Nxb Công an nhân dân, tập 1.
58. Trường đại học luật Hà Nội (2008), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
59. *Từ điển tiếng Việt* (1988), Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
60. VKSND tỉnh Hòa Bình (2011), *Thông báo rút kinh nghiệm số 439/TB-VSK ngày 29/7/2011*.
61. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Viện khoa học kiểm sát (1999), *Tổng thuật đề tài khoa học cấp bộ: Những vấn đề lý luận và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Hà Nội.
62. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (1999), *Kỷ yếu đề tài cấp bộ: Những vấn đề lý luận và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Hà Nội.
63. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2003), *Kỷ yếu đề tài cấp bộ: Những giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp*, Hà Nội.
64. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2010), *Sách chuyên khảo, Tổng kết 50 năm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự của Viện kiểm sát nhân dân (1960- 2010)*.

65. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2010), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2010*, Hà Nội.
66. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2011), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2011*, Hà Nội.
67. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2012), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2012*, Hà Nội.
68. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2013), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2013*, Hà Nội.
69. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2014), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2014*, Hà Nội.
70. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An (2011- 2015), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*, Nghệ An.
71. Viện kiểm sát Quân sự Trung ương (2014), Đề tài khoa học cấp bộ: *Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Viện kiểm sát quân sự theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO TIẾNG ANH

72. Shawn Boyne (2014), *The German prosecution service : guardians of the law*, Publisher: Heidelberg.
73. Angela J. Davis (2009), *Arbitrary Justice: The Power of the American Prosecutor*, Publisher: Oxford University Press, USA.
74. Dean Doran and John Jackson (2000) *The judicial role in criminal proceedings*, Publisher: Oxford-Portland Oregon.
75. Council of Europe (Author) (1998), *The Role of the Public Prosecution Office in a Democratic Society*, Publisher: Council of Europe.
76. Kalman Gyorgy (1996) *The public prosecutor's office in the transitional period*, printed in book: *"The transformation of the Prokuratura into a body compatible with the democratic principles of law"*, Publisher: Council Of Europe Publishing.

77. Peter J. Henning and Lee Radek (2013), *The Prosecution and Defense of Public Corruption: The Law and Legal Strategies* authored, Publisher: LexisNexis.
78. Julia Fionda (1995), *Public Prosecutors and Discretion: A Comparative Study* Oxford monographs on criminal law and criminal justice, Publisher: Clarendon Press.
79. John Kroger (2011), *A Prosecutor's Battles Against Mafia Killers, Drug Kingpins, and Enron Thieves*, Publisher: Farrar, Straus and Giroux.
80. Adrew Sanders (1996) *Prosecutions in common law jurisdictions*, Publisher: Dartmouth company.
81. Stephanos Stavros (1992), *The guarantees for accused persons under Article 6 of the European Convention on Human Rights*, Publisher: Martinus Nijhoff.
82. Martijn Zwiers (2011), *The European Public Prosecutor's Office Analysis of a Multilevel Criminal Justice System*, Publisher: Intersentia.
83. Marianne Wade and Erik Luna (2012), *The Prosecutor in Transnational Perspective*, Publisher: Oxford University Press.
84. John L. Worrall and M.Elaine Nugent-Borakove (2008), *The Changing Role of the American Prosecutor*, Publisher: State University of New York Press.